



# PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ

TIẾP CẬN CÁC DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

**Phân tích trường hợp của phụ nữ dân tộc  
Dao và Mường tại Đà Bắc, Hoà Bình**



# PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ

TIẾP CẬN CÁC DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

**Phân tích trường hợp của phụ nữ dân tộc  
Dao và Mường tại Đà Bắc, Hoà Bình**





# LỜI CẢM ƠN

Báo cáo này được thực hiện trong khuôn khổ hợp tác giữa Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội (ISDS) và Cơ quan của Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho phụ nữ Việt Nam (UN Women) với nỗ lực thúc đẩy các chính sách và chương trình về bình đẳng giới cho vùng dân tộc thiểu số (DTTS) ở Việt Nam. Từ năm 2018, UN Women đã nhận được sự hỗ trợ tài chính của Irish Aid tại Việt Nam để hỗ trợ Ủy Ban Dân tộc trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách DTTS hướng đến bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ DTTS. Hàng năm, ngoài các hợp tác với các cơ quan chính phủ, UN Women luôn hợp tác với các tổ chức xã hội dân sự nhằm thúc đẩy tiếng nói và tăng cường sự chia sẻ thông tin giữa các mạng lưới của các tổ chức xã hội dân sự nhằm vận động cho việc xây dựng và thực hiện các chính sách có trách nhiệm giới ở vùng DTTS.

Báo cáo này được thực hiện khi Việt Nam đang gấp rút hoàn thiện “Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030”. ISDS và UN Women mong rằng báo cáo sẽ đóng góp một góc nhìn về tiếp cận các dịch vụ hành chính công (HCC) của phụ nữ DTTS, qua đó khẳng định rằng các chương trình dành cho phụ nữ DTTS trong Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2023 cần tiếp tục đầu tư cho phụ nữ và trẻ em gái DTTS để tăng các cơ hội giáo dục, học tập và việc làm, đặc biệt là các cơ hội giáo dục dạy nghề và thúc đẩy nâng cao tính di động xã hội cho phụ nữ. Các chương trình đầu tư cải thiện cơ sở hạ tầng như điện, giao thông nông thôn,

mạng viễn thông, và trường học cũng là những điều kiện không thể thiếu góp phần tạo điều kiện cho phụ nữ dễ dàng tiếp cận hơn tới các dịch vụ HCC, góp phần tăng cường tiếp cận các nguồn lực kinh tế xã hội cho phụ nữ dân tộc thiểu số. Nghiên cứu này cũng khẳng định những thay đổi tích cực trong cải cách hành chính, cơ chế một cửa, và dịch vụ công trực tuyến cùng những phát triển của cơ sở hạ tầng là những điều kiện cần, nhưng chưa đủ để nâng cao quyền năng và tính tự chủ của người phụ nữ DTTS. Trong tương lai, cần những can thiệp để thay đổi những khuôn mẫu giới truyền thống cản trở sự tiến bộ của phụ nữ và củng cố bất bình đẳng giới, đặc biệt là mối quan hệ quyền lực giữa hai giới trong việc ra các quyết định của gia đình để đảm bảo thúc đẩy bình đẳng giới thực chất trong các chương trình phát triển kinh tế xã hội.

ISDS và UN Women xin trân trọng cảm ơn sự tham gia của đại diện chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội và một số phụ nữ huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình đã cung cấp thông tin về tình hình dịch vụ HCC ở địa phương và chia sẻ các câu chuyện của mình. Báo cáo đã được hoàn thiện sau hội thảo tham vấn được tổ chức tại Hà Nội với sự tham gia của đại diện các cơ quan và tổ chức xã hội cùng một số chị em phụ nữ từ địa bàn nghiên cứu, đại diện của một số cơ quan chức năng, các cơ quan nghiên cứu và các tổ chức xã hội quan tâm đến chủ đề này.

UN Women cảm ơn sự đóng góp tài chính của Chính phủ Ireland để nghiên cứu này được thực hiện, góp phần thúc đẩy bình đẳng giới ở các vùng DTTS ở Việt Nam.

# MỤC LỤC

<b>Lời cảm ơn</b>	<b>2</b>
<b>Danh mục từ viết tắt</b>	<b>4</b>
<b>Tóm tắt</b>	<b>5</b>
Kết luận	6
Khuyến nghị	7
<b>1. Giới thiệu</b>	<b>9</b>
<b>2. Cơ sở nghiên cứu</b>	<b>12</b>
2.1. Lồng ghép bình đẳng giới trong chính sách quản lý dịch vụ công tại Việt Nam	12
2.2. Khó khăn về điều kiện kinh tế, xã hội của phụ nữ dân tộc thiểu số ảnh hưởng đến tiếp cận các dịch vụ hành chính công	14
2.3. Cải cách “một cửa” trong giải quyết thủ tục hành chính	16
2.4. Đánh giá của người dân về dịch vụ hành chính công tại Việt Nam	17
<b>3. Phương pháp đánh giá</b>	<b>21</b>
3.1. Phương pháp và công cụ đánh giá	21
3.2. Địa bàn và lựa chọn mẫu đánh giá	22
3.3. Hạn chế của cuộc nghiên cứu	24
3.4. Một số nét chính về địa bàn nghiên cứu	24
<b>4. Các phát hiện chính</b>	<b>27</b>
4.1. Tiếp cận và sử dụng dịch vụ hành chính công	27
4.1.1. Phụ nữ dân tộc thiểu số tiếp cận và sử dụng các dịch vụ hành chính công nhiều hơn so với trước kia	27
4.1.2. Những nhóm phụ nữ gặp khó khăn nhất trong tiếp cận dịch vụ hành chính công	34
4.1.3. Hiểu biết của phụ nữ về các dịch vụ hành chính công vẫn còn mơ hồ, chưa đầy đủ	36
4.1.4. Phụ nữ vẫn chưa có đủ phương tiện và điều kiện để tiếp cận dịch vụ hành chính công qua kênh trực tuyến	37
4.1.5. Rào cản trong tiếp cận thủ tục hành chính trực tuyến cho phụ nữ dân tộc thiểu số	39
4.1.6. Nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng của các dịch vụ hành chính công về sở hữu đất đai	40
4.2. Những yếu tố tác động	43
4.2.1. Những yếu tố góp phần cho phụ nữ DTTS tiếp cận và sử dụng nhiều hơn các dịch vụ hành chính công	43
4.2.2. Những yếu tố cản trở phụ nữ DTTS tiếp cận và sử dụng các dịch vụ hành chính công	50
<b>5. Kết luận và khuyến nghị</b>	<b>56</b>
Kết luận	56
Khuyến nghị cụ thể	58
<b>Tài liệu tham khảo</b>	<b>60</b>

---

# DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

---

BHYT	Bảo hiểm y tế
BHXH	Bảo hiểm xã hội
CEDAW	Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ
CEMA	Ủy ban dân tộc
CMND	Chứng minh nhân dân
DTTS	Dân tộc thiểu số
GCNQSDĐ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
QSDĐ	Quyền sử dụng đất
HCC	Hành chính công
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế
ISDS	Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội
MTTQ	Mặt trận Tổ Quốc
ODI	Viện Phát triển Hải ngoại
PAPI	Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính Công cấp tỉnh của Việt Nam
TLN	Thảo luận nhóm
UN Women	Cơ quan Liên hợp quốc về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ

# TÓM TẮT

Luật pháp Việt Nam quy định mọi công dân bình đẳng trong việc tiếp cận các dịch vụ hành chính công (HCC). Nhà nước có nghĩa vụ bảo đảm mọi công dân đều có thể tiếp cận các dịch vụ HCC để giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Mặt khác, trong những năm gần đây, dịch vụ HCC ở Việt Nam đã được cải thiện rất đáng kể nhờ sự quan tâm của Chính phủ Tuy nhiên do một số rào cản về văn hoá và kinh tế - xã hội, phụ nữ dân tộc thiểu số (DTTS) vẫn còn gặp khó khăn trong việc thừa hưởng những thành quả của sự thay đổi đó.<sup>1,2,3</sup>

Để hiểu rõ hơn về thực trạng tiếp cận dịch vụ HCC của phụ nữ DTTS và xác định ảnh hưởng của nó đến việc tham gia của phụ nữ DTTS vào các hoạt động xóa đói giảm nghèo và hưởng lợi từ các dịch vụ xã hội cơ bản từ đó đề xuất giải pháp hỗ trợ phù hợp cho nhóm đối tượng đặc thù này, Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội (ISDS) đã được UN Women ủy thác để tiến hành một đánh giá sâu tại huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. Kết quả và khuyến nghị của nghiên cứu này sẽ được chia sẻ với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức quốc tế và các bên liên quan khác nhằm vận động cho việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế xã hội vùng DTTS và miền núi (2021-2030) đảm bảo có trách nhiệm giới và không

làm trầm trọng thêm các vấn đề bất bình đẳng giới hiện hữu ở các vùng DTTS.

Nghiên cứu được thực hiện tại một xã nông thôn và một thị trấn thuộc huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. Đây là một trong những địa bàn được Irish Aid hỗ trợ chính phủ Việt Nam trong việc thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020. Cụ thể, một xóm của người Dao tái định cư và một tiểu khu có đa số dân tộc Mường sinh sống của thị trấn Đà Bắc đã được lựa chọn làm địa bàn nghiên cứu.

Kết quả của cuộc nghiên cứu chỉ ra rằng phụ nữ DTTS ở địa bàn nghiên cứu đã tiếp cận nhiều hơn tới các dịch vụ HCC. Phụ nữ thường thực hiện các thủ tục HCC ‘đơn giản’ liên quan tới chứng thực giấy tờ, như xác nhận dân sự để xin việc, hoặc đi học, đăng ký kết hôn; xác nhận hộ nghèo, hộ DTTS, xin nhập học cho con cái, đăng ký nhập/tách hộ khẩu, làm chứng minh thư/căn cước, đăng ký khai sinh, khai tử, v.v. Còn những dịch vụ có thủ tục phức tạp hơn, liên quan tới các quyền đất đai, là nguồn tư liệu sản xuất và tài sản lớn, hoặc những thủ tục liên quan tới đăng ký kinh doanh, vay vốn lớn thường do nam giới thực hiện, và phụ nữ chỉ là người đi cùng và “ký tên”. Nhìn chung nam giới vẫn là người đóng vai trò

1 Ủy Ban Dân Tộc (2020). Thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số Việt Nam năm 2019. Số liệu thống kê.

2 UN Women (2019). Các khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

3 Jones, N., & Thi Van Anh, T. (2012). Chính trị về giới và bảo trợ xã hội ở Việt Nam: cơ hội và thách thức. London: Viện Phát triển Hải ngoại.

chính trong việc thực hiện các thủ tục HC trong gia đình. Những trường hợp phụ nữ thực hiện các thủ tục HC quan trọng chỉ xảy ra trong các gia đình mà người chồng đi vắng hoặc bận việc.

Phụ nữ ở độ tuổi trẻ hơn, phụ nữ sống ở khu vực đô thị, phụ nữ có học vấn cao hơn thường tự mình đi làm các thủ tục HC. Trong khi đó, những phụ nữ ở độ tuổi lớn hơn, phụ nữ sống ở nông thôn, những phụ nữ nghèo và phụ nữ có học vấn thấp là những phụ nữ ít tiếp cận tới các dịch vụ HC công, họ chủ yếu dựa vào chồng hoặc con trong việc đi làm các thủ tục HC, thậm chí, có một số phụ nữ hầu như chưa bao giờ tự mình đi làm thủ tục HC. Phụ nữ Mường ở khu vực thị trấn tự mình tiếp cận các dịch vụ HC nhiều hơn so với phụ nữ Dao sống ở xã nông thôn. Còn không ít phụ nữ chưa ý thức được tầm quan trọng của các thủ tục hành chính, đặc biệt liên quan tới các quyền của mình đối với tài sản và đất đai. Điều này có thể đặt họ vào nguy cơ bị tước đoạt quyền lợi về tài sản, hoặc đất đai nếu như gặp tình huống rủi ro.

Vẫn còn không ít rào cản đối với phụ nữ DTTS trong việc tiếp cận dịch vụ HCC. Đó là các định kiến giới, năng lực (về ngôn ngữ, tiếp cận công nghệ thông tin), và nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng của các dịch vụ HCC, và tầm quan trọng của các thủ tục pháp lý liên quan tới quyền đối với đất đai, tài sản. Tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến sẽ là một thách thức cho nhiều phụ nữ DTTS. Nhiều người chưa sở hữu điện thoại thông minh có kết nối mạng. Kể cả khi có điện thoại thông minh, thì ở một số địa phương kết nối mạng lại không ổn định. Chi phí sử dụng Internet, nhất là đối với những hộ nghèo hoặc cận nghèo cũng có thể khiến phụ nữ DTTS ngần ngại tiếp cận với loại hình dịch vụ mới này. Thao tác kê khai trực tuyến phức tạp cũng có thể là trở ngại đối với một số người, đặc biệt là phụ nữ ở độ tuổi lớn hơn.

Những thay đổi tích cực ở địa phương nhờ các chính sách phát triển giáo dục, kinh tế xã hội ưu tiên nhóm DTTS, các sáng kiến hỗ trợ từ cán bộ địa phương trong tiếp cận việc làm, vốn vay; hiệu quả của cải cách hành chính một cửa và chuyển biến tích cực trong quan niệm về bình đẳng giới đang mở ra nhiều cơ hội để phụ nữ DTTS, đặc biệt là nhóm phụ nữ trẻ tuổi, nâng cao năng lực và tiếp cận nhiều hơn tới các dịch vụ HCC. Tuy nhiên, vẫn cần nhiều chính sách hỗ trợ cho nhóm phụ nữ lớn tuổi hoặc có hoàn cảnh khó khăn hơn, đặc biệt là trong triển khai các dịch vụ HCC trực tuyến. Phụ nữ khuyết tật vẫn là nhóm “vô hình” trong các chính sách quản lý và tiếp cận tới các dịch vụ HCC ở Việt Nam.

## Kết luận

Kết quả nghiên cứu trên hai nhóm phụ nữ DTTS là phụ nữ Dao và phụ nữ Mường cho thấy hai nhóm phụ nữ DTTS này ở Đà Bắc đã và đang thay đổi để bắt kịp với những thay đổi kinh tế-xã hội và công nghệ đang diễn ra nhanh chóng trên quê hương mình. Đây có thể được coi như là hai trường hợp điển hình phản ánh sự thay đổi tích cực của phụ nữ DTTS, phụ nữ DTTS có thể thay đổi, có thể trở nên tự chủ và tích cực tham gia vào quá trình xóa đói giảm nghèo, thay đổi cuộc sống của chính họ và gia đình. Những yếu tố giúp phụ nữ DTTS tiếp cận dịch vụ HCC một cách hiệu quả bao gồm: (i) Dịch vụ HCC cấp cơ sở thuận tiện với đội ngũ cán bộ thân thiện, sẵn sàng hỗ trợ; (ii) Hạ tầng cơ sở thuận lợi: giao thông dễ dàng và kết nối Internet ổn định; (iii) Trình độ học vấn cao và tiếp xúc xã hội nhiều giúp phụ nữ nhanh chóng nắm bắt các thủ tục, tự tin, năng động; (iv) Vai trò của chính quyền, các cơ quan chức năng và các đoàn thể xã hội trong việc tạo ra môi trường cởi mở, khuyến khích phụ nữ tự tin chủ động trong lao động



sản xuất và cuộc sống nói chung; và (v) Những thay đổi tích cực về văn hoá-xã hội và kinh tế nói chung thúc đẩy sự thay đổi trong nhận thức của cộng đồng theo hướng bình đẳng hơn, tạo điều kiện cho sự tiến bộ của phụ nữ.

## Khuyến nghị

Các chương trình dành cho phụ nữ DTTS trong Chiến lược quốc gia xóa đói giảm nghèo bền vững hay Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2023, cần tiếp tục đầu tư cho các cơ hội giáo dục, học tập và việc làm cho phụ nữ và em gái DTTS, đặc biệt là các cơ hội giáo dục dạy nghề và thúc đẩy nâng cao tính di động xã hội cho phụ nữ. Ngoài ra, các chương trình đầu tư cải thiện cơ sở hạ tầng như điện, giao thông nông thôn, mạng viễn thông, và trường học cũng là những điều kiện không thể thiếu góp phần tạo điều kiện cho phụ nữ dễ dàng tiếp cận hơn tới các dịch vụ HCC. Cụ thể:

- 1) Tăng cường năng lực sử dụng công nghệ thông tin (Internet, Google, mạng xã hội, điện thoại thông minh, các dịch vụ công trực tuyến) trong cộng đồng các nhóm DTTS. Điều này có thể thực hiện thông qua:
  - a) Cải thiện hạ tầng cơ sở tạo điều kiện sử dụng Internet thuận tiện, hiệu quả (với các khu vực xóm bản ở vùng núi, vùng sâu xa trung tâm xã.
  - b) Thành lập nhóm tình nguyện viên cộng đồng gồm những phụ nữ trẻ, có học vấn cao, có kỹ năng sử dụng máy tính, điện thoại thông minh và sử dụng Internet thành thạo để hỗ trợ cho những phụ nữ nhiều tuổi, phụ nữ khuyết tật và những phụ nữ thiếu kỹ
- 2) Cần có những hoạt động/chương trình cụ thể hỗ trợ cho người khuyết tật và phụ nữ khuyết tật của các nhóm DTTS tiếp cận tới các dịch vụ HCC mà nhờ đó họ có thể được hưởng lợi từ các chương trình hỗ trợ trực tuyến về dạy nghề, đào tạo nghề và việc làm trực tuyến và các dịch vụ an sinh xã hội khác.
- 3) Tăng cường tiếp cận dịch vụ HCC tại cấp cơ sở, cũng là một giải pháp hữu hiệu giúp phụ nữ thấy tự tin, bản lĩnh hơn khi giao tiếp nhiều với cán bộ chính quyền, hay giao tiếp xã hội nhìn chung, đồng thời chủ động được công việc mà không phụ thuộc vào Internet hoặc điện thoại thông minh. Điều này có thể được thực hiện thông qua việc hướng dẫn phụ nữ đi xe máy và lấy bằng lái xe máy để giúp họ đi đến các cơ quan cung cấp dịch vụ HCC dễ dàng và chủ động hơn.
- 4) Một số thủ tục hành chính để vay vốn có thể được điều chỉnh linh hoạt hơn với công nghệ trực tuyến nhằm giảm bớt khó khăn cho phụ nữ khi hoàn thiện hồ sơ để vay vốn trong điều kiện “chủ hộ” là người chồng hoặc thành viên khác của gia đình không thể có mặt vào thời điểm vay vốn. Ví dụ như việc tham gia và uỷ quyền trực tuyến với sự chứng thực của cán bộ cung cấp dịch vụ HCC và cán bộ cho vay vốn.

- 5) Đẩy mạnh các hoạt động “mang thủ tục đến cho người dân” theo cách làm của các chương trình cho vay vốn xóa đói giảm nghèo, hoặc làm thủ tục căn cước cho người dân tại thôn/xóm.
- 6) Tăng cường hoạt động truyền thông nhằm thay đổi các khuôn mẫu giới và chuẩn mực giới truyền thống về vai trò trụ cột và quyền ra quyết định của nam giới hướng đến sự cân bằng và bình đẳng trong gia đình.
- 7) Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nhằm tăng quyền năng kinh tế và vị thế xã hội của phụ nữ DTTS thông qua nâng cao

nhận thức phụ nữ và nam giới về quyền pháp lý của phụ nữ đối với đất đai (quyền đứng tên trên sổ đỏ, tài sản trong hôn nhân, quyền thừa kế, ...) và tầm quan trọng của các thủ tục pháp lý đối với đất đai và tài sản.

- 8) Việt Nam có 53 dân tộc cư trú ở nhiều vùng miền khác nhau của đất nước với những đặc điểm văn hóa, xã hội, trình độ văn hóa và điều kiện phát triển rất khác biệt. Vì vậy, khi xây dựng các chương trình hỗ trợ cho các phụ nữ DTTS, cần thực hiện khảo sát về địa bàn can thiệp cũng như các nhóm phụ nữ DTTS một cách cụ thể để có thể có những hoạt động hỗ trợ kịp thời và phù hợp.



# 1

## GIỚI THIỆU

Luật pháp Việt Nam quy định mọi công dân bình đẳng trong việc tiếp cận các dịch vụ HCC và Nhà nước có nghĩa vụ bảo đảm mọi công dân đều có thể tiếp cận các dịch vụ HCC để giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Mặt khác, trong những năm gần đây, dịch vụ HCC ở Việt Nam đã được cải thiện rất đáng kể nhờ sự quan tâm của Chính phủ Tuy nhiên do một số rào cản về văn hoá và kinh tế - xã hội, phụ nữ DTTS vẫn còn gặp khó khăn trong việc thừa hưởng những thành quả của sự thay đổi đó.<sup>4,5,6</sup>

Hành chính nhà nước (Hành chính công) là hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền hành chính nhà nước sử dụng các nguồn lực công để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc hoạt động của tổ chức, cá nhân khác được ủy quyền cung cấp các dịch vụ công theo quy định của pháp luật.<sup>7</sup>

Thủ tục hành chính là trình tự/quy trình và phương thức thực hiện các dịch vụ, các yêu cầu và điều kiện về giấy tờ do cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền quy định đối với một công việc cụ thể liên quan đến tổ chức hoặc cá nhân.<sup>8</sup>

Dịch vụ công là hoạt động, công việc phục vụ lợi ích công cộng, thiết yếu, quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân, tổ chức do Nhà nước trực tiếp thực hiện hoặc chuyển giao cho các cơ sở ngoài Nhà nước thực hiện nhằm bảo đảm trật tự, lợi ích chung và công bằng xã hội.<sup>9</sup>

Ở Việt Nam, dịch vụ HCC là một loại dịch vụ công thường bao gồm các mảng dịch vụ sau: 1) cung cấp và công chứng các loại giấy tờ, chứng chỉ cá nhân như CMND, giấy khai sinh/khai tử, giấy đăng ký kết hôn, giấy phép lái xe; 2) cung cấp và công chứng giấy phép kinh doanh và giấy phép

- 4 Ủy Ban Dân Tộc (2020). Thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số Việt Nam năm 2019. Số liệu thống kê.
- 5 UN Women (2019). Các khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.
- 6 Jones, N., & Thi Van Anh, T. (2012). Chính trị về giới và bảo trợ xã hội ở Việt Nam: cơ hội và thách thức. London: Viện Phát triển Hải ngoại.
- 7 Phạm, D. (2011). Nguyên tắc cơ bản trong quản trị hành chính quốc gia. Tạp chí Pháp luật Việt Nam. <http://vietnamlawmagazine.vn/basic-principles-of-state-administration-4429.html>; Alfaro, Jaro A. (2010). Cải cách hành chính công. Tạp chí Pháp luật Việt Nam. <http://vietnamlawmagazine.vn/reforming-public-administration-3651.html>; Ngô, T.C. (2013). Cải cách hành chính công tại Việt Nam: các thực trạng & giải pháp. <http://scholarly-journals.com/sjba/archive/2013/Nov/pdf/Can.pdf>; Painter, M. (2005). Cải cách hành chính công tại Việt Nam: cấy ghép từ nước ngoài hay phúc hợp của bản địa, Chủ nghĩa xã hội và thay đổi luật pháp ở Châu Á, Canberra. <http://press-files.anu.edu.au/downloads/press/p125661/pdf/ch1210.pdf> [https://www.undp.org/content/dam/vietnam/docs/Publications/25527\\_05\\_PARECONDEV\\_FINAL.pdf](https://www.undp.org/content/dam/vietnam/docs/Publications/25527_05_PARECONDEV_FINAL.pdf)
- 8 Khoản 1, Điều 3 của Nghị định 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ [http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&mode=detail&document\\_id=95074](http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=95074)
- 9 Bộ Tư Pháp (2018). Thực trạng thực hiện nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công trong quản lý trợ giúp pháp lý và khả năng chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân xã hội có đủ năng lực thực hiện. <http://trogiupphaply.gov.vn/nghien-cuu-trao-doi/thuc-trang-thuc-hien-nhiem-vu-dich-vu-hanh-chinh-cong-trong-quan-ly-tro-giup>

hành nghề hợp pháp; 3) thu đóng góp tài chính cho ngân sách và quỹ chính phủ; và 4) giải quyết các vấn đề khiếu nại/tố cáo của công dân và xử lý các vi phạm hành chính.

Do vậy, dịch vụ HCC ở Việt Nam có những đặc trưng cơ bản, như: 1) dịch vụ HCC được pháp luật quy định và do các tổ chức hành chính của nhà nước thực hiện; 2) là dịch vụ phi lợi nhuận; 3) mọi công dân bình đẳng trong việc tiếp cận các dịch vụ HCC và Nhà nước có nghĩa vụ bảo đảm mọi công dân đều có thể tiếp cận các dịch vụ HCC để giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp của mình; và 4) đây là dịch vụ gắn liền với hoạt động quản lý nhà nước.<sup>10</sup>

Nhằm tìm hiểu về thực trạng tiếp cận dịch vụ HCC của phụ nữ DTTS (DTTS) và việc tiếp cận dịch vụ hành chính đã ảnh hưởng như thế nào đến sự tham gia của họ vào các hoạt động xóa đói giảm nghèo, Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội (ISDS) đã được UN Women ủy thác để tiến hành một đánh giá sâu với nhóm phụ nữ DTTS nhằm phân tích thực trạng của vấn đề này. Kết quả và khuyến nghị của nghiên cứu này sẽ được chia sẻ với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức quốc tế và các bên liên quan khác nhằm vận động cho việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế xã hội vùng DTTS và miền núi (2021-2030) đảm bảo có trách nhiệm giới và không làm trầm trọng thêm các vấn đề bất bình đẳng giới hiện hữu ở các vùng DTTS.

Cuộc nghiên cứu được thực hiện với 5 mục tiêu sau đây:

1) Tìm hiểu xem phụ nữ DTTS ở các độ tuổi khác nhau và các nhóm kinh tế - xã tiếp cận như thế nào tới các dịch vụ HCC tại địa phương

(bao gồm cả dịch vụ trực tuyến) chủ yếu về các thủ tục giấy tờ pháp lý liên quan tới: (i) quyền sử dụng đất (như, GCNQSDĐ, chuyển nhượng nhà đất, thừa kế); (ii) các giấy tờ, chứng nhận tình trạng nhân thân (như thẻ căn cước/chứng minh nhân dân (CMND)), giấy khai sinh, giấy đăng ký kết hôn, công chứng giấy tờ); (iii) giấy phép kinh doanh/giấy phép hành nghề; và (iv) quỹ tín dụng/cho vay triển khai các hoạt động sinh kế/tạo việc làm/xin việc hoặc học tập.

2) Xác định những hiểu biết của phụ nữ DTTS về các dịch vụ HCC, chính sách và các văn bản pháp lý liên quan cũng như các qui trình thực hiện.

3) Tìm hiểu những yếu tố văn hóa-xã hội có thể cản trở phụ nữ DTTS tiếp cận tới các dịch vụ HCC, chủ yếu liên quan tới quyền lực giới trong gia đình, những khuôn mẫu giới truyền thống và những luật tục.

4) Xác định những phương thức mà phụ nữ DTTS nâng cao quyền năng, sự tự chủ qua việc tham gia tích cực vào các hoạt động kinh tế-xã hội để thoát nghèo (trường hợp những phụ nữ khá giả là những người có hành vi lệch chuẩn tích cực, những người chủ động tiếp cận các dịch vụ HCC để tiếp cận các nguồn tài chính, qua đó nâng cao quyền năng, tính tự chủ đối với quá trình ra quyết định trong gia đình và di động xã hội)

5) Tìm hiểu các chương trình và chính sách giảm nghèo tại địa phương nhằm xác định các yếu tố tích cực và tiêu cực có thể hỗ trợ hoặc cản trở việc tiếp cận các dịch vụ HCC của phụ nữ.

10 Bộ Tư Pháp (2018). Thực trạng thực hiện nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công trong quản lý trợ giúp pháp lý và khả năng chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân xã hội có đủ năng lực thực hiện. <http://trogiupphaply.gov.vn/nghien-cuu-trao-doi/thuc-trang-thuc-hien-nhiem-vu-dich-vu-hanh-chinh-cong-trong-quan-ly-tro-giup>

Nghiên cứu cũng được trông đợi là sẽ góp phần thúc đẩy sự tiến bộ của phụ nữ DTTS ở Việt Nam thông qua việc triển khai các hoạt động về giới trong Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế xã hội vùng DTTS và miền núi (2021-2030). Những đóng góp của nghiên cứu có thể được thể hiện ở một số khía cạnh dưới đây, tập trung vào quyền tiếp cận của phụ nữ:

- 1) Các dịch vụ hành chính về vay vốn/tín dụng trong các chương trình xóa đói giảm nghèo để bắt đầu một hoạt động kinh doanh, khởi nghiệp, đặc biệt là kinh doanh qui mô gia đình trong các lĩnh vực khác nhau (như nông, lâm nghiệp, thủy sản, chăn nuôi, v.v.)
- 2) Các dịch vụ HCC về đăng ký kinh doanh, bao gồm kinh doanh qui mô gia đình trong các lĩnh vực khác nhau (như nông, lâm nghiệp, thủy sản, chăn nuôi, v.v.);
- 3) Các dịch vụ HCC liên quan tới các quyền sử dụng đất: sinh kế của cộng đồng DTTS gắn liền với nông nghiệp và rừng, nhưng thường xảy ra tình trạng thiếu đất sản xuất. Do đó, việc tìm hiểu các dịch vụ HCC liên quan tới các quyền sử dụng đất của phụ nữ DTTS là điều cần thiết;
- 4) Các dịch vụ HCC liên quan tới nhân thân có thể tác động đến cơ hội tiếp cận việc làm hoặc học tập của phụ nữ DTTS hoặc tiếp cận của họ tới các dịch vụ công khác.



## CƠ SỞ NGHIÊN CỨU

### 2.1. Lòng ghép bình đẳng giới trong chính sách quản lý dịch vụ công tại Việt Nam

Việt Nam đã có cam kết chính trị mạnh mẽ về thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ). Cho đến nay, Việt Nam đã có một khung chính sách khá toàn diện về bình đẳng giới, cụ thể hóa các Công ước quốc tế (trong đó có Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ - CEDAW, và Công ước 98 của Tổ chức Lao động Quốc tế - ILO) và bao phủ cả 08 lĩnh vực đời sống gồm chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục, khoa học công nghệ, văn hóa thông tin và thể thao, y tế, và gia đình. Theo Điều 26 của Hiến pháp nước Việt Nam năm 2013, công dân nam và nữ có quyền bình đẳng trong tất cả các lĩnh vực. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 với mục tiêu tổng quan là “đảm bảo bình đẳng thực chất giữa nam và nữ”, đề ra 07 mục tiêu cụ thể và 22 chỉ tiêu thực hiện, nhằm thu hẹp khoảng cách giới về chính trị, kinh tế, lao động, việc làm, giáo dục, tăng cường tiếp cận của phụ nữ với các nguồn lực kinh tế, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đảm bảo bình đẳng giới trong gia đình và nâng cao năng

lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới.<sup>11</sup> Các mục tiêu và chỉ tiêu này định hướng cho kế hoạch hành động của cơ quan chính quyền các cấp cũng như xác định nguồn ngân sách để thực hiện, và đã bao quát được nhiều vấn đề về bất bình đẳng nhất là với phụ nữ ở Việt Nam, như giảm thiểu bạo lực gia đình trên cơ sở giới, tăng tỷ lệ biết chữ của trẻ em gái, và các nhóm DTTS, tăng tỉ lệ học lên cao của nữ giới (thạc sỹ, tiến sỹ), tăng tỷ lệ nữ được đào tạo chuyên môn kĩ thuật nhất là ở vùng nông thôn, tỷ lệ nữ giới làm chủ doanh nghiệp và tỷ lệ phụ nữ tham chính, và đặc biệt là đảm bảo sức khỏe thai phụ và giảm nguy cơ tử vong sau sinh.

Tuy nhiên, một số vấn đề vẫn chưa có các chỉ tiêu hành động cụ thể, mà chỉ mới có các quy định pháp luật trong lĩnh vực liên quan, như về trả lương công bằng giữa nam và nữ; phụ nữ có xu hướng làm nhiều hơn trong lĩnh vực phi chính thức, và dễ bị tổn thương (lao động gia đình không được trả công, không có bảo hiểm), và bình đẳng giới trong sở hữu, đứng tên đất đai và tài sản lớn. Việc triển khai các chính sách quản lý xã hội hướng đến bình đẳng giới (trong đó có việc cung cấp các dịch vụ công như HCC) trên thực tế vẫn còn nhiều hạn chế.

Báo cáo của Viện Phát triển Hải ngoại (ODI) năm 2012 áp dụng khung phân tích kinh tế chính trị

11 Thủ tướng, Quyết định 2351/QĐ-TTg, Phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020.

theo ba nhân tố (3Is) của Rossendorf (2005) để chỉ ra các thách thức trong việc thực thi chính sách về bình đẳng giới ở Việt Nam.<sup>12</sup> Khung lý thuyết này xem xét việc triển khai các chương trình, mục tiêu về bình đẳng giới trong bối cảnh các chủ thể khác nhau là nhà nước, doanh nghiệp, hộ gia đình và công chúng cùng tham gia đàm phán với các mối quan tâm và lợi ích khác nhau. Lý thuyết cũng xem các chủ thể này vốn phân hóa về giới (gendered), được định hình bởi các chuẩn mực xã hội về giá trị, vai trò của mỗi giới, từ đó ảnh hưởng đến hành vi, năng lực phát triển và cách mà mỗi giới đóng góp vào xã hội. Ba yếu tố được quan tâm phân tích gồm (1) *Thể chế* ("institutions"), gồm lập trường chính trị, tổ chức nhà nước, và các chính sách; (2) *Mối quan tâm* ("interest"), hay ai được hưởng lợi từ sự thay đổi chính sách và tương quan quyền lực giữa các nhóm này; và (3) *Tư tưởng* ("ideas"), là niềm tin của công chúng và tầng lớp chính trị về bản chất và nguyên nhân của các vấn đề xã hội, và trách nhiệm của nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề này. Theo đó, các trở lực cho thực hành chính sách bình đẳng giới ở Việt Nam gồm:

- **Rào cản về thể chế:** Mặc dù đã có khung chính sách khá toàn diện và nhiều chương trình bảo trợ xã hội (đặc biệt là xóa đói giảm nghèo), vẫn còn khoảng cách giữa mục tiêu quốc gia đề ra và thực tế triển khai, do sự thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan chính phủ để giải quyết một vấn đề đan xen như bình đẳng giới, và hạn chế về khả năng tự chủ và năng lực của cấp hành chính thấp hơn (như cấp huyện, xã), là những người trực tiếp thực hiện các chương trình/chính sách, mà thêm vào đó là sự thiếu hụt các hoạt động và ngân sách cho đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ.

Bên cạnh đó, dù có nguồn kinh phí trực tiếp từ Chương trình quốc gia về bình đẳng giới, ngân sách quốc gia dành cho các chương trình vận động bình đẳng giới còn khiêm tốn, cũng như thiếu hướng dẫn cụ thể về các khía cạnh giới nào cần tập trung và về nguồn lực để thực hiện các chính sách bình đẳng giới. Ngoài ra, định hướng kinh tế thị trường cũng đang tạo ra khoảng cách ngày càng lớn về chi phí và chất lượng của các dịch vụ công như giáo dục, y tế cho nhóm yếu thế hơn.<sup>13</sup>

- **Rào cản về mối quan tâm:** Có sự không đồng đều về mức độ quan tâm và cam kết thực hiện bình đẳng giới giữa các lãnh đạo địa phương, thường có xu hướng cho rằng vấn đề bình đẳng giới là trách nhiệm riêng của Hội Phụ nữ;
- **Rào cản về tư tưởng:** Mặc dù bình đẳng giới được công nhận rộng rãi và công khai là quan trọng đối với phát triển bền vững, nhưng một số quan niệm xã hội có thể cản trở các nỗ lực đầu tư và hỗ trợ, ví dụ như quan niệm giải quyết bình đẳng giới sẽ khắc sâu bất bình đẳng giới khác; hay trợ cấp về tài chính sẽ khiến người nghèo ỷ lại, hay bị lợi dụng bởi các nhóm 'không xứng đáng' nhận hỗ trợ; và định kiến giới phổ biến về phân công lao động trong gia đình, gắn nam giới với vai trò trụ cột về ra quyết định và nắm các tài sản có giá trị, trong khi giới hạn phụ nữ trong vai trò nội trợ, hay phải luôn ưu tiên gia đình trên quyền lợi của bản thân. Cuối cùng, mặc dù các chính sách ở Việt Nam đã và đang đấu tranh cho bình đẳng giới ở mức độ cố gắng giảm hoặc xóa bỏ chênh lệch giữa các giới, các chính sách này vẫn

12 Jones, N., & Thi Van Anh, T. (2012). Chính trị về giới và bảo trợ xã hội ở Việt Nam: cơ hội và thách thức. London: Viện Phát triển Hải ngoại.

13 Actionaid (2015). Đáp ứng giới trong dịch vụ công: Đây là câu trả lời cho Việt Nam? Hà Nội.

chưa tiến đến việc chủ động đáp ứng các nhu cầu cụ thể của từng giới, và có nhạy cảm về giới trong các quá trình xây dựng nội dung, lên kế hoạch ngân sách, thực hiện và giám sát hiệu quả các chính sách này.

Riêng đối với các cộng đồng người DTTS, phụ nữ và trẻ em gái thường là những đối tượng thiệt thòi hơn về khả năng tiếp cận các cơ hội, các nguồn lực, do các chuẩn mực xã hội áp đặt vị trí thấp kém hơn cho họ, giới hạn họ ở các hoạt động sinh con và sản xuất hộ gia đình. Sự đan xen của nhiều hình thức phân biệt đối xử trên cơ sở giới tính và dân tộc có ảnh hưởng phổ biến nhất.

## 2.2. Khó khăn về điều kiện kinh tế, xã hội của phụ nữ dân tộc thiểu số ảnh hưởng đến tiếp cận các dịch vụ hành chính công

Các nghiên cứu đã chỉ ra các nhóm DTTS đang phải đối mặt với nhiều thách thức có tính phụ thuộc, củng cố lẫn nhau, là nguyên nhân dẫn đến sự mất cân đối dai dẳng về thu nhập của các DTTS so với bình quân cả nước cũng như nhiều thiệt thòi khác, đòi hỏi có một chiến lược phát triển lâu dài dựa trên nhu cầu và điều kiện đặc thù của các nhóm DTTS.<sup>14</sup> Báo cáo của Ngân hàng Thế giới (World Bank) năm 2006 tổng hợp các rào cản có ảnh hưởng nhất đến khác biệt về thu nhập (thấp hơn) ở nhóm DTTS so với người Kinh, và cơ hội

tiếp cận các nguồn lực kinh tế, xã hội của người DTTS nói chung, trong đó có dịch vụ HCC. Các rào cản này, bao gồm các khác biệt về vốn tài sản (Asset), năng lực (Capability) và vị thế, hay tiếng nói trong xã hội (Voice) đang cản trở sự phát triển của đồng bào các DTTS, đặc biệt là phụ nữ

Những rào cản này, sau hơn một thập kỷ vẫn tiếp tục được nói đến trong báo cáo năm 2019 của Ủy ban Dân tộc (CEMA)<sup>15</sup> và Cơ quan Liên hợp quốc về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (UN Women).<sup>16</sup> Thêm vào đó, các khó khăn do bất bình đẳng giới đối với phụ nữ Việt Nam nói chung như báo cáo của ODI (2012) đã chỉ ra (như chênh lệch tiền lương; nữ giới thường tham gia nhiều hơn trong các lĩnh vực lao động phi chính thức, không được trả lương; thiếu tiếp cận với các bảo trợ, phúc lợi xã hội, đào tạo chuyên môn kỹ thuật và cơ hội làm việc trong các lĩnh vực trả lương cao hơn; không được đứng tên sở hữu đất đai; hay phải chịu thêm các rủi ro về sức khỏe sinh sản và nguy cơ tử vong sau sinh...) càng bị khắc sâu thêm bởi những rào cản đặc thù về phong tục tập quán, bất bình đẳng về cơ hội tiếp cận các nguồn lực do yếu tố dân tộc ở nhóm phụ nữ & trẻ em gái DTTS.

Cụ thể, về vấn đề việc làm, đa số người DTTS thường làm việc trong các khu vực phi chính thức, lao động tự do hoặc làm việc nhà không được trả công, có thu nhập không ổn định và không có bảo hiểm xã hội.<sup>17</sup> Trong khi đó, tỷ lệ phụ nữ DTTS làm công việc lao động gia đình không được trả công cao gấp đôi nam giới (52% nữ so với 26,6% nam). Định kiến và khuôn mẫu giới về phân công lao động trong gia đình đang đặt gánh nặng công việc chăm sóc không được trả công trong các

14 Ngân hàng Thế giới (2009). Báo cáo tóm tắt: Phát triển của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Washington, DC.

15 Ủy Ban Dân Tộc (2020). Thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số Việt Nam năm 2019. Số liệu thống kê.

16 UN Women (2019). Các khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

17 Ibid.



hộ gia đình DTTS chủ yếu lên vai người phụ nữ và trẻ em gái. Nữ DTTS có xu hướng tham gia lao động rất sớm và sớm hơn so với nữ dân tộc Kinh. Đến 15 tuổi, rất nhiều em gái DTTS đã tham gia làm việc như người trưởng thành, trong khi ở độ tuổi này, em gái Kinh phần lớn còn đang tiếp tục đi học.<sup>18</sup>

Tỷ lệ lao động nữ DTTS được đào tạo từ trình độ sơ cấp trở lên cũng thấp hơn nam giới (8,9% nữ so với 11,7% nam), trong khi nhìn chung chỉ có khoảng 10% lao động DTTS được đào tạo chuyên môn kỹ thuật. Tỷ lệ nam giới DTTS làm chủ doanh nghiệp và lao động trong các lĩnh vực chính thức cũng cao hơn phụ nữ.<sup>19</sup>

Tỷ lệ nam giới DTTS biết đọc, biết viết bằng tiếng Việt hay tiếng DTTS vẫn cao hơn phụ nữ DTTS.<sup>20</sup> Hơn nữa, tình trạng mù chữ, tái mù chữ cao trong nhóm lao động nữ DTTS từ 35 tuổi trở lên đã cản trở họ tham gia các khóa học nghề, khuyến nông, lâm, ngư nhằm cải thiện/chuyển đổi việc làm và thu nhập. Phụ nữ DTTS có tỷ lệ thất nghiệp cao hơn so với nam giới (1,43% so với 1,38%).<sup>21</sup>

Về mặt giáo dục, khoảng cách giữa trẻ em DTTS và Kinh về tiếp cận giáo dục có chất lượng càng gia tăng ở các cấp học cao hơn. Mặc dù đến năm 2019, 96,9% trẻ em thuộc 53 DTTS trong độ tuổi đi học đã được tiếp cận giáo dục ở bậc tiểu học, tỷ lệ này giảm đáng kể ở bậc THCS (81,6%) và THPT (47%). Do đó, tỷ lệ trẻ em DTTS ngoài nhà trường cũng tăng dần theo cấp học; nghiêm trọng nhất ở cấp THPT với các lý do chủ yếu là kết hôn sớm và lao động sớm.<sup>22</sup>

Một tín hiệu đáng mừng là tỷ lệ đi học muộn (so với lứa tuổi) và bỏ học sớm của trẻ em DTTS cũng đã giảm dần trong những năm gần đây.<sup>23</sup> Mục tiêu quốc gia đến năm 2025 là có trên 95% trẻ em DTTS trong độ tuổi đi học tiếp cận được giáo dục trung học cơ sở. Tỷ lệ này cho bậc trung học phổ thông là 60%. Những thay đổi này và cam kết mạnh mẽ của chính phủ về việc phổ cập giáo dục chính quy cho đồng bào thiểu số, cho thấy ngôn ngữ (cụ thể là việc sử dụng tiếng Kinh thành thạo) có thể sẽ không còn là rào cản về năng lực cho trẻ em DTTS ở các thế hệ sau. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý là hầu hết chính sách giáo dục và đào tạo nghề nghiệp đối với học sinh DTTS hiện hành đều trung tính về giới chứ không đáp ứng giới (chính sách áp dụng như nhau, không phân biệt cho các giới). Điều đó có thể dẫn đến những tác động khác nhau lên mỗi giới do những khác biệt về đặc điểm giới, đặc biệt là ở các nhóm có hoàn cảnh khó khăn đặc thù đòi hỏi các hỗ trợ chuyên biệt hơn.<sup>24</sup>

Về vấn đề chăm sóc sức khỏe, tỷ lệ phụ nữ DTTS đến khám thai và sinh con ở các cơ sở y tế đều thấp hơn nhiều so với phụ nữ Kinh, đồng thời tỷ lệ tử vong của cả bà mẹ và trẻ sơ sinh ở một số nhóm DTTS cũng cao gấp 3-4 lần phụ nữ Kinh.<sup>25</sup> Bên cạnh các hạn chế của hệ thống y tế vùng DTTS, những rào cản về ngôn ngữ và tập tục lâu đời, và không có khả năng chi trả cho các dịch vụ y tế cũng tạo nên bất bình đẳng trong khả năng tiếp cận dịch vụ y tế (trong đó có việc tiếp cận các dịch vụ HCC liên quan đến chăm sóc sức khỏe)

18 UN Women (2019). Các khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

19 Ibid.

20 Ủy Ban Dân Tộc (2020). Thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số Việt Nam năm 2019. Số liệu thống kê.

21 Ibid.

22 UN Women (2019). Các khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

23 Ibid.

24 Ibid.

25 Ibid.

của phụ nữ DTTS. Thêm vào đó, tỉ lệ tảo hôn cao cũng đe dọa đến sức khỏe bà mẹ, trẻ em và cơ hội tiếp cận giáo dục, nghề nghiệp tương lai của trẻ em gái DTTS, khiến họ dễ bị bạo hành và phân biệt đối xử hơn.

## 2.3. Cải cách “một cửa” trong giải quyết thủ tục hành chính

Bộ phận một cửa là cơ quan hành chính của Chính phủ, cho phép công dân nộp hồ sơ làm thủ tục hành chính và nhận kết quả tại cùng một nơi (cơ chế một cửa), giúp đơn giản hóa các thủ tục và phòng ngừa, giảm thiểu tham nhũng. Cơ chế một cửa được thử nghiệm lần đầu vào năm 1995 và đến năm 2015, có tới 99% và 97% tổng số huyện và xã trên toàn quốc đã áp dụng cơ chế dịch vụ một cửa.<sup>26</sup> Tất cả phòng một cửa đều áp dụng cơ chế một cửa liên thông, có sự phối hợp giữa các cơ quan chính phủ thuộc các ban ngành (chiều ngang) và các cấp chính quyền khác nhau (chiều dọc) để cung cấp tất cả các thủ tục hành chính tại cùng một nơi.

Thông thường, bộ phận một cửa ở cấp huyện sẽ tiếp nhận xử lý phần lớn các dịch vụ HCC, còn ở cấp xã sẽ tiếp nhận các dịch vụ cơ bản hơn (trung bình 5.000 hồ sơ/năm). Các dịch vụ này bao gồm làm thủ tục về nhân thân, hộ tịch (như khai sinh, đăng ký kết hôn, chứng minh thư, hộ khẩu), xác thực và công chứng, bảo hiểm và bảo trợ xã hội (bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, xác nhận hộ nghèo, người có công, đối tượng chính sách), Quản lý đất đai (chứng nhận/chuyển nhượng

quyền sử dụng đất), Giấy phép kinh doanh, Giấy phép xây dựng, và Thu thuế và các khoản phí.

Với việc phổ biến cơ chế một cửa ở tất cả các tỉnh thành, người dân thuộc các nhóm yếu thế có được tạo nhiều thuận lợi hơn để tiếp cận các dịch vụ xã hội thiết yếu và các bảo trợ xã hội. Điều này giúp tăng khả năng của nhà nước trong việc đảm bảo quyền con người cho mọi công dân (như quyền được hưởng các dịch vụ an sinh xã hội, hay quyền được đăng ký khai sinh). Tuy nhiên, các vùng sâu, vùng xa hơn có thể đặt ra thách thức về khâu hậu cần trong việc tiếp cận dịch vụ HCC, cần được nhà nước hỗ trợ (như cung cấp thêm phương tiện vận chuyển giấy tờ).<sup>27</sup>

Nhà nước cũng đề ra các chính sách và hướng dẫn chung về nguyên tắc vận hành cơ chế một cửa, đảm bảo tính đồng bộ khi triển khai ở tất cả các khu vực và các cấp chính quyền. Hệ thống chính sách điều chỉnh việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính gồm có Quyết định số 09/2015, Nghị định 61/2018, Nghị định số 92/2017 cập nhật Nghị định 63/2010 về quản lý dịch vụ HCC, và Thông tư 01/2018 để hướng dẫn thực hiện Nghị định 92. Nguyên tắc lấy trải nghiệm và sự hài lòng của người dân làm trọng tâm được thể hiện trong tất cả các chính sách này. Trong đó, Quyết Định số 09/2015/QĐ-TTg (cập nhật Quyết định 93/2007/QĐ-TTg), là cơ sở pháp lý có hiệu lực cao nhất, đặt ra các quy chế về tổ chức phòng một cửa. Các quy chế này bao gồm cơ cấu tổ chức, tiêu chí tuyển dụng và đào tạo cán bộ phòng một cửa, yêu cầu về chuyên môn và đạo đức cho cán bộ, lịch làm việc, tiêu chuẩn về cơ sở vật chất và trang thiết bị tối thiểu, cho đến các mẫu đơn cho từng loại thủ tục, khung thời gian và phí dịch vụ nếu có.

26 Blunt, M., & Davidsen, S. (n.d.). Cải cách một cửa tại Việt Nam: Thay đổi bộ mặt của dịch vụ hành chính công cho người dân và doanh nghiệp thông qua cơ chế một cửa. Ngân hàng Thế giới.

27 Ibid.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thành lập Bộ phận một cửa ở các cấp hành chính, với mức độ tự chủ tương đối cao (phê duyệt các thay đổi về hệ thống tổ chức, quyết định các vấn đề ngân sách, cũng như thanh tra giám sát ở cấp huyện, xã và đề xuất các cải tiến lên cấp cao hơn).

Riêng vấn đề về bình đẳng giới đã được đề cập trong Nghị định 61/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Cụ thể, Điều 4, Nghị định 61 yêu cầu dịch vụ HCC phải đảm bảo công bằng, bình đẳng giữa các đối tượng nộp hồ sơ, đặt sự hài lòng của người sử dụng dịch vụ làm trọng tâm để đánh giá hiệu quả hoạt động của cán bộ một cửa. Đáng chú ý, Nghị định 61 cũng bổ sung thêm các hỗ trợ cho nhóm yếu thế như người DTTS, lần đầu tiên đặt ra yêu cầu phải cung cấp phiên dịch tiếng DTTS khi cần thiết (Khoản 1e, Điều 8). Đồng thời ở Khoản 4, Điều 29 cũng quy định rằng phải có hỗ trợ thêm cho các nhóm dễ bị tổn thương hơn như phụ nữ và DTTS khi tham gia đánh giá hiệu quả hoạt động dịch vụ HCC.

Tuy vậy, chưa có hướng dẫn cụ thể về việc phân bổ ngân sách (và các nguồn lực khác), cũng như cách thức để thực hiện các hoạt động hỗ trợ này. Các quy định khác nhằm đảm bảo quyền lợi và sự thuận tiện cho người dân khi đi làm thủ tục hành chính bao gồm quy định về diện tích khu vực chờ đạt tối thiểu 50% tổng diện tích phòng một cửa, diện tích phòng một cửa đạt tối thiểu 40m<sup>2</sup> đối với cấp xã, kể cả ở vùng sâu, vùng xa (Điều 13, Nghị định 61 và Điều 9, Quyết định số 09/2015);

vị trí quầy phải đảm bảo mọi người dân có thể tiếp cận được dễ dàng (Khoản 1, Điều 13); phải đảm bảo người dân chỉ phải bổ sung hồ sơ tối đa một lần (Khoản 2, Điều 13, Quyết định số 09/2015); phải công khai tất cả các thông tin liên quan đến việc nộp hồ sơ và nhận kết quả, bao gồm cơ quan phụ trách, thủ tục, yêu cầu bộ hồ sơ, mẫu đơn, thời gian xử lý và trả kết quả, và phí và lệ phí nếu có trên các trang web chính thức của chính phủ (bắt buộc ở cấp quốc gia và cấp tỉnh), và niêm yết tại tất cả các phòng một cửa ở địa phương (Khoản 1, Điều 3, Quyết định số 09/2015, và Nghị định số 92/2017).<sup>28</sup>

## 2.4. Đánh giá của người dân về dịch vụ hành chính công tại Việt Nam

Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính Công cấp tỉnh của Việt Nam (tên viết tắt tiếng Anh là PAPI) là khảo sát xã hội học thường niên với quy mô lớn nhất trên cả nước về giám sát thực thi chính sách thông qua trải nghiệm và phản hồi của người dân, hướng tới cải thiện hiệu quả phục vụ nhân dân của chính quyền địa phương. Tám chỉ số đánh giá của PAPI về dịch vụ HCC gồm có (1) Sự tham gia của người dân ở cấp cơ sở; (2) Công khai, minh bạch trong ra quyết định; (3) Trách nhiệm giải trình với người dân; (4) Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; (5) Thủ tục HCC; (6) Cung ứng dịch vụ công; (7) Quản trị môi trường;

28 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của về kiểm soát thủ tục hành chính.

Quyết Định số 09/2015/QĐ-TTg ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

Nghị định số 92/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính. Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Thông tư 01/2018/TT-VPCP hướng dẫn thi hành một số quy định của nghị định số 61/2018/nđ-cp ngày 23 tháng 4 năm 2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

và (8) Quản trị điện tử. Trong đó, chỉ số (7) và (8) được PAPI bổ sung thêm vào năm 2018.

Báo cáo mới nhất - PAPI 2019 lấy ý kiến của 131.501 công dân (kể từ năm 2009), trong đó phụ nữ chiếm khoảng 53%, và các nhóm dân tộc không phải dân tộc Kinh khoảng 16%. Điều đáng chú ý là báo cáo đã chỉ ra những vấn đề chính trong quản trị và HCC của Việt Nam trong thập kỷ qua (2011 đến 2019), ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận của người dân nói chung, và phụ nữ DTTS, thuộc nhóm yếu thế nói riêng, gồm vấn đề quản trị điện tử trong cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm quyền sử dụng đất, và bình đẳng giới, đặc biệt là trong bầu cử và lãnh đạo ở địa phương.<sup>29</sup>

Cụ thể, dù chính phủ đã có nhiều cam kết và nỗ lực trong việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, gồm cả việc thực hiện cơ chế một cửa và thúc đẩy quản trị điện tử trong những năm gần đây, điểm số thủ tục HCC vẫn cải thiện rất ít trong gần một thập kỷ qua (từ năm 2011 đến năm 2019). Sự không hài lòng chủ yếu đến từ các cá nhân hơn là doanh nghiệp, một phần do việc triển khai thủ tục điện tử còn chậm và chưa đồng bộ (điểm cho chỉ số Quản trị điện tử thấp nhất trong 08 khía cạnh). Rất ít người được hỏi từng truy cập vào trang thông tin điện tử của chính phủ để tìm kiếm thông tin hoặc nộp hồ sơ trực tuyến.

Trong khi đó, số hóa thủ tục hành chính có vai trò quan trọng trong chiến lược của quốc gia nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ HCC, vì nó giúp đơn giản hóa việc tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính (đối với người dùng có Internet), đồng thời làm giảm tham nhũng khi tăng cường được tính minh bạch thông tin và giảm thiểu hối lộ.

Về vấn đề bảo đảm quyền sử dụng đất, phản ánh về việc hối lộ khi xin cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất vẫn là một vấn đề nổi cộm trong khía cạnh kiểm soát tham nhũng. Đói nghèo vẫn dẫn đầu danh mục những vấn đề đáng quan ngại nhất theo ý kiến của người dân tham gia khảo sát. Đáng chú ý, báo cáo PAPI đã chỉ ra mối tương quan giữa việc không có bảo hiểm xã hội và nỗi lo đói nghèo, chủ yếu đến từ các nhóm dễ bị tổn thương hơn đang làm việc trong các lĩnh vực phi chính thức như nông nghiệp, lao động tự do, lao động gia đình, không có thu nhập ổn định và không được tiếp cận các bảo trợ xã hội. Các nhóm này thường là phụ nữ và nhóm DTTS. Tuy nhiên, phụ nữ các nhóm DTTS tiếp cận và sử dụng các dịch vụ HCC như thế nào lại chưa được chú ý trong báo cáo.

Tỉnh Hòa Bình, là địa bàn được chọn cho cuộc nghiên cứu đánh giá này, nằm trong số 16 tỉnh thành có thành tích tốt nhất trên toàn quốc về điểm PAPI tổng thể năm 2019. Mặc dù điểm số các khía cạnh về thủ tục HCC, kiểm soát tham nhũng và cung cấp dịch vụ công có tăng nhẹ sau gần 10 năm kể từ 2011 (tăng khoảng 0,6 điểm mỗi khía cạnh), ba khía cạnh còn lại là trách nhiệm giải trình với người dân, sự tham gia của người dân, và tính công khai, minh bạch có điểm số giảm trong thập kỷ.

Trong các thủ tục HCC, Hòa Bình đạt điểm thấp nhất cho các thủ tục liên quan tới đất đai, và cao nhất cho thủ tục cấp phép xây dựng và thủ tục cá nhân. Đáng chú ý, các khía cạnh có điểm số thấp nhất của tỉnh Hòa Bình là quản trị điện tử (ở chỉ số phụ là khả năng truy cập vào cổng thông tin điện tử của chính phủ để tìm kiếm thông tin, và phản hồi trực tuyến của cán bộ); trách nhiệm giải trình với người dân (nhất là ở chỉ số phụ cho phản hồi của chính quyền về các khiếu nại của người dân); và tính minh bạch (trong việc công khai

29 CECODES, VFF-CRT, RTA, UNDP. (2019). Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh của Việt Nam: Đo lường trải nghiệm của người dân. Hà Nội.

ngân sách, và tiếp cận thông tin về các chính sách của nhà nước).

Kết quả đánh giá dịch vụ HCC của tỉnh Hòa Bình khá trùng khớp với tình hình huyện Đà Bắc, theo báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện cải cách hành chính trong năm năm (từ 2015 đến 2020).<sup>30</sup> Các hoạt động mà chính quyền huyện Đà Bắc đã và đang thực hiện, có ảnh hưởng đến việc cải thiện các chỉ số đánh giá của PAPI bao gồm:

- **Về tính công khai, minh bạch:** Huyện đã tổ chức gần 600 hội nghị để tuyên truyền phổ biến pháp luật cho 79.229 lượt người (14% tổng dân số toàn huyện); tăng cường giáo dục pháp luật tại các xã trọng điểm có tỷ lệ vi phạm pháp luật cao;
- **Về thủ tục HCC:** Rà soát để loại bỏ các thủ tục chồng chéo, lỗi thời; công khai tất cả các thủ tục hành chính đã được phê duyệt trên cơ sở dữ liệu quốc gia và niêm yết tại tất cả các bộ phận một cửa của địa phương, 100% cơ quan chính quyền địa phương đã áp dụng cơ chế một cửa và công khai danh sách các thủ tục có áp dụng cơ chế một cửa. Từ năm 2015 đến năm 2018, trung bình huyện tiếp nhận khoảng 2.500 hồ sơ mỗi năm. Số lượng hồ sơ liên tục giảm mạnh trong suốt kỳ báo cáo (từ 14 - 45% một năm), đáng chú ý nhất là vào năm 2019, số lượng hồ sơ đã giảm 77%, từ hơn 2.000 hồ sơ vào năm 2018 xuống còn 482 hồ sơ. Hầu như không có hồ sơ quá hạn, chưa được xử lý;
- **Về quản trị điện tử trong thực hiện thủ tục hành chính:** Dịch vụ công trực tuyến hiện được chia thành 04 mức độ. Nếu ở mức độ

01 chỉ cung cấp thông tin về hồ sơ thủ tục trực tuyến, thì ở mức độ 02, người dùng có thể tải xuống và in các biểu mẫu liên quan để nộp hồ sơ. Ở mức độ 03, người dùng có thể đăng ký làm hồ sơ trực tuyến, nhưng phải nộp phí hoặc lệ phí (nếu có), và nhận kết quả tại Bộ phận một cửa. Ở mức độ 04, người dùng có thể thực hiện tất cả các hoạt động trên (nộp hồ sơ, đóng phí trực tuyến và nhận trả kết quả qua bưu điện) mà không phải đến bất kỳ cơ quan hành chính nào.

Mặc dù ở huyện Đà Bắc (và tỉnh Hòa Bình nói chung) đã có trang điện tử thủ tục hành chính trực tuyến, và ký hợp đồng cho dịch vụ chuyển phát hồ sơ, trả kết quả qua bưu điện để tạo điều kiện cho việc tiếp cận dịch vụ hành chính trực tuyến ở mức độ 03 và 04, nhưng cho đến nay huyện chỉ mới tiếp nhận 27 hồ sơ được nộp theo mức độ 03 (trong nửa đầu năm 2020), và không có hồ sơ nào ở mức độ 04. Ở cấp xã, số lượng thủ tục hiện có ứng dụng kê khai trực tuyến ở mức độ 03 và 04 còn rất hạn chế (lần lượt là 14 và 24 thủ tục), chủ yếu gồm khai sinh, khai tử, kết hôn, công chứng, và thủ tục liên thông để cấp đồng thời giấy khai sinh, hộ khẩu và thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi, đăng ký các hoạt động tôn giáo, và đăng ký bảo trợ xã hội cho đối tượng chính sách là thương binh, liệt sĩ. Các thủ tục về quyền sử dụng đất và đăng ký kinh doanh (chủ yếu là chế biến nông sản, thực phẩm, dịch vụ ăn uống, karaoke) thì đã có ở cấp huyện ở mức độ 03 và 04. Các thủ tục về thừa kế và giao dịch tài sản có giá trị thì chưa có kê khai trực tuyến trên địa bàn huyện Đà Bắc.

- **Về trách nhiệm giải trình với người dân:** huyện đã tiến hành công khai địa chỉ tiếp

30 Báo cáo số 351/BC-UBND ngày 17/8/2020 của UBND huyện Đà Bắc về Tổng kết Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 13/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2020; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2021-2025 của UBND huyện Đà Bắc.

nhận phản hồi của người dân về chất lượng dịch vụ tại Bộ phận một cửa cấp huyện và cấp xã, nhưng theo báo cáo của huyện thì chính quyền địa phương chưa nhận được ý kiến phản hồi, khiếu nại nào trong suốt giai đoạn báo cáo (từ 2015 - 2020).

Báo cáo thực hiện cải cách thủ tục hành chính năm năm của huyện Đà Bắc cũng chia sẻ những thách thức chính bao gồm việc thiếu nguồn nhân lực và ngân sách để thực hiện cải cách dịch vụ HCC, và hạn chế về năng lực kỹ thuật của cán bộ khi triển khai cải cách về quản trị điện tử và số hóa thủ tục hành chính. Huyện cũng đặt ra mục tiêu cải cách hành chính trong giai đoạn tiếp theo (năm 2021 - 2025) là tập trung áp dụng triệt để cơ chế một cửa và hiện đại hóa dịch vụ HCC thông qua quản trị điện tử. Cụ thể, Đà Bắc đặt mục tiêu đạt 100% xã có Trang thông tin điện tử hoạt động có hiệu quả; 80% thủ tục hành chính được giải quyết qua cơ chế một cửa; 100% dịch vụ công trực tuyến được cung cấp ở mức độ 02, và 30% ở mức độ 03 và 04, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền cho người dân biết và thực hiện các thủ tục ở mức độ 03 và 04; và bảo đảm mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ HCC đạt 80%.<sup>31</sup>

**Tóm lại**, các báo cáo như PAPI (2019) và ActionAid (2015) cung cấp những mô hình hữu hiệu để lượng hoá việc đánh giá tính hiệu quả của dịch vụ HCC dựa trên trải nghiệm và ý kiến phản hồi từ người dân sử dụng dịch vụ. Tuy nhiên, các báo cáo này lại thiếu sự tập trung vào trải nghiệm và nhu cầu của nhóm DTTS, mà đặc biệt là phụ nữ và trẻ em gái, cũng như chưa cân nhắc đến những rào cản (cũng như cơ hội) về kinh tế, chính trị, xã hội đặc thù của phụ nữ và trẻ em gái DTTS để lý giải được một cách tường tận thực trạng, những khó khăn và cách hỗ trợ họ xóa bỏ rào cản trong việc tiếp cận dịch vụ HCC.

Bằng việc đặt phụ nữ và trẻ em DTTS trong bối cảnh kinh tế, xã hội, các cơ hội và thách thức mở ra cho họ từ thượng tầng chính sách, cơ sở hạ tầng và các yếu tố về văn hóa, nghiên cứu của chúng tôi hy vọng sẽ mô tả được toàn diện hơn các vấn đề mà nhóm đối tượng đặc thù này đang gặp phải trong việc tiếp cận dịch vụ HCC, cũng như ý nghĩa của việc tiếp cận các dịch vụ này trong việc trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái DTTS. Từ đó, nghiên cứu hi vọng sẽ đưa ra được những kiến nghị có thể giải quyết một cách cốt lõi các rào cản của phụ nữ và trẻ em DTTS khi tiếp cận dịch vụ HCC.

---

31 UBND huyện Đà Bắc (2020). Báo cáo công tác cải cách hành chính huyện Đà Bắc 2016-2020 - Mục tiêu, nhiệm vụ và Nghị quyết 2021-2025. Số 351/BC-UBND.

# 3

## PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

### 3.1. Phương pháp và công cụ đánh giá

Song song với tổng quan tài liệu nhằm thu thập những thông tin sẵn có từ những nghiên cứu đã được thực hiện trước đó về chủ đề, cuộc đánh giá này sử dụng chủ yếu phương pháp định tính (thảo luận nhóm tập trung, phỏng vấn sâu) để có được những thông tin chi tiết và góc nhìn sâu sắc hơn về chủ đề nghiên cứu. Một số kỹ thuật đánh giá cùng tham gia cũng sẽ được sử dụng trong quá trình thực hiện thảo luận nhóm. Do hạn chế về thời gian thảo luận, nhóm nghiên cứu đã quyết định không thu thập một số thông tin như phân công lao động theo giới, quyền sở hữu tài sản của vợ/ chồng trong gia đình; hoặc đánh giá về vai trò của các thể chế, tổ chức liên quan. Những thông tin này có thể tham khảo ở khá nhiều đánh giá/ nghiên cứu gần đây về giới ở Việt Nam.

Dưới đây là một số kỹ thuật đánh giá cùng tham gia đã được nhóm nghiên cứu sử dụng:

- Bảng kiểm các thủ tục hành chính và sơ đồ mô tả về việc các phụ nữ tham gia phỏng vấn đã biết hoặc đã sử dụng những thủ tục hành chính nào, những loại giấy tờ nào cần cho thủ tục đó và trong gia đình họ thì ai là người thường đi làm những thủ tục đó.
- Sử dụng các tấm phiếu nhỏ để thu thập ý kiến hoặc đánh giá của từng thành viên

tham gia, sau đó tổng hợp thành ý kiến chung sau khi có sự đồng thuận của cả nhóm.

- Thang đo quyền lực giới: là cách tìm hiểu về mối quan hệ về quyền lực giới giữa nam và nữ (thường là giữa chồng và vợ) trong gia đình – thang đo này giúp người tham gia (phụ nữ/hoặc nam giới) đánh giá mức độ ra quyết định/tự quyết định về các vấn đề liên quan tới cuộc sống trong gia đình của họ.
- Sử dụng trường hợp điển hình và đường thời gian trong một số phỏng vấn sâu với phụ nữ có hoàn cảnh đặc biệt nhằm có hiểu biết sâu hơn về những yếu tố cản trở hoặc hỗ trợ người phụ nữ trong tiếp cận và sử dụng các dịch vụ HCC và cơ hội cải thiện sinh kế, hoặc việc làm của họ.
- Hình ảnh, quan sát tại chỗ cũng được sử dụng nhằm có thêm mô tả kỹ hơn về địa bàn nghiên cứu và môi trường sống của nhóm phụ nữ tham gia khảo sát.

Căn cứ mục đích cuộc đánh giá, và kết quả tổng quan tài liệu sẵn có, nhóm nghiên cứu đã xây dựng các hướng dẫn phỏng vấn và thảo luận nhóm, bao gồm hướng dẫn sử dụng các kỹ thuật cùng tham gia. Các hướng dẫn cho thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu được thiết kế theo 3 phần chính: (i) Hiểu biết về các dịch vụ HCC/thủ tục HC của phụ nữ DTTS; (ii) Tiếp cận và sử dụng các dịch vụ HCC của phụ nữ DTTS; và (iii) Nhu cầu tiếp cận dịch vụ HCC của phụ nữ DTTS. Ngoài ra, các phần

Giới thiệu về mục đích đánh giá; tính bảo mật thông tin, xin phép sự đồng ý tham gia và một số thông tin nhân khẩu học cơ bản của người tham gia cũng được đính kèm trong Hướng dẫn thu thập thông tin.

Bộ công cụ hướng dẫn thu thập thông tin trong cuộc đánh giá này bao gồm:

- Hướng dẫn thảo luận nhóm phụ nữ và nhóm nam giới
- Hướng dẫn phỏng vấn sâu phụ nữ
- Hướng dẫn phỏng vấn cán bộ/người thạo tin (đại diện lãnh đạo UBND; đại diện Hội Phụ nữ; cán bộ ngân hàng chính sách/cán bộ địa chính)
- Bảng kiểm các dịch vụ HCC
- Bảng kiểm thông tin nhân khẩu, kinh tế-xã hội, cơ sở hạ tầng, thông tin, dịch vụ của địa bàn khảo sát
- Hướng dẫn Thang Quyền lực (ra quyết định)

Bộ công cụ đánh giá đã được xây dựng với sự tham gia của tất cả các thành viên nhóm nghiên cứu và các chuyên gia nhiều kinh nghiệm của ISDS. Thiết kế nghiên cứu, bộ công cụ và kế hoạch điễn dã chi tiết đã được Hội đồng Thẩm định đạo đức nghiên cứu của ISDS xem xét, góp ý hoàn thiện và phê duyệt. Trước khi tiến hành điễn dã, các thành viên của nhóm nghiên cứu đã được tập huấn chi tiết về từng công cụ và các bước tiến hành.

Mọi thành viên nhóm nghiên cứu đều tuân thủ chặt chẽ những qui tắc đạo đức nghiên cứu khi bắt đầu một cuộc phỏng vấn hay thảo luận nhóm với đối tượng (giới thiệu về mục đích nghiên cứu, bảo mật thông tin cá nhân của người tham gia; tính tự nguyện tham gia; lấy ý kiến đồng ý tham gia; đồng ý ghi âm cuộc trò chuyện/chụp ảnh; địa điểm phỏng vấn/thảo luận đảm bảo tính riêng tư). Sau mỗi ngày làm việc, nhóm nghiên cứu đều họp rút kinh nghiệm và cùng nhau bổ sung/điều

chỉnh để hoàn thiện các câu hỏi trong Hướng dẫn phỏng vấn/thảo luận nhóm, cũng như phân công công việc cho ngày làm việc tiếp theo. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu đã tuân thủ yêu cầu về phòng chống lây nhiễm COVID-19: những người tham gia đều được phát khẩu trang y tế và rửa tay sát khuẩn trước khi tham gia cuộc thảo luận nhóm.

## 3.2. Địa bàn và lựa chọn mẫu đánh giá

Nghiên cứu được thực hiện tại huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. Đây là một trong những địa bàn được Irish Aid hỗ trợ chính phủ Việt Nam trong việc thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020.

Một xã nông thôn và một thị trấn của huyện Đà Bắc đã được lựa chọn cho cuộc nghiên cứu nhằm tìm hiểu sự khác biệt trong hiểu biết và tiếp cận/sử dụng các dịch vụ HCC của phụ nữ DTTS ở hai địa bàn này. Thông qua sự hỗ trợ của cán bộ Mặt trận Tổ Quốc (MTTQ) tỉnh Hòa Bình và Đà Bắc, một xóm của người Dao tái định cư và một tiểu khu có đa số dân tộc Mường sinh sống của thị trấn Đà Bắc được lựa chọn làm địa bàn nghiên cứu.

Thảo luận nhóm được thực hiện với các nhóm phụ nữ dân tộc Dao và Mường được lựa chọn theo các mức sống khác nhau (nghèo; thu nhập khá và thu nhập trung bình) và theo các nhóm tuổi khác nhau (18-24; 25-34 và 35-50). Ngoài ra, một nhóm thảo luận với nam giới của mỗi dân tộc cũng được tổ chức nhằm có được góc nhìn khác về việc phụ nữ dân tộc đó tiếp cận và sử dụng dịch vụ HCC như thế nào, cũng như suy nghĩ của họ về vai trò và quyền ra quyết định của phụ nữ và nam giới.

Phỏng vấn sâu được thực hiện với một số phụ nữ nghèo và thu nhập khá của hai nhóm dân tộc. Nhóm nghiên cứu cũng tiến hành phỏng vấn sâu một số phụ nữ có hoàn cảnh đặc biệt, như phụ nữ



khuyết tật/hoặc có con gái khuyết tật; phụ nữ đơn thân do ly hôn hoặc góa. Những phụ nữ có hoàn cảnh đặc biệt sống tại hai địa bàn xóm/tiểu khu được lựa chọn và tại một xóm nằm cách xa trung tâm xã (18km). Đại diện chính quyền địa phương, cán bộ chuyên trách và cán bộ hội phụ nữ được phỏng vấn với tư cách là những người thạo tin.

Cuộc nghiên cứu đánh giá đã được thực hiện vào tuần đầu của tháng 9/2020, với 10 cuộc thảo luận nhóm, trong đó có 2 nhóm nam giới và 22 phỏng vấn sâu, tổng số 89 người tham gia, trong đó có 21 nam giới. Chi tiết về đối tượng tham gia phỏng vấn được thể hiện trong Bảng dưới đây.

**Bảng 1. Đối tượng tham gia phỏng vấn**

	Thị trấn	Xã nông thôn	Tổng số người tham gia
Thảo luận nhóm nữ 18-24 tuổi	1	1	12
Thảo luận nhóm nữ 25-34 tuổi (nhóm nghèo và nhóm thu nhập khá)	2	2	24
Thảo luận nhóm nữ 35-50 tuổi	1	1	14
Thảo luận nhóm nam giới	1	1	17
<b>Tổng số cuộc thảo luận nhóm</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>67</b>
Phỏng vấn sâu phụ nữ (nghèo, đơn thân, khuyết tật, sống xa trung tâm xã)	8	8	16
Phỏng vấn sâu cán bộ	2	4	6
<b>Tổng số phỏng vấn sâu</b>	<b>10</b>	<b>12</b>	<b>22</b>

Trong tổng số người tham gia phỏng vấn, có hai nhóm nam giới trong độ tuổi từ 25-50, một nhóm là nam giới xã Toàn Sơn, và một nhóm là nam giới của tiểu khu đã chọn thuộc thị trấn Đà Bắc. Mục đích thực hiện thảo luận nhóm với nam giới là nhằm tìm hiểu thêm góc nhìn của nam giới về sự tiếp cận và sử dụng các dịch vụ HCC của phụ nữ dân tộc họ và quan điểm của nam giới về giới và vai trò của phụ nữ. Các nhóm nữ và nam giới ở xã Toàn Sơn đều thuộc xóm Cha, là nơi sinh sống chủ yếu của dân tộc Dao. Còn tại thị trấn, phụ nữ và nam giới tham gia chủ yếu là dân tộc Mường và một số là người Tày.

Trong số những phụ nữ tham gia, nhóm phụ nữ Mường ở thị trấn có trình độ học vấn khá cao so với nhóm người Dao ở xã: phần lớn họ đã học xong cấp ba (thường ở nhóm phụ nữ trẻ tuổi hơn), còn nhóm phụ nữ ở độ tuổi lớn hơn phần lớn học hết cấp 2. Với phụ nữ Dao ở xã, tỉ

lệ phụ nữ tham gia nghiên cứu có trình độ văn hóa hết cấp ba chỉ chiếm khoảng 1/3, khoảng 1/3 nữa học hết cấp 2 hoặc tiểu học, và số phụ nữ Dao còn lại (hơn 1/3) cho biết họ chưa tốt nghiệp tiểu học.

Khoảng 2/3 số phụ nữ tham gia biết đi xe máy, nhưng chưa phải tất cả đã có bằng lái xe máy. Một số phụ nữ cho biết họ thấy việc thi lấy bằng lái xe khá khó khăn, đặc biệt là phần thi lý thuyết sử dụng phần mềm máy tính.

Về sử dụng công nghệ, trên 90% số người tham gia sở hữu điện thoại, nhưng không phải tất cả đều là điện thoại thông minh có kết nối Internet. Nhiều phụ nữ, nhất là nhóm phụ nữ lớn tuổi hơn, sử dụng điện thoại chức năng bình thường, chủ yếu là để liên lạc. Sử dụng Internet và mạng xã hội qua điện thoại chủ yếu vẫn là nhóm phụ nữ trẻ tuổi hơn.

### 3.3. Hạn chế của cuộc nghiên cứu

Quá trình thu thập số liệu tại địa bàn nghiên cứu bị chậm so với kế hoạch do qui định cách ly xã hội bởi đại dịch COVID-19. Ngoài ra, cùng với mùa mưa lũ diễn ra ở vùng núi phía Bắc, nhóm nghiên cứu theo khuyến cáo của cán bộ địa phương đã không chọn xã ở khu vực xa thị trấn huyện hơn do tình trạng khó khăn về giao thông trong điều kiện trời mưa.

Nhóm phụ nữ DTTS tham gia nghiên cứu này chủ yếu là phụ nữ Dao và Mường, đồng thời, hai nhóm DTTS này chung sống không quá biệt lập mà hòa đồng với nhóm dân tộc Kinh và các dân tộc khác như Tày, Thái vì vậy ở đây phụ nữ hai dân tộc này không gặp rào cản lớn về ngôn ngữ và giao tiếp như nhiều phụ nữ các nhóm dân tộc khác sống ở các vùng núi cao hơn và xa hơn ở các tỉnh khác của miền núi phía Bắc. Đây là một thuận lợi cho quá trình thảo luận/trao đổi với người dân nhưng ở mặt khác lại chỉ ra rằng hai nhóm DTTS được lựa chọn sẽ không phản ánh hết những khó khăn có thể là phổ biến mà các nhóm phụ nữ DTTS khác thường phải đối mặt.

Cuộc nghiên cứu này được thực hiện tại huyện Đà Bắc của tỉnh Hòa Bình, tuy là huyện vùng sâu, vùng xa và khó khăn của tỉnh, nhưng vẫn là vùng núi thấp. Do vậy, kết quả nghiên cứu sẽ không phản ánh được tình trạng tiếp cận và sử dụng dịch vụ HCC của các nhóm phụ nữ DTTS khác hoặc/và đang sống ở những vùng sâu/xa hơn với điều kiện đi lại khó khăn hơn hoặc gặp những rào cản về ngôn ngữ và giao tiếp.

### 3.4. Một số nét chính về địa bàn nghiên cứu

Đà Bắc là một huyện miền núi, của tỉnh Hòa Bình với diện tích rộng nhất nhưng hiện nay đang là huyện vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh Hòa Bình, cách thành phố Hòa Bình 15 km, nhưng đường giao thông khó khăn. Dân số của huyện Đà Bắc khoảng 58.000 người, với năm nhóm dân tộc chính là: Tày, Mường, Dao, Kinh, và Thái. Trong vài năm trở lại đây đã xuất hiện thêm một số gia đình thuộc nhóm dân tộc Xơ-Đang mới di chuyển từ Tây Nguyên về. Đà Bắc cũng là huyện có nhiều xã giáp với lòng hồ Hòa Bình, với nhiều nhóm dân tái định cư bởi công trình thủy điện Hòa Bình cách đây vài thập kỷ. Huyện Đà Bắc có 16 xã và một thị trấn với tổng số 122 thôn/xóm/tiểu khu. Phần lớn các xã của huyện vẫn thuộc diện đầu tư của chương trình 135.<sup>32</sup>

Cơ sở hạ tầng của Đà Bắc đã được đầu tư khá đồng bộ, điện lưới quốc gia đã phủ tới toàn bộ các xã của huyện và đường ô tô tới trung tâm xã, các tuyến đường liên thôn/xóm hầu hết đã được bê tông hóa.<sup>33</sup> Trong thời gian qua, huyện Đà Bắc đã từng bước vượt lên khó khăn, hướng tới mục tiêu thoát nghèo và phát triển bền vững. Các chương trình tín dụng cho vay vốn ưu đãi xóa đói giảm nghèo, đầu tư sản xuất được đẩy mạnh thông qua hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị và ngân hàng chính sách xã hội được đẩy mạnh. Bên cạnh chiến lược phát triển nông lâm nghiệp, thủy sản, du lịch, và khuyến khích khởi nghiệp, sự phát triển của các khu công nghiệp của tỉnh Hòa Bình, đặc biệt là các khu công nghiệp gần thành phố Hòa Bình đã thu hút nhiều lực lượng lao động,

32 Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện kết luận số 01/KL-ĐCT ngày 20/8/2015 của UBMTTQ huyện Đà Bắc, ngày 5/6/2020.

33 Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện kết luận số 01/KL-ĐCT ngày 20/8/2015 của UBMTTQ huyện Đà Bắc, ngày 5/6/2020.

tạo công ăn việc làm cho nhiều người dân trong huyện, đặc biệt là nhóm trong độ tuổi lao động tích cực, góp phần cải thiện thu nhập cho nhiều hộ gia đình.<sup>34</sup>

Tuy vậy, huyện Đà Bắc vẫn đối diện với nhiều thách thức, biến đổi khí hậu khiến thiên tai xảy ra thường xuyên như mưa to, lũ ống, lũ quét, lốc xoáy đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống kinh tế-xã hội của người dân. Tuyến đường 433 từ thành phố Hòa Bình đến thị trấn Đà Bắc thi công kéo dài qua nhiều năm, làm cản trở sự di chuyển của người dân cũng như sự phát triển chung của cả địa bàn. Mùa mưa, lũ là thời gian người dân ở nhiều xã của huyện gặp khó khăn trong di chuyển bởi đường giao thông bị chia cắt. Điển hình là trận bão xảy ra năm 2017, đã khiến một số tuyến đường bị hư hại nặng nề.

Thị trấn Đà Bắc là trung tâm phát triển của huyện. Huyện có hai xóm có dân tộc Dao sinh sống, là hai xóm mới được sát nhập vào thị trấn. Người dân ở hai xóm này chủ yếu sinh sống bằng hoạt động nông nghiệp và buôn bán nhỏ, là hai địa bàn có điều kiện kinh tế kém nhất của thị trấn. Trong những năm gần đây, đời sống kinh tế-xã hội của người dân địa phương đang được cải thiện khá nhiều. Điều dễ nhận thấy là cơ hội việc làm được mở rộng, không chỉ giới hạn trong phạm vi huyện hay tỉnh, mà còn tới các tỉnh khác. Thí dụ, nhiều phụ nữ sống tại thị trấn Đà Bắc đi làm xa nhà, chủ yếu làm cho các công ty có vốn đầu tư nước ngoài thuộc khu công nghiệp của Hòa Bình như thấu kính Hòa Bình, công ty Bandai. Một số nhỏ phụ nữ đi lao động nước ngoài (Hàn Quốc, Đài Loan) thông qua mạng lưới của người thân.

Các hoạt động giới thiệu việc làm, dạy nghề, hỗ trợ vay vốn cho người dân cũng được chính quyền

địa phương đẩy mạnh thông qua mạng lưới của các đoàn thể chính trị-xã hội, đặc biệt là Hội Phụ nữ địa phương và ngân hàng chính sách xã hội.

Xã Toàn Sơn nằm cách thị trấn Đà Bắc khoảng 7km, gồm năm xóm, với dân số khoảng 2.700 người.

Xã có năm nhóm dân tộc Tày, Mường, Kinh, Dao, và Thái, trong đó có hai xóm người Dao nằm xa trung tâm xã từ 10-17km. Để làm các thủ tục hành chính, người dân trong hai xóm đó phải đi một khoảng cách xa như vậy tới trung tâm xã và thị trấn huyện. Xã Toàn Sơn là một xã đang phấn đấu đạt chuẩn của phong trào xây dựng Nông thôn mới trong năm 2020, do vậy, cơ sở hạ tầng của xã, bao gồm đường xá, và phòng dịch vụ HCC được đầu tư khá tốt.

Cuộc nghiên cứu được thực hiện tại xóm Cha, là xóm người Dao nằm sát trung tâm xã, thuận tiện cho việc tiếp cận tới Ủy ban nhân dân xã, là nơi đặt phòng dịch vụ thủ tục Hành chính một cửa.

Trồng trọt là hoạt động sản xuất chính của người dân của xã Toàn Sơn. Nguồn thu nhập của người dân chủ yếu từ trồng một số cây ăn quả như bưởi, ổi, thanh long và đi lấy măng luồng trên rừng. Trong vài năm trở lại đây, có một số phụ nữ trong xã đi làm công ty ở thành phố Hòa Bình. Một số ít phụ nữ đi lao động xuất khẩu sang Trung Quốc theo con đường không chính ngạch.

## Cải cách thủ tục hành chính

Từ năm 2016 đến nay, tỉnh Hòa Bình nói chung và huyện Đà Bắc nói riêng là giai đoạn mà chương trình cải cách các thủ tục HC được đẩy mạnh.<sup>35</sup>

34 Báo cáo của huyện Đà Bắc số 286/BC-UBND ngày 26/6/2020

35 Báo cáo số 351/BC-UBND ngày 17/8/2020 của UBND huyện Đà Bắc về Tổng kết Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 13/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2020; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2021-2025 của UBND huyện Đà Bắc.

Nhiều sáng kiến về cải cách các thủ tục HC, đặc biệt ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và cung cấp văn bản pháp luật được ưu tiên đẩy mạnh nhằm tạo một môi trường thân thiện và dễ dàng trong phục vụ các thủ tục HC cho người dân. Hiện nay, tỉnh Hòa Bình đã xây dựng hệ thống trực tuyến về thủ tục HC để người dân có thể thực hiện những thủ tục hành chính qua mạng. Tương tự, hệ thống một cửa điện tử này đã được bắt đầu tại huyện Đà Bắc từ đầu năm 2019. Khi được triển khai, người dân và doanh nghiệp có thể truy cập sử dụng dịch vụ công ở các mức độ 3 và 4 (đăng ký, khai báo trên mạng) và nộp lệ phí, nhận kết quả trên mạng), tiết kiệm được nhiều thời gian đi lại và chờ đợi làm thủ tục. Hiện nay, các cán bộ đang chờ được tỉnh tập

huấn để thực sự triển khai hệ thống dịch vụ trực tuyến này.

Hệ thống viễn thông và Internet cũng được nâng cấp và phủ sóng tới hầu hết các thôn xóm. Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và UBND các xã, thị trấn đều được trang bị máy tính, được kết nối Internet băng thông rộng và sử dụng phần mềm liên thông một cửa điện tử.<sup>36</sup>

Trên thực tế, cơ chế một cửa đã được triển khai đồng bộ từ 2018<sup>37</sup> tại huyện. Tại thị trấn và xã khảo sát, phòng dịch vụ thủ tục HC một cửa đã được nâng cấp, các văn bản cập nhật và hướng dẫn về các thủ tục HC đều được in và niêm yết tại phòng dịch vụ để người dân, tra cứu, cập nhật thông tin khi tới sử dụng dịch vụ.

---

36 Báo Hòa Bình (2020). Huyện Đà Bắc ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong cơ quan Nhà nước. <http://baohoabinh.com.vn/28/137253/Huyen-Da-Bac-ung-dung-hieu-qua-cong-nghe-thong-tin-tr111ng-co-quan-Nha-nuoc.htm>

37 Ibid. 4

# 4

## CÁC PHÁT HIỆN CHÍNH

### 4.1. Tiếp cận và sử dụng dịch vụ hành chính công

#### 4.1.1. Phụ nữ dân tộc thiểu số tiếp cận và sử dụng các dịch vụ hành chính công nhiều hơn so với trước kia

Những người tham gia cuộc nghiên cứu đều ghi nhận một sự thay đổi trong vài năm trở lại đây, đó là việc nhiều phụ nữ DTTS đã tự mình đến làm các thủ tục HC. Thậm chí, ở địa bàn thị trấn, phụ nữ được cho là đi làm thủ tục nhiều hơn hẳn nam giới. Sự thay đổi này được ghi nhận là diễn ra trong vòng năm năm trở lại đây. Đây cũng là thời gian mà những chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của địa phương cùng cải cách hành chính với cơ chế một cửa được đẩy mạnh.

Những phụ nữ tham gia nghiên cứu này liệt kê khá nhiều dịch vụ HCC mà họ đã sử dụng, trong đó chủ yếu là chứng thực các loại giấy tờ và làm các giấy tờ liên quan tới nhân thân, như làm/đổi chứng minh thư, tách hộ khẩu. Những phụ nữ trẻ thường đề cập tới việc làm các thủ tục liên quan tới việc nhập học của con cái (như xin xác nhận hộ khẩu, tình trạng hộ nghèo, hộ DTTS); xác nhận dân sự để làm hồ sơ xin việc, xin đi học hoặc các thủ tục liên quan tới xác nhận dân

sự khác như đăng ký kết hôn, đăng ký khai sinh, khai tử, tách hộ khẩu.

Một số phụ nữ đã đề cập tới việc họ cùng chồng hoặc người nhà đến làm các thủ tục về đất đai, như tách sổ đỏ, một số giao dịch về đất (mua, bán hoặc sang nhượng quyền sử dụng đất), xin giấy phép kinh doanh. Những phụ nữ tham gia thực hiện những thủ tục này không nhiều lắm.

Hầu hết những phụ nữ tham gia khi đề cập tới những dịch vụ HCC mà họ đã thực hiện đều có thể mô tả khá rõ họ cần phải chuẩn bị những loại giấy tờ cần thiết nào và cần đến đâu để thực hiện – chủ yếu vẫn là phòng dịch vụ một cửa đặt tại Ủy ban nhân dân xã hoặc thị trấn.

Một trong những thủ tục HC mà nhiều phụ nữ tham gia cho rằng họ không biết đến đâu, hoặc làm như thế nào, đó là thủ tục liên quan tới thực hiện di chúc hoặc thừa kế, nguyên nhân có thể là do ở địa phương việc làm di chúc vẫn chưa phổ biến.

So với nhóm phụ nữ, nhóm nam giới tỏ ra thông hiểu hơn về các thủ tục HC, họ có vẻ nắm chắc hơn về việc thủ tục nào cần giấy tờ gì và đến đâu để thực hiện. Nhóm nam ngoài việc liệt kê những thủ tục HC như nhóm phụ nữ, họ còn đề cập đến các thủ tục mà ít phụ nữ nhắc đến như đăng ký giấy phép lái xe, đăng ký xe. Đặc biệt, nhóm nam tỏ ra thạo hơn nhóm phụ nữ khi liệt kê các thủ tục liên quan tới chuyển nhượng/mua bán quyền sử dụng đất, tách sổ, trong khi nhóm phụ nữ chỉ đề cập đến sổ đỏ - giấy chứng

nhận quyền sử dụng (CNQSD) đất nhưng không thể nói rõ được về qui trình. Thực hiện các thủ tục đăng ký sở hữu xe máy, đặc biệt là ô tô phần lớn đều do nam giới thực hiện. Ngoài ra, nam giới cũng cho rằng họ là người đi làm những thủ tục liên quan tới các giao dịch đất đai nhiều hơn, bởi họ là người đứng tên trên các giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất, hoặc là chủ hộ.

Giải thích cho việc có nhiều phụ nữ đi làm các thủ tục HC, khá nhiều ý kiến từ các phụ nữ tham gia thảo luận nhóm cho rằng do công việc của chồng bận đi làm, đi làm xa, ít ở nhà nên họ đi thay chồng, có phụ nữ còn đưa lý do “chồng không đi thì mình đi”.

Ngoài ra, một lý do khác khá thú vị mà phụ nữ tham gia nghiên cứu ở thị trấn đề cập tới liên quan tới sự ngại giao tiếp của nam giới: người đàn ông trong gia đình họ (chồng/con trai) là người ngại phiền phức, ít tỉ mỉ, ít mềm mỏng trong giao tiếp hơn, nên thường không thích, hoặc không phù hợp làm các thủ tục hành chính như phụ nữ.



Ở trên mình thì đa số con trai không thích đi ra ngoài, ngoại giao, ít khi lắm (TLN phụ nữ Mường, 31-36 tuổi, khá giả, thị trấn).

...ví dụ như ngày đầu năm học mà xác nhận dân tộc thôi, hay là xác nhận hộ cận nghèo, hộ nghèo để được có những chính sách ưu đãi ở nhà trường ấy hầu như là toàn chị em đi làm cho con...nhiều khi em cũng trên bảo là bây giờ phụ nữ toàn cầm cờ nhĩ thì các chị em đều bảo là các ông ấy bây giờ ra ngoài bảo lười



lắm chẳng muốn đi, chẳng muốn làm những việc vặt ấy, nhiều nhà cứ cho đấy là việc vặt (Cán bộ Hội phụ nữ, thị trấn).

Nhiều khi phụ nữ biết ăn nói khéo léo có khi làm các thủ tục hành chính đơn giản hơn cả con trai (TLN nam giới Mường, 20-55 tuổi, thị trấn).

...đi làm những giấy tờ này mình đi là nhất vì mình đi mình còn xem có thiếu sót gì, chồng đi chồng không hay để ý chẳng hạn thì có khi lại thiếu sót cái gì đấy. Chỉ những giấy tờ quan trọng có chữ ký của chồng thì chồng đi (TLN phụ nữ Mường, 25-35 tuổi, thị trấn).

...Con gái mình nó vào những phòng thủ tục nó không ngại bằng con trai. Ngay chồng em đầu tiên em không biết gì bảo chồng em đi làm. Anh về anh bảo anh ngại lắm (TLN phụ nữ Mường, 25-35 tuổi, thị trấn).

Như độ tuổi bọn em quay về trước thì không biết còn quay về đây các chị rất sành điệu, không phải nói gì người dân tộc bọn em trên này chắc cái khoản viết hay ra các nơi cơ quan các ông chồng hầu như ngại, toàn là các bà vợ đi nhiều nhất (Phụ nữ Thái, 54 tuổi, khá giả, thị trấn).

Chồng em chỉ có đi làm đi ra kiếm tiền còn việc nhà anh chẳng biết làm gì đâu (TLN phụ nữ Mường, 25-35 tuổi, thị trấn).

Một lý do nữa là nam giới không tỉ mỉ, không chuẩn bị cẩn thận như phụ nữ, nên phụ nữ đi làm các thủ tục HC tốt hơn nam giới, thêm vào đó, là quan niệm nam chỉ phụ trách những việc to lớn.



“... do mình đàn bà con gái mình tỉ mỉ nên làm nhiều việc hơn. Đàn ông chỉ làm việc to lớn thôi chứ việc vặt vẹo này nọ thì mình làm là chủ yếu. Nghĩa là mình đang xếp công việc nhà là mình cần tỉ mỉ hơn nên mình làm, các thủ tục thì nếu mình không bận thì mình đi làm. Nếu bận thì chồng đi” (TLN phụ nữ Dao, 18-25 tuổi, nông thôn).

Em thấy phụ nữ đi [làm thủ tục HC] chẳng bao giờ thấy vướng mắc một cái gì hết ấy...Đàn ông đi cuối cùng vẫn phải dẩy dưa cái này kia, vẫn cứ mãi không xong...Mẹ em đi làm còn nhanh hơn bố em (TLN phụ nữ Mường và Tày, 18-24 tuổi, thị trấn).

Kết quả nghiên cứu tại hai địa bàn cũng cho thấy dường như nhóm phụ nữ sống ở thị trấn sử dụng các dịch vụ HCC nhiều hơn nhóm phụ nữ ở xã nghiên cứu, chủ yếu là phụ nữ Dao. Điều này thể hiện qua phản ánh của khá nhiều phụ nữ Dao sống ở xã nông thôn và một số phụ nữ Mường ở thị trấn, cho rằng tuy phụ nữ DTTS đi làm các thủ tục có nhiều hơn so với trước kia, nhưng nam giới vẫn là những người đi làm các thủ tục HC là chủ yếu.

Dưới đây là một số nhận xét của họ về việc ai là người thường đi làm các thủ tục HC trong gia đình:



“Chị em phụ nữ chưa được học, ngày xưa không được học không biết chữ



không biết làm thủ tục chỉ có ông chồng đi thôi” (TLN nữ 35-50, Dao, nông thôn).

“Em thì các con còn nhỏ không có ai trông nên chồng hay đi làm” (TLN phụ nữ Dao, 18-25 tuổi, nông thôn).

“...riêng cá nhân mình thì phải lo toan bao nhiêu việc ở nhà rồi thì có mỗi việc đấy thì chồng ở bên ngoài thì làm việc đó thôi chứ còn. Nếu lúc nào chồng bận thì mình thu xếp đi cũng được. Làm thì mình không ngại, làm thì mình vẫn biết làm thôi” (Phụ nữ người Dao, 18-25 tuổi, nông thôn).

“Chủ yếu là chồng em đi làm [thủ tục]... vì anh ấy nắm bắt nhiều hơn. Em cũng ngại lên những chỗ cơ quan ấy. Nhất là lên ngân hàng các thứ vay mượn các thứ toàn chồng em đi. Chồng làm tự do có thời gian nhiều hơn. Em con nhỏ các thứ” (Phụ nữ Mường, 39 tuổi, thị trấn).

Từ góc nhìn của nam giới, nam giới ghi nhận rằng phụ nữ DTTS ở địa phương đi làm thủ tục HC nhiều hơn trước:



“[phụ nữ đi làm các thủ tục HC] ..nhiều hơn chứ, ngày xưa các chị có đi làm mấy đâu. [Vi sao?] Bây giờ xã hội ngày càng văn minh, các chị được học nhiều hơn. Xã hội càng phát triển. Người ta tiếp xúc với bên ngoài nhiều hơn. Phụ nữ trước chỉ biết làm việc nương rẫy các thứ” (TLN nam, Mường, 20-55 tuổi, thị trấn).

Tuy vậy, nhiều nam giới tham gia thảo luận những vấn đề cho rằng đa phần nam giới là người đi làm các thủ tục HC cho gia đình, phụ nữ đi làm chỉ trong trường hợp nam giới không có nhà. Những trường hợp người phụ nữ đi làm thủ tục chủ yếu là do trong nhà thiếu vắng người đàn ông (góa, ly hôn, đi làm xa).



“Toàn các anh đi làm.. Chủ yếu là đàn ông... Đàn ông không có thì mới tới đàn bà. Nếu chồng bạn thì vợ đi làm cũng được. Chồng không bạn thì chồng đi làm” (TLN nam, Dao, 20-55 tuổi, nông thôn).

“Nói chung là con gái cũng có nhưng mình phải nói thế này này. Cái người vợ đấy là mất chồng rồi, vợ làm chủ thì vợ phải đi làm. Còn vợ chồng thì thường thường chồng đi làm. Trừ trường hợp chồng bạn quá hoặc đi làm xa thì có cái việc đó thì vợ ở nhà thì vợ đi làm” (TLN nam, Dao, 20-55 tuổi, nông thôn).

“Có cái vợ không đi làm được vì mình đứng trụ. Những cái ví dụ như hồ sơ cho trẻ đến lớp thì vợ đi làm cũng được mà chồng đi làm cũng được. Cái đó thì nó không cơ bản. Có những cái cơ bản như là chủ hộ thì những cái đó mình khó có thể xoay chuyển được. Có nhiều cái thì chồng bạn thì vợ đi. .. ví dụ như mình làm cái sổ hộ khẩu của gia đình mình, nó có trực trực gì đó hoặc nó bị mất hoặc nó bị mờ chữ thì gần như 100% mình phải đi” (TLN nam, Dao, 20-55 tuổi, nông thôn).



“Về thủ tục vay vốn. Vay vốn đứng tên người nào thì người đó phải đi. Ví dụ vay vốn đứng tên chồng mà hôm giải ngân đó vợ muốn đi nhận thì phải có giấy ủy quyền” (TLN nam, Dao, 20-55 tuổi, nông thôn).

Một số nam giới ở thị trấn chia sẻ sự bình đẳng trong việc ai đi làm thủ tục HC, điều này phản ánh phần nào sự thay đổi vai trò giới trong phân công lao động của gia đình theo hướng hợp lý hóa, dưới đây là một vài chia sẻ của họ khi được hỏi ai trong gia đình họ là người thường đi làm các thủ tục HC:



“Phần lớn là nam. Nếu chồng mà không đi, thì vợ đi, vợ bạn thì chồng đi, nói chung là bình đẳng thôi cũng không nhất thiết là người này phải đi... Nhà có hai vợ chồng, con còn nhỏ, một là vợ không bạn thì vợ đi, chồng không bạn thì đi.” (TLN nam, Mừng, 20-55 tuổi, thị trấn).

“Vi bây giờ bình đẳng hơn. Nhà em cứ ai rảnh thì đi. Cả hai đều như nhau. Biết chỗ biết nơi rồi. Ví dụ bạn công việc thì đi, chồng bạn thì vợ đi” (TLN nam, Mừng, 20-55 tuổi, thị trấn).

Những phụ nữ đơn thân – một mình là trụ cột của gia đình: Nhiều phụ nữ bị đặt vào tình thế bất khả kháng (ly hôn, góa..) khi phải tự mình làm chủ cuộc sống, không có sự hỗ trợ của người chồng, họ đã phải tự mình tiếp cận các dịch vụ HCC, từ đó họ trở nên tự tin, hiểu biết.



Dưới đây là suy nghĩ của một phụ nữ trung niên về việc vai trò của vợ và chồng trong việc thực hiện các thủ tục HC:



*phụ nữ đi làm nhưng phần đa là đàn ông đi làm. Người chồng người ta là trụ cột gia đình người ta hay đi làm. Như mình thì chẳng có trụ cột gia đình, mình là trụ cột gia đình cái gì mình cũng phải đi làm hết” (Phụ nữ đơn thân, Dao, 42 tuổi, nông thôn).*



*“... người ta có vợ có chồng thì chắc chắn là chồng nó sẽ đi làm [thủ tục] nhiều hơn rồi. Cũng có một phần nào*

### Câu chuyện chia sẻ 1. Những người phụ nữ “bị bắt buộc” phải thay đổi

Chị N., 45 tuổi, dân tộc Mường, đã ly hôn được 9 năm. Hiện nay chị ở với hai con: con gái lớn đã học xong đại học và đi làm công ty. Con trai mới đi nghĩa vụ quân sự. Chị lấy chồng từ năm 20 tuổi, do mai mối. Chồng chị cũng là người cùng xóm. Chồng chị rượu chè, cờ bạc thua lại về đánh vợ con. Chị quyết tâm ly hôn mặc dù người chồng không đồng ý ly hôn, đe dọa chị không được bỏ anh ta.

Chị N. kể về quá trình xin làm đơn ly hôn của mình: *“...thật ra thì cái năm ấy, em cũng chưa rõ mình sẽ làm đơn như thế nào, em cũng viết đơn tay xong rồi lên tòa, trên tòa họ không nhận đơn viết tay... lên tòa ở trên huyện, tòa hướng dẫn cho em 1 cái đơn người ta in sẵn rồi, em chỉ việc điền vào đấy, em tự quyết định ly hôn... Lần đầu tiên là đúng cái hôm em lên em nộp đơn ly hôn. Ở tòa án, mà em cũng ngại, mà còn run nữa chứ... em đứng ở cổng [tòa án] mãi, rồi em nghĩ, thôi số phận như thế rồi, cứ liều đi vào để nộp đơn. Em gặp ngay cái anh cũng ở xóm, em đưa đơn ra, ngày đấy em lại viết cái đơn tay, hồi đấy không xử lý cái đơn viết tay, họ giới thiệu lên cái tầng trên lên đấy mua cái đơn họ in sẵn rồi ấy, em về em tự viết vào đấy”. Nhưng nộp đơn ly hôn lần đó của chị cũng không thành công, vì gia đình nhà chồng đến hòa giải, động viên chị cố gắng chịu đựng để nuôi con, giữ gia đình. Chị lại lên tòa làm đơn rút đơn ly hôn. Chị tiếp tục chịu đựng người chồng và sự bạo hành đến khi con đầu của chị học lớp 12, chị quyết tâm ly hôn một lần nữa, như vậy đã qua 16 năm. Chị ra khỏi nhà chồng với bàn tay trắng cùng 2 con.*

Chị N. chia sẻ về kinh nghiệm đi làm thủ tục ly hôn: *“...lần đầu tiên thấy thấy ngại thật. Sau cứ đi 1-2 lần em thấy quen”. Chị cho rằng, đi làm các thủ tục cũng khá dễ dàng, mặc dù chị cũng chỉ học đến lớp 5: “...người ta điền sẵn các thứ mình chỉ điền vào đấy thôi, mẫu [đơn] ở đấy rồi”. Sau khi ly hôn, chị lên thị trấn làm thủ tục tách hộ khẩu khỏi hộ khẩu của chồng. Chị thấy sự cần thiết phải tách hộ khẩu “mình có 1 cái hộ khẩu riêng, sống cảm thấy thoải mái hơn, đi chạy giấy tờ cái gì đấy thì nó cũng dễ dàng hơn”.*

Đi làm thủ tục HC đến vài lần sau là quen, chị thấy bình thường: *“...mình không biết thì mình hỏi phòng nào thì họ chỉ cho mình... Nói chung là [phụ nữ] cũng cần phải biết [về các thủ tục HC]. Không biết thì cũng hơi khó”. Tiếp đó, do quá khó khăn, gia đình được xét hộ nghèo, chị đi làm thủ tục xin xác nhận hộ nghèo và là DTTS để xin học bổng hỗ trợ học phí cho con gái học đại học. Chị cũng dẫn thành thạo trong việc đến ngân hàng gửi tiền cho con.*

Về làm các thủ tục liên quan tới giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng đất, chị N. cho biết sau khi ly hôn, chồng chị bán nhà nhưng không chia cho mẹ con chị. Nhà hiện nay chị ở cùng các con là nhà của người chị chồng đã chết để cho chị ở. Giấy tờ nhà đất chưa kịp làm thì người chị (người cho nhà) mất. Chị cũng lo lắng không biết là sẽ làm giấy tờ nhà đất như thế nào, liệu gia đình của chị (người cho nhà) có nghĩ lại mà can thiệp vào không.

Hiện nay chị thành thạo sử dụng mạng xã hội để liên lạc với con, để tìm kiếm thông tin về việc làm: “...em hay đi vào những cái nhóm của thợ xây trong nước ấy. Nghề em là nghề làm phụ hồ, phụ xây, trang tìm kiếm việc làm của tỉnh Hòa Bình đấy, thấy chỗ nào phù hợp thì em đi.” Con chị hướng dẫn chị vào mạng, thực hành vài lần rồi cũng thạo.

Chị nhận thấy ở xóm chị ở, hầu như toàn phụ nữ đi làm các thủ tục hành chính. Chị cho biết: “Đàn ông thì ít lắm, họ đi làm không được năng động lắm.. Họ đi làm xây, làm ấy thôi, cầm bút nó ngại như nào ý, toàn phụ nữ đi làm giấy tờ ấy mà chị. Em đi làm gặp toàn phụ nữ đi làm”.

Nói về việc liệu người phụ nữ có cần nắm rõ những cái thủ tục hành chính hay không, chị cho biết phụ nữ cũng nên biết, nên chủ động. Thí dụ, các thủ tục liên quan tới quyền sử dụng đất: “là phụ nữ mà không biết thì nó cũng thiệt thòi lắm..”

Về việc khai thủ tục trực tuyến trên mạng, chị cho biết, đối với những người thường xuyên dùng mạng Internet thì dễ dàng, nhưng đối với những người ít sử dụng mạng như chị có thể sẽ rất khó khăn. Nhưng chị tin tưởng, nếu được hướng dẫn 1-2 lần [sử dụng qua điện thoại] thì chị cũng làm được. Chị cho rằng nếu làm được như vậy [dịch vụ trực tuyến] thì tiện hơn nhiều, tiết kiệm thời gian và công sức đi lại.

Chị thấy chị tự tin hơn trước rất nhiều (tới 80%): “Về sau khi em ly hôn cái gì cũng đến tay, nên em rõ, em biết nhiều hơn. ...em thấy cuộc sống nó tự tin hơn, nó dễ dàng hơn ... ngày trước em đi họp xóm em còn ngại không dám đứng lên phát biểu, giờ em cũng mạnh dạn hơn, cũng nói được. [phụ nữ] cái đấy phải biết làm chủ bản thân mình, nhanh nhẹn, tháo vát, dễ dàng cho bản thân mình hơn, mình đi đâu thì mình cũng tự lập hơn, khỏi phải dựa vào người khác, nó cũng dễ dàng hơn”.

Chị N. là một trong rất nhiều phụ nữ, do hoàn cảnh mà phải “thay đổi”, qua đó chị đã trở nên chủ động, tự tin và nỗ lực rất nhiều trong cuộc sống.

Không chỉ có sự khác nhau giữa hai nhóm phụ nữ ở thị trấn và ở nông thôn, kết quả các cuộc thảo luận nhóm cho thấy có sự khác biệt khá rõ ràng giữa hai thế hệ: phụ nữ ở độ tuổi trẻ hơn đã tự mình đi làm các thủ tục HC, từ việc đi làm các thủ tục khai sinh cho con, nhập học cho con, hay chứng thực các loại giấy tờ cần thiết

trong khi những phụ nữ ở độ tuổi lớn hơn chủ yếu dựa vào chồng hoặc con trong việc làm các thủ tục HC, Thậm chí, có một số phụ nữ rất ít hoặc hầu như chưa tự mình đi làm thủ tục HC. Trong nghiên cứu này, họ hầu hết là những phụ nữ lớn tuổi, thuộc thế hệ trước, học vấn thấp hoặc chưa từng đi học.

## Câu chuyện chia sẻ 2.

Trường hợp của chị L., 55 tuổi, dân tộc Dao. Chị cho biết chồng chị là người thực hiện hầu hết các thủ tục HC, khi các con chị trưởng thành, chị lại dựa vào con trai hoặc con dâu để làm các thủ tục trong trường hợp chồng chị không đi vắng. Nhiệm vụ của chị chỉ là ký vào những giấy tờ mà người nhà bảo chị ký, hoặc tham gia các cuộc họp. Càng ít tham gia chị lại càng cảm thấy không tự tin và đánh giá thấp bản thân. Chị chia sẻ về việc các thành viên gia đình đi làm các thủ tục HC như sau:

*"Anh [chồng] hay đi còn chị không đi... Anh với các cháu tự đi làm [giấy chứng nhận kết hôn] ... Tách hộ thì anh đi thôi. [chị] có ký nhưng mà không biết là giấy tờ gì...chị không hay đi va chạm."*

*[Tách sổ đỏ cho con]: "...anh đi làm... Mình không đi làm, không biết cái gì."*

*"Chị chỉ lên UBND xã để họp, còn đi làm thủ tục (HC) thì không bao giờ, kiểu [chị] không hiểu không biết."*

*[Nói về con dâu]: "Đi làm (thủ tục hành chính) thì cái gì nó cũng hiểu biết, còn như chị không hay đi là không hiểu biết gì."*

Các phụ nữ trung tuổi khác, chủ yếu là phụ nữ Dao ở xã nông thôn cũng chia sẻ những ý kiến tương tự:



*"[chồng]...là chủ gia đình, phải đi" (TLN nữ 35-50, Dao, nông thôn).*

*"Ở đây đa số là chồng đi [làm các thủ tục HC], cứ cho chồng đi thôi. Mà trước khi đi làm việc gì vẫn phải thảo luận hai vợ chồng. Có trường hợp chồng không biết chữ, không học thì vợ đi. Chẳng hạn chồng có việc gì bận không đi được thì vợ đi" (TLN nữ 35-50, Dao, nông thôn).*

*"...ngày xưa mình không được ăn học mấy, chính vì cái ấy nên lắm lúc mình phải làm này nọ, chứ mình học có hạn chế, nên mình rụt rè, đi ra ngoài em ngại" (Phụ nữ Dao, 40 tuổi, nông thôn).*

Có thể nói, những phụ nữ lớn tuổi, chủ yếu ở nông thôn, những phụ nữ nghèo, những phụ nữ có học vấn thấp thường là những phụ nữ không/ít tiếp cận tới các dịch vụ HCC, họ thường dựa vào người chồng, và sau đó là con trai/con rể hoặc con gái/con dâu, hay người thân (cha đẻ, cha chồng...) để thực hiện các thủ tục HC.



*"Các thủ tục làm toàn nhờ người thân làm vì mình ít hiểu biết, mình ngại. Chứng minh thư đi làm lâu rồi, nhờ họ hàng khai, mình chỉ chụp ảnh và chứng minh thư thì người ta mang đến nhà" (Phụ nữ góa, 52 tuổi, Dao, nông thôn).*

*"Lên xã thường là anh chồng đi. Kiểu ngày xưa học lớp 2, lớp 3, chữ viết không được giỏi lắm." (TLN phụ nữ Dao, 30 - 48 tuổi, nông thôn).*



Chị em phụ nữ chưa được học, ngày xưa không được học không biết chữ không biết làm thủ tục chỉ có ông chồng đi thôi (TLN phụ nữ Dao, 36-50 tuổi, nông thôn).

Những phụ nữ “chỉ biết ký tên” và nhiều người không quan tâm tìm hiểu xem thủ tục như thế nào, và quyền/quyền lợi mình ở đâu. Điều này vô hình chung đã đặt vào thế yếu nếu xảy ra tình huống rủi ro, quyền lợi của họ có thể bị tước đoạt (tài sản, nguồn lực..).

### Câu chuyện chia sẻ 3. Người phụ nữ dựa hết vào chồng trong việc đi làm các thủ tục HC có thể hoàn toàn bị động khi xảy ra biến cố trong gia đình

Chị M. một phụ nữ Dao 52 tuổi đã vô cùng khó khăn khi chồng chị mất một cách đột ngột, chồng chị là người đi làm tất cả các thủ tục HC, kể cả các thủ tục liên quan tới sổ đỏ, sổ hồng. Chị chỉ ở nhà làm nương, trồng keo, lấy măng và làm việc nhà. Sau khi chồng mất, chị vô cùng bối rối và không biết làm gì khi đi tìm hiểu về các giấy tờ liên quan tới quyền sử dụng đất của mảnh đất đồi mà chị nghĩ là gia đình chị đã được giao sử dụng 50 năm. Chị được thông báo phần đất đó đã bị lấy lại bởi một công ty nào đó (chị không biết, chỉ nghe cán bộ xã nói vậy), sổ hồng (là giấy tờ đất) hiện nay chị cũng không biết đang ở đâu, trước kia do chồng quản và đi làm tất cả thủ tục.

Chị cũng muốn được hỗ trợ vay xóa nhà tạm mà không biết làm thế nào: “Vừa rồi bảo là cái nhà này sợ lấm rồi, mưa bão là không dám ở trong nhà nữa, phải đi ở nhờ nhà người ta ở bên cạnh ý. Thế đi hỏi thì xin làm bên xã người ta bảo nhà bà có trong danh sách đấy. Hỏi trưởng thôn thì trưởng thôn bảo không có đâu, không có danh sách, không có đăng ký. Rõ ràng ông ý còn sống ông ý bảo cũng được đăng ký rồi. [Hỏi: Thế bây giờ mình lại đứng ra mình xin đăng ký không được à?] Không biết nữa. Giờ không mong gì hơn, chỉ mong có tiền để làm lại cái nhà thôi nhưng không biết làm thế nào nữa.”

Chị muốn vay vốn để làm ăn nhưng lại sợ không thể trả được: “Làm thì vẫn muốn làm lắm đấy nhưng mà sợ làm không được thì lúc đấy lấy gì mà trả, nghèo lại càng thêm nghèo”. Sau khi chồng mất, chị mới nhờ anh trai chở đi làm chứng minh thư mới vì CMND cũ làm từ những năm 1990 đã không dùng được. Chị cũng bắt đầu học đi xe máy để chở con đi học và đi chở hàng thuê: “Từ hồi tập được xe mà đi thì cũng đỡ được nhiều rồi. Nếu mà còn không biết đi xe nữa thì còn không biết nó sẽ khó khăn tới mức độ nào nữa. Từ giờ có chạy giấy tờ gì cho con lên xã lên huyện thì tự biết đi xe thì cũng đỡ được phần nào, không phải nhờ anh em người ta giúp nữa.”. Còn về giấy tờ nhà đất, chị nói: “Vẫn cứ để như thế thôi, cũng chả có đi làm lại. Chả biết sau này nó như thế nào”.

## 4.1.2. Những nhóm phụ nữ gặp khó khăn nhất trong tiếp cận dịch vụ hành chính công

### Phụ nữ khuyết tật

Nhóm phụ nữ khuyết tật có lẽ là nhóm hầu như không có khả năng tiếp cận tới các dịch

vụ HCC. Nhìn chung, ở vùng cao, các dịch vụ dành cho người khuyết tật còn chưa được chú trọng. Các phòng tiếp công dân ở cấp xã/thị trấn hầu như không được thiết kế thân thiện cho xe lăn, hoặc cho người khiếm thị. Cuộc sống của người khuyết tật nói chung và phụ nữ khuyết tật nói riêng chủ yếu phụ thuộc vào người thân, người chăm sóc. Bản thân người khuyết tật còn chịu sự kỳ thị của cộng đồng, thậm chí là của người thân về năng lực của

bản thân họ. Phụ nữ khuyết tật thường phải nhờ sự hỗ trợ của người thân/người giám hộ để tiếp cận tới các dịch vụ HCC (làm các thủ tục xin học, chứng thực giấy tờ để nhận hỗ trợ xã hội). Nhiều người khuyết tật không có hoặc thiếu các giấy tờ nhân thân do không biết hoặc không thể tiếp cận các thủ tục HCC, họ trở nên vô hình với các dịch vụ xã hội, các chương trình

hỗ trợ như vay vốn, những thủ tục liên quan tới đất đai hoặc các dịch vụ an sinh xã hội khác. Những phụ nữ khuyết tật mà nhóm nghiên cứu tiếp xúc đều ở độ tuổi từ 25-50 nhưng họ chưa kết hôn. Do vậy, phụ nữ khuyết tật cũng hầu như xa lạ với những thủ tục hành chính liên quan tới hôn nhân và con cái (đăng ký kết hôn, khai sinh, nhập học cho con,..).

#### Chia sẻ câu chuyện 4. Phụ nữ khuyết tật gặp khó khăn trong tiếp cận dịch vụ HCC

Chị N., 30 tuổi, là người khuyết tật tại Đà Bắc, cũng được địa phương tạo điều kiện để ký giấy tờ tại nhà, như các chứng nhận hộ nghèo hay người khuyết tật. Nhưng trước đây làm CMND thì người nhà phải đưa chị đến công an làm. Chị tìm hiểu thông tin về thủ tục tài chính chủ yếu qua người thân. Chị muốn chủ động nắm bắt được các thủ tục, nhất là về quyền sử dụng đất, tài sản (hộ khẩu, sổ đỏ) để chủ động được cuộc sống sau này, không phải phụ thuộc vào người thân. Tuy nhiên chị chưa được phổ biến thông tin nào về việc làm thủ tục trực tuyến, tại địa phương cũng chưa triển khai. Chưa có hỗ trợ đặc biệt nào từ chính quyền trong việc tuyên truyền thông tin, hoặc hỗ trợ chị làm thủ tục ngay tại nhà. Chị chia sẻ: *"...như chị hiện tại toàn bố mẹ, gia đình đi làm cho thôi. Thực ra là mình đi lại khó khăn nên là mình đi làm rất là khó... đối với nhà chị có người quen, mà đi ra đấy mà chị phải trèo lên ba cái tầng, mà em tưởng tượng người bình thường đã khó, nên là người khuyết tật mà leo lên 3 cái tầng ấy thì em thấy nó khó khăn đến mức độ nào"*

Việc chị tiếp cận được các dịch vụ hành chính chủ yếu đến từ trợ giúp của người thân. Những phụ nữ khuyết tật khác tham gia phỏng vấn cũng chia sẻ câu chuyện tương tự:

*"Trước đây thì cô không làm gì, lại phụ thuộc vào bố mẹ nên bố mẹ làm cho. Hồi ở với bố mẹ thì cũng không phải làm giấy tờ mấy, sau này có các con các cháu lớn, có gì thì các cháu lại đi làm... Không biết đi xe thì nó vất vả. Đi phải nhờ các cháu, cháu dâu nó phải đưa đi đưa về." (Phụ nữ Dao, 49 tuổi, khuyết tật, nông thôn)*

#### Phụ nữ nghèo và ở những bản sâu, xa với trung tâm xã gặp trở ngại trong việc đi tới trung tâm xã để làm các thủ tục HC.

Những phụ nữ ở các bản xa trung tâm xã chia sẻ về khó khăn của họ khi phải đi một chặng đường xa, có khi hơn cả 10 km đường để đến trung tâm xã làm thủ tục, đặc biệt là những phụ nữ thuộc hộ nghèo, không có xe máy. Và nếu trong khi chuẩn bị, họ bị thiếu một vài loại giấy tờ nào đó, họ có khi phải đi lại vài lần. Chưa kể tiền xăng xe và thời

gian, nhiều người còn phải nhờ cậy người thân, hay người quen chở đi làm thủ tục nên khá là phiền hà.



*"Những người không hay đi [làm các thủ tục HC] chắc là họ không biết đi xe máy, hoặc là không biết chữ, hoặc là chồng hay đi hơn, hoặc chồng làm gì đấy mà hay lên ủy ban như thế nào đấy. Đi một lần rồi sẽ hay biết hơn... em thấy đi nhiều như thế mình biết*



được nhiều hơn, đỡ ngỡ như lần đầu.. ví dụ ngày xưa thì kinh tế khó khăn hơn, không có xe hay như thế nào đấy. Bây giờ ai cũng đi làm được, có điều kiện đi hơn” (Phụ nữ 32 tuổi, Mường, thị trấn).



Thì đương nhiên là chồng rồi vì số đứng tên toàn nam giới thôi mà. Ở đây, một thời gian trước là em cũng đi tuyên truyền là cái đứng tên sổ đỏ ấy chị là cả hai vợ chồng nhưng mà ở đây thì họ cũng ít xảy ra tranh chấp hay sao ấy, cũng có nhiều hộ chuyển sang cả tên vợ tên chồng nhưng mà nhiều hộ vẫn để nguyên, họ không làm đâu nên là đứng tên ai thì chủ yếu là họ đi [làm thủ tục] thôi (Cán bộ Hội phụ nữ, thị trấn).

### 4.1.3. Hiểu biết của phụ nữ về các dịch vụ hành chính công vẫn còn mơ hồ, chưa đầy đủ

Phụ nữ ở cả hai nhóm: phụ nữ Dao ở xã nông thôn hay phụ nữ Mường ở thị trấn, dù họ ở độ tuổi nào hay nhóm thu nhập nào (nghèo, trung bình, khá) đều có thể liệt kê các thủ tục hành chính cơ bản, như: hộ tịch, chúc thực, quản lý cư trú (khai sinh, chứng minh nhân dân, đăng ký kết hôn, xác nhận sơ yếu lý lịch, làm hộ khẩu, tách hộ, tạm trú tạm vắng), an sinh xã hội (bảo hiểm y tế, xác nhận hộ nghèo & vay vốn hộ nghèo, cận nghèo), và quyền sử dụng đất (sổ đỏ, sổ xanh). Một số biết đến thủ tục đăng kí kinh doanh.

Những người tham gia nghiên cứu đều cho rằng sổ đỏ hầu hết đều do người chồng đứng tên mặc dù luật đất đai qui định bắt buộc đứng tên cả hai vợ chồng<sup>38</sup>, tuy nhiên, theo lãnh đạo chính quyền xã/tiểu khu, những sổ đỏ mới làm gần đây đều đã ghi tên cả hai vợ chồng. Địa phương đã có chính sách khuyến khích người dân đổi sổ mới, để tên của cả hai vợ chồng đều được ghi trong sổ đỏ, nhưng sổ hộ gia đình đổi sổ rất hạn chế, một trong những nguyên nhân là sổ đỏ thường được đem ra làm thế chấp để vay tiền ngân hàng. Vì vậy, người chồng cũng hay phụ trách các thủ tục liên quan đến đất đai hơn vợ:

(vợ chồng lên đổi sổ) 25-30% thôi... khó thực hiện bởi vì bìu đỏ hầu như là trong ngân hàng (Lãnh đạo chính quyền, nam, thị trấn).

Những giấy tờ liên quan đến sử dụng đất thì nam cũng hay đi [làm thủ tục] vì nam đứng tên (TLN nam giới Mường-Tày, 20-55 tuổi, thị trấn).

Tuy những phụ nữ tham gia đều có thể liệt kê một số những thủ tục HC cơ bản, nhưng khái niệm “thủ tục hành chính” và “dịch vụ HCC” lại dường như khá mơ hồ đối với họ, kể cả với những người đã sử dụng dịch vụ HCC nhiều lần. Rất ít người có thể giải thích rõ thế nào là thủ tục hành chính, thế nào là cải cách hành chính, hoặc về dịch vụ một cửa. Phụ nữ Dao ở xã nông thôn hay là phụ nữ Mường ở khu vực thị trấn cũng đều tỏ ra lúng túng khi được hỏi về những thủ tục này, tuy bản thân họ đều đã từng thực hiện một hoặc vài thủ tục hành chính, như chứng thực giấy tờ, làm chứng minh thư, hay xin xác nhận của chính quyền để xin nhập học cho con cái.

38 Điều 27, Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2000, Quốc hội Việt Nam.

So với các nhóm phụ nữ, nhóm nam giới tỏ ra hiểu biết hơn về cải cách HC, về dịch vụ một cửa. Một số nam giới trong thị trấn cho biết họ thường tìm kiếm thông tin trên mạng, qua Google, thí dụ làm khai sinh cho con thì cần chuẩn bị những loại giấy tờ nào trong khi có khá ít phụ nữ chọn cách tra cứu thông tin trên Internet.

### Tim ai để hỏi

Khi có thắc mắc hoặc có nhu cầu sử dụng dịch vụ hành chính, tổ trưởng khu dân cư hoặc trưởng thôn, và cán bộ hội phụ nữ cơ sở là người thường được mọi người tìm đến để được hướng dẫn, ngoài ra, những người xung quanh hoặc người thân cũng là những người chia sẻ kinh nghiệm của họ về việc đến đâu, gặp ai, cần chuẩn bị những loại giấy tờ nào khi muốn thực hiện một thủ tục HC nào đó. Hoặc họ trực tiếp tìm đến trụ sở ủy ban nhân dân, nơi thực hiện các dịch vụ HC tại cơ sở để hỏi, thậm chí có người trực tiếp tìm chủ tịch ủy ban nhân dân để hỏi xem với nhu cầu thực hiện thủ tục này họ phải đi tới bộ phận nào.



“Nếu không biết thì ra UBND hỏi, tìm chủ tịch hỏi.” (Phụ nữ 55 tuổi, Dao, nông thôn).

“Mới đầu chả biết mình cứ lên thị trấn người ta giới thiệu bảo đi chỗ này chỗ này. Bây giờ muốn làm cái gì mình phải hỏi những người đi trước những người cán bộ gần gũi mình, hoặc là người trong gia đình đi trước mới biết được cái gì cần” (TLN nam giới người Mường-Tày, 20-55 tuổi, thị trấn).

“... thì mình lại cứ sang xã hỏi thôi, ví dụ mình cần làm cái gì thì mình đến mình hỏi, người ta bảo thiếu cái này cái này thì mình phải chạy thôi.



Nhiều lúc mình nghĩ là đủ rồi nhưng mang ra người ta bảo còn thiếu cái này cái kia thì mình lại phải chạy thôi” (TLN nam giới, Dao, 20-55 tuổi, nông thôn).

Mặc dù các hướng dẫn về qui trình thực hiện các thủ tục HC được niêm yết rõ ràng ở ngay phòng dịch vụ một cửa, nhưng hầu hết phụ nữ tham gia đều cho biết họ không đọc những hướng dẫn này mà trực tiếp hỏi các cán bộ đang làm việc tại đó, thậm chí có phụ nữ cho biết khi nào chị cần làm một thủ tục nào đó, chị ra trụ sở ủy ban và gặp thẳng chủ tịch UBND để hỏi.

### 4.1.4. Phụ nữ vẫn chưa có đủ phương tiện và điều kiện để tiếp cận dịch vụ hành chính công qua kênh trực tuyến

Hiện nay, đa số phụ nữ sở hữu điện thoại thông minh là một lợi thế cho việc tiếp cận dịch vụ HCC trực tuyến. Tuy nhiên, chỉ có một số ít phụ nữ (nhất là nhóm trẻ hơn từ 18-25 tuổi) đã từng tìm thông tin về thủ tục hành chính trực tuyến. Một số phụ nữ cho biết họ thường tìm thông tin trực tiếp trên công cụ tìm kiếm của google chứ không vào cổng thông tin dịch vụ HCC. Tìm kiếm thông tin trên mạng khiến họ gặp một thách thức, đó là quá nhiều kênh thông tin, không biết thông tin nào là đúng, là chính thống hay là thông tin được cập nhật. Một phụ nữ chia sẻ về cảm giác của mình khi có quá nhiều kênh thông tin được tìm thấy:



“...có lúc kiểu như muốn loạn ấy (Cười). Nhiều thông tin quá chẳng biết cái nào với cái nào ấy. Mình cũng đang phân vân” (Phụ nữ Tày, 28 tuổi, thị trấn).

Một yếu tố đáng khích lệ là hiện nay đã có một số phụ nữ kinh doanh ở địa bàn thị trấn đã áp dụng việc kê khai qua mạng Internet, thậm chí khai và nộp thuế qua mạng trực tuyến. Mặc dù số phụ nữ như vậy chưa nhiều, nhưng cũng phản ánh xu thế năng động, và nỗ lực bắt kịp với thời đại công nghệ số của một bộ phận phụ nữ làm kinh doanh. Họ rất có thể sẽ là những tác nhân gây sự lan tỏa về sự năng động và tự chủ của người phụ nữ.

Hầu hết phụ nữ được phỏng vấn vẫn chưa biết nhiều đến việc tìm kiếm, thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến. Họ e dè với thủ tục số hóa, một phần vì chưa từng làm, không quen thao tác về thủ tục trên thiết bị, mặt khác, việc trực tiếp đi làm thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa, có sự phản hồi từ cán bộ nhận hồ sơ vẫn tạo cảm giác an toàn, chắc chắn hơn:



*“Ví dụ bảo thực hiện hợp đồng gì đấy trên điện thoại trên máy tính thì bọn em hầu như sợ, không tự tin, sợ mình sẽ ấn sai gì đấy, không dám thực hiện” (Phụ nữ Mường, 32 tuổi, thị trấn).*

*“Có thể nó có nhiều cái không tiện, ví dụ nó sẽ mất mạng, không có mạng mình sẽ không biết được hồ sơ của mình có được xét duyệt không, có gửi được đi không. Mình đi làm giấy tờ này thực tế hơn, mình đưa người ta, người ta sẽ thông báo cho mình. Nói chung là cũng có cái tiện có cái hạ.” (Phụ nữ Mường, 25-35 tuổi, thị trấn).*

*“Nói chung là bây giờ mình cũng không nhanh nhẹn như bọn trẻ con. Em dùng điện thoại cũng chỉ là lên mạng xem thời sự, bây giờ chị*



*em làm việc với nhau qua zalo, trao đổi bạn bè” (Phụ nữ Thái, 54 tuổi, thị trấn).*

Tuy nhiên, những người tham gia phỏng vấn đều đánh giá cao sự thuận tiện của dịch vụ HCC trực tuyến, cho rằng nếu có thông tin tìm trên mạng thì sẽ tiết kiệm thời gian đi lại và thuận tiện hơn.



*“Cái thuận lợi là mình không phải đi phải đến, nhưng mà khó khăn thì đăng ký như thế không biết thế nào, không biết có đúng hay không. Em sợ thế” (Phụ nữ Thái, 54 tuổi, thị trấn).*

*“Nó tiện, mình không phải đi đến nơi đấy, chỉ ngồi ở nhà” (TLN phụ nữ Mường, 25-35 tuổi, thị trấn).*

*“...nếu mình biết cách[làm thủ tục qua mạng] sẽ thuận lợi hơn đỡ phải đi” (TLN phụ nữ Dao, 25-35 tuổi, nông thôn).*

Nam giới chủ động tìm thông tin về thủ tục hành chính trên Internet nhiều hơn, đồng thời cũng nghe nhiều hơn về cải cách hành chính trên tivi, và có cái nhìn rõ nét hơn về tính thuận tiện của cải cách hành chính một cửa. Lên trực tiếp ủy ban hoặc hỏi kinh nghiệm người thân quen vẫn là cách được cả hai giới ưu tiên lựa chọn. Tuy nhiên họ cũng chia sẻ rằng chỉ có lứa tuổi trung niên hoặc trẻ hơn mới sử dụng điện thoại thông minh, và tỉ lệ sử dụng là ngang nhau ở nam và nữ.

Đặc biệt, phụ nữ khuyết tật, tuy bị vô hình trong tiếp cận các dịch vụ HCC, nhưng họ lại là nhóm chủ động sử dụng mạng Internet để tìm kiếm thông tin nhiều hơn (chủ yếu bằng điện thoại thông minh), họ cũng là những người hoan



nghe chính phủ điện tử bởi qua đó họ có thể tiếp cận được tới các dịch vụ HCC một cách thuận tiện hơn. Dịch vụ này sẽ rất thân thiện đối với những người khuyết tật vận động. Một phụ nữ khuyết tật vận động nặng với sự trợ giúp của gia đình đã hoàn thành việc học và đã có một công việc làm việc trên mạng mang lại cho chị một thu nhập tốt đã chia sẻ suy nghĩ của mình về dịch vụ HCC trực tuyến:

“... rất là tốt, rất là khả quan cho người khuyết tật tại vì khi mà họ di chuyển khó, xin con dấu cũng khó mà giờ họ chỉ cần gõ họ tên vào đấy, mình chỉ cần kê khai. .. Thế nên giờ mà có một cái trang web như là kê khai chứng minh thư này, hay kê khai hộ chiếu này, hay xin giấy khám sức khỏe chẳng hạn thì chỉ cần bác sĩ tư vấn, sau đó kê khai, sau đó cấp sau đó gửi về nhà cho họ thì quá tốt luôn... Thế nên là chị rất mong muốn có một cái trang web kê khai cho người khuyết tật thực hiện các dịch vụ HCC, thứ hai là làm sao cho những người khuyết tật ở trên vùng núi, như vùng quê của bạn chị đây này, mọi người được tiếp xúc với bên ngoài nhiều hơn, tiếp xúc với công nghệ nhiều hơn” (Phụ nữ khuyết tật, Mường, khoảng 25-30 tuổi, thị trấn).

#### 4.1.5. Rào cản trong tiếp cận thủ tục hành chính trực tuyến cho phụ nữ dân tộc thiểu số

Mặc dù đã có nhận định về sự thuận lợi khi làm thủ tục qua mạng, nhưng người dân vẫn còn e ngại, không tự tin, sợ sai.

“Nó thuận lợi. Ví dụ tin tức em thấy kiểu là bây giờ ai hầu như cũng có điện thoại thông minh đấy, hầu như ai cũng được biết rõ hơn. .... Như bạn em chỉ biết như thế thôi. Ví dụ bảo thực hiện hợp đồng gì đấy trên điện thoại trên máy tính thì bạn em hầu như sợ, không tự tin, sợ mình sẽ ấn sai gì đấy, không dám thực hiện... ngại vì mình chưa nắm rõ cách sử dụng” (Phụ nữ 32 tuổi, Mường, thị trấn).

Tuy vậy, những người tham gia cuộc nghiên cứu cũng đề cập tới một số khó khăn nếu như dịch vụ công trực tuyến được triển khai ở địa phương: vẫn còn nhiều người chưa sở hữu điện thoại thông minh mà chỉ có điện thoại thường, không kết nối được mạng. Và lo lắng về khả năng chi trả cho việc dịch vụ Internet, đặc biệt là đối với những hộ gia đình không khá giả. Thêm vào đó, kết nối không ổn định, hoặc thủ tục kê khai phức tạp cũng là những e ngại của nhiều người, đặc biệt là phụ nữ ở độ tuổi lớn hơn.

“Em thấy thuận lợi là họ đỡ phải đi lại nhiều, mất thời gian. Nhưng khó khăn thì chỗ vùng sâu vùng xa họ không có Internet thì không nắm bắt được” (Phụ nữ Mường, 39 tuổi, thị trấn).

“Nếu người ta dùng điện thoại thông minh thì có thể tiện hơn, nhưng người dân ở đây rất là đông người dân nhà không có tiền, không có điện thoại, chỉ điện thoại thường thôi, cháu nghĩ là không tiện lắm” (Phụ nữ Dao, 33 tuổi, nông thôn).

“Nếu để chị em tiếp cận được các thủ tục thông qua hệ thống Internet thì nó còn rất hạn chế. Vì hệ thống



*Internet thứ nhất phải có điện thoại thông minh, thứ hai phải có mạng, wifi rồi các thứ thì mới tiếp cận được. Bây giờ chỉ có thế hệ trẻ người ta sử dụng điện thoại thông minh thôi, còn tuổi cao trên 40 là không sử dụng điện thoại ấy, cũng khó tiếp cận được. Hơn nữa về vấn đề học vấn của chị em tuổi cao cũng hạn chế nên vấn đề đó nếu triển khai thì em nghĩ cũng hạn chế” (Nam, tổ trưởng tổ vay vốn, nông thôn).*

Mặc dù phần lớn phụ nữ tham gia phỏng vấn đều sở hữu điện thoại thông minh, việc sử dụng điện thoại thành thạo để tìm kiếm thông tin về thủ tục hành chính vẫn chỉ dừng lại ở nhóm trẻ tuổi hơn (18-24). Với phụ nữ người Dao thuộc hộ nghèo hoặc trung bình, tỷ lệ sở hữu điện thoại thông minh chỉ khoảng 50%. Tuy nhiên, nhóm phụ nữ lớn tuổi hơn thường thích tìm hiểu thông tin về thủ tục trực tiếp tại phòng một cửa hoặc qua người quen, và không gặp nhiều trở ngại với cách làm này. Kê khai thủ tục hành chính trực tuyến chưa được triển khai và được biết đến ở địa phương. Chất lượng mạng Internet không ổn định và thiếu trang thiết bị như máy tính, thậm chí trang bị chưa đầy đủ cho cán bộ bộ phận một cửa cũng là trở ngại cho việc triển khai thủ tục trực tuyến.



*“Điện thoại thông minh thì em áng tâm trên 30 - 40% [số phụ nữ] thôi. Còn chủ yếu là dùng đèn trắng dùng để gọi và nghe thôi. Chỉ có chị em trẻ trẻ thì mới có điện thoại thông minh còn các bà các mẹ thì cũng muốn có điện thoại thông minh nhưng mà ít lắm...chuyển qua trực tuyến thủ tục hành chính ấy thuận lợi thì quá thuận lợi chị ạ nhưng mà khó khăn sẽ nhiều hơn vì thực ra cái tỷ lệ mà tỷ*



*lệ phụ nữ sử dụng điện thoại thông minh ấy thì còn ít và những cái hộ gia đình mà sử dụng Internet bây giờ còn thấp lắm chị ạ” (Cán bộ Hội phụ nữ, nông thôn).*

#### 4.1.6. Nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng của các dịch vụ hành chính công về sở hữu đất đai

Hầu hết phụ nữ đều đánh giá việc nắm bắt thủ tục hành chính là cần thiết. Tuy nhiên, rất ít phụ nữ hình dung được cụ thể tầm quan trọng, hay hậu quả của việc không nắm bắt các thủ tục hành chính và tiếp cận các dịch vụ HCC, đặc biệt là liên quan đến sở hữu đất đai.

Hầu hết phụ nữ được hỏi đều cho rằng nắm bắt thủ tục hành chính thì tốt hơn cho bản thân và công việc, khi cần đến sẽ thuận tiện, làm nhanh hơn, không phải đi hỏi nhiều. Những thủ tục được cho là quan trọng mà phụ nữ cần biết thường liên quan đến con cái (làm hồ sơ nhập học cho con, xét miễn giảm học phí, hộ khẩu cho con), giấy tờ nhân thân như thẻ căn cước, đến quyền lợi (vay vốn, bảo hiểm, xác nhận hộ nghèo, khuyết tật). Nhiều phụ nữ đề cập tới việc nắm bắt các thủ tục hành chính cơ bản sẽ giúp ích trong trường hợp người chồng không có nhà, người vợ sẽ đi thay. Một số phụ nữ nghĩ rằng nắm vững thủ tục cũng sẽ giúp họ thấy tự tin hơn.



*“...bây giờ thủ tục các giấy tờ cần rất nhiều nên mình càng biết nhiều càng tốt về thủ tục hành chính... Theo em là tất cả những thủ tục liên quan đến bản thân như giấy tờ, thủ tục như cần đi ra ngoài cần*



*cái gì làm cái gì mình phải biết... Giấy chứng minh thư chẳng hạn. Bìa hộ khẩu này. Hai cái đấy là lúc nào cũng phải có trong người... Mình mà không nắm được sẽ bất lợi chứ. Người ta hỏi đến mình không có mình sẽ vô dụng” (Phụ nữ Thái, 56 tuổi, thị trấn).*

*“...cháu nghĩ là phụ nữ cũng nên biết cách để đi làm các thủ tục đấy để nhiều khi các ông [chồng] không đi được thì mình đi thay chẳng hạn” (Phụ nữ Dao, 30 tuổi, nông thôn).*

*“Hiểu thì lúc nào chồng không đi làm được mình còn đi làm. Mình mà không hiểu đến lúc cần đi làm chẳng biết gì thì chẳng đâu vào đâu, nên cái gì mình cũng cần hiểu” (TLN phụ nữ Dao, 25-35 tuổi, hộ nghèo, nông thôn).*

*“Cái [thủ tục] nào cũng quan trọng. Mình có con cái sau này mình cũng phải tách khẩu cho chúng nó, giấy tờ mình cũng phải đi làm thường xuyên nên cái nào mình cũng cần biết. Sau này chúng nó lớn lên lấy vợ chồng mình cũng phải tách khẩu cho chúng nó thôi.” (TLN phụ nữ Dao, 25-35 tuổi, hộ nghèo, nông thôn).*

*“Các thủ tục mà người phụ nữ... phải biết là mình đi làm cái sổ hộ khẩu của nhà mình này, đi làm giấy khai sinh cho con này, làm những giấy tờ nộp học, hồ sơ, đi làm hồ sơ cho con đi học, đi rút hồ sơ cho con. Chắc chắn là người phụ nữ nào cũng phải biết. Còn những người phụ nữ nào nó không phải làm ý là chồng nó làm được, không thì con nó.” (Phụ nữ đơn thân, Dao, 42 tuổi, nông thôn)*

Một số phụ nữ ý thức được hậu quả của việc không nắm rõ thủ tục liên quan tới quyền sử dụng đất và không đứng tên trong sổ đỏ cùng với chồng:



*[Sổ đỏ để tên chồng thôi có bất lợi gì cho mình không?] “Có. Ví dụ chẳng hạn ly hôn là mình mất quyền lợi. Nếu mà có (ly hôn) là mình không có quyền gì, không được hưởng gì. Bao nhiêu công sức là thôi” (TLN phụ nữ Dao, 36-50 tuổi, nông thôn).*

*[Cần nắm thủ tục về sổ đỏ không] “...của mình mà mình không biết cũng thiệt...Nếu mà chồng mang đi cầm không biết gì thì mất quyền lợi, mình không biết thì chả biết kiểu gì” (Phụ nữ Dao, 56 tuổi, nông thôn).*

Nam giới cũng cho rằng phụ nữ cần biết và cùng tham gia thực hiện các thủ tục hành chính, nhất là về đất đai ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của phụ nữ (quản lý được tài sản, không bị chồng mang đi cầm cố để vay mượn hoặc bán):



*“Ví dụ trong gia đình có người đàn ông hay đánh vợ quá thì người ta lợi dụng vợ không biết thì người ta cầm sổ đỏ đi cầm, hoặc bán mất sổ đỏ của mình người vợ không biết vấn đề đấy, cầm mất sổ đỏ rồi vợ không biết, trong sổ đỏ đấy có 3, 4 lô chồng bán mất 1 lô thì sổ vẫn còn đấy, nhưng trong đấy đất mất rồi” (TLN nam, thị trấn).*

Ngoài ra, nhiều nam giới cho rằng việc biết về các thủ tục HC sẽ giúp đỡ cho nam giới nhiều, ngoài ra cũng sẽ tăng thêm hiểu biết cho bản thân người phụ nữ. Dưới đây là một số ý kiến của các nam giới tham gia thảo luận nhóm:



“... vì nếu mình không đi làm được thì các bà có thể đi làm thay được chứ. Ví dụ như trường hợp đi vay vốn ngân hàng nếu vợ biết thì khi ngân hàng xuống giải ngân thì vợ sẽ đi thay, nếu vợ không biết thì mình ở đâu cũng phải về...”

“Vợ biết thì vợ tự hiểu biết được, tăng thêm kiến thức cho bản thân.”

“Nói chung là phụ nữ cũng cần biết, đang mong là phụ nữ biết hết, còn phải biết hơn mình cơ.”

“Nói chung các thủ tục hành chính mà một người chồng biết thôi mà vợ không biết cũng có một cái vấn đề khó khăn trong gia đình... nhiều lúc chồng bận đi làm xa mà vợ ở nhà không biết những cái đó thì mình lại phải về, nó tốn kém thời gian và kinh tế của gia đình. Bây giờ vợ chồng nó là cái bình đẳng cứ phải người chồng mới làm được, nó vất vả cho người chồng” (TLN nam giới Dao, 20-55 tuổi, nông thôn).

Phụ nữ Dao thường ít tham gia họp tại địa phương, ít quan tâm đến thủ tục hành chính so với phụ nữ Mường, lý do thường là bận việc nương rẫy (lên đồi) hoặc chăm con nhỏ. Một số phụ nữ Dao chưa ý thức được tầm quan trọng

của việc nắm bắt thủ tục hành chính và tiếp cận dịch vụ hành chính, đặc biệt là liên quan tới quyền sử dụng đất đai. Họ quan niệm một cách đơn giản, dường như dịch vụ HC chỉ quan trọng với những người làm kinh doanh chứ không phải với những người sản xuất nông, lâm nghiệp:



“Tại vì kinh tế ở đây chủ yếu làm trên đồi trên nương thôi chứ không liên quan tới thủ tục hành chính chi ạ. Nếu kinh doanh sản xuất thì sẽ liên quan tới thủ tục hành chính nhưng bọn em không mở hộ kinh doanh đăng ký qua xã, ủy ban. Em chủ yếu là lao động sản xuất chân tay thôi ạ” (TLN phụ nữ Dao, 25-35 tuổi, nông thôn).

Có thể nhận thấy một điểm là còn nhiều phụ nữ, cũng như nam giới DTTS, chưa ý thức được tầm quan trọng của các thủ tục HC về đất đai, như các thủ tục liên quan tới các giao dịch về đất đai, nhà cửa. Đất là một nguồn lực vô cùng quan trọng, đặc biệt là đối với phụ nữ, nhưng như một số trường hợp được quan sát thấy trong cuộc nghiên cứu này, nhiều giao dịch, mua bán nhà, đất được thực hiện qua giao dịch miệng trên cơ sở lòng tin, một tập tục vô cùng tốt đẹp của cộng đồng, thậm chí không cần đến cả giấy viết tay. Nhưng, đây có thể lại đặt người phụ nữ vào một rủi ro bị mất quyền lợi một khi lòng tin bị phá vỡ.

### Câu chuyện chia sẻ 5. Phụ nữ trẻ mới tách ra ở riêng.

Chị T., một phụ nữ Dao, 24 tuổi, mới tách ra ở riêng, có con nhỏ, chồng đi làm xa một tháng mới về nhà một lần. Xóm chị ở cách trung tâm xã hơn 10km nên chị khá vất vả khi lên UBND xã để xin chứng thực một số giấy tờ để xin cho con vào lớp một. Trước khi đi, chị cũng đi hỏi xem cần giấy tờ gì để chuẩn bị kỹ hơn, tránh việc phải chạy đi chạy lại bổ sung giấy tờ.

*“..anh [chồng] đi làm, còn một mình cháu vẫn phải đi [làm thủ tục HC]. Nhiều lúc thương con nắng nóng vẫn phải ôm con đi ..ông bà có việc của ông bà, ông bà không trông được nên là mình phải cho con đi theo... Đường đi ở đây thì .. đường đi ở đây thì rất là vất vả nên là cháu cứ phải hỏi trước [về thủ tục], để đi làm đến đâu chắc đến đấy.”*

Chị T. cho rằng đi làm các thủ tục HC như làm giấy khai sinh, tách hộ khẩu, chứng thực,... cũng không khó, đối với chị khó nhất là làm các thủ tục liên quan tới đất đai (sổ đỏ) vì *“mình không hiểu biết về những cái đấy thì khó.”* Hai vợ chồng chị đã mua một miếng đất làm nhà từ người anh chồng, miếng đất đó hai vợ chồng đã mua được vài năm nhưng chưa làm thủ tục chuyển sang tên được vì sổ đỏ của người bán đất hiện nay vẫn đang được thế chấp trong ngân hàng. Khi mua cũng chỉ là thỏa thuận miệng, chị cũng chưa biết bao giờ người chủ mới lấy được sổ đỏ về. Chị nghĩ rằng nếu lấy được sổ đỏ về và đi làm thủ tục chuyển tên thì chắc sẽ là chồng đi làm vì chị *“hiểu biết hơi ít”*. Còn việc cả hai vợ chồng cùng đứng tên trong sổ đỏ sẽ do chồng quyết định, chị sẽ theo ý của chồng *“cháu thì nói chung là cháu cũng đơn giản, có [tên trên sổ đỏ] cũng được mà không có cũng được”*.

Chị đang định khi nào con lớn chị sẽ gửi con nhờ hai ông bà trông hộ rồi đi xuống Hà Nội kiếm việc làm, vì chị đã từng làm việc ở một cửa hàng làm đồ sắt ở Hà Nội. Tất nhiên với điều kiện là chồng chị đồng ý, nếu không chị sẽ đi làm việc mà chồng chị muốn chị làm. Trong trao đổi, việc nghe lời chồng dường như là việc đương nhiên. Chồng chị hơn chị 2 tuổi và là người quyết định các việc trong gia đình, kể cả việc vay tiền hay mua đất, làm các thủ tục, hay mua tài sản có giá trị, như xe máy. Chị cho rằng chồng là người hiểu biết, nghe theo chồng sẽ tốt hơn. Trong nấc thang quyền lực, chị đặt mình ở nấc 1 (quyết định một vài việc) vì *“công việc trong gia đình toàn chồng cháu quyết định hết... cháu tự quyết cái gì thì rất là ít.”*

Nói về tầm quan trọng của việc cần biết về các thủ tục HC, chị cho biết: *“Theo cháu thì cái quan trọng nhất mình đi ra ngoài xã hội thì cái gì mình cũng phải biết ạ, đi làm thủ tục các loại giấy tờ cho các con, cho gia đình và cả cho mình ạ. Mình biết rộng hơn thì sẽ tốt hơn.”*

Chị T. cũng nhận xét các thủ tục HC bây giờ đơn giản và dễ dàng hơn trước nhiều, ít gặp phiền hà, kể từ việc xin xác nhận hồ sơ xin việc, hay làm bảo hiểm y tế cho con, làm hồ sơ cho con đi học.

## 4.2. Những yếu tố tác động

### 4.2.1. Những yếu tố góp phần cho phụ nữ DTTS tiếp cận và sử dụng nhiều hơn các dịch vụ hành chính công

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chương trình cải cách HC tại địa phương là yếu tố quan

trọng góp phần thúc đẩy tiếp cận và sử dụng dịch vụ HCC của người dân, đặc biệt là phụ nữ DTTS. Phải nhắc đến đóng góp quan trọng của chương trình cải cách các thủ tục HCC cũng như triển khai cơ chế dịch vụ một cửa đã được đẩy mạnh tại Hòa Bình nói chung và huyện Đà Bắc nói riêng trong vài năm trở lại đây (xem thêm phần về địa bàn nghiên cứu)

Bê tông hóa, cứng hóa đường xá nối từ thôn, xóm ra các khu sản xuất vào trung tâm xã, và từ xã vào huyện đạt tỉ lệ 100% cũng tạo thuận lợi cho việc di chuyển, đi làm thủ tục của người dân.

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới với bộ tiêu chí về xóa đói giảm nghèo, phổ cập giáo dục, xây dựng điện đường trường trạm là động lực chính cho các nỗ lực ở địa phương nhằm nâng cao đời sống người dân, sớm đạt tiêu chuẩn xã nông thôn mới. Sự cải thiện của cơ sở hạ tầng, đặc biệt là giao thông nông thôn, mạng lưới thông tin liên lạc viễn thông và các phương tiện đi lại tiện lợi hơn, mức sống được cải thiện đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đến trung tâm xã, nơi đặt phòng tiếp nhận và giải quyết các thủ tục HC ở cấp cơ sở để thực hiện các thủ tục cần thiết. Người dân nói chung, và phụ nữ DTTS nói riêng sở hữu điện thoại di động, và điều khiển xe máy là hiện tượng rất phổ biến.

Cơ hội việc làm cho phụ nữ được cải thiện, các khu công nghiệp phát triển, dịch vụ đào tạo nghề và xúc tiến việc làm đã tiếp cận tới cấp cơ sở, tạo điều kiện cho nhiều phụ nữ và nam giới có cơ hội làm việc trong các công ty ngoài địa bàn huyện, thậm chí xuống cả các tỉnh xa hơn. Họ cần thực hiện một số thủ tục HC: như xác nhận hồ sơ/lý lịch để nộp đơn xin việc, trải qua tuyển dụng, sử dụng thẻ ATM trong trả lương, sử dụng mạng xã hội để giao tiếp với đồng nghiệp/bạn cùng làm, v.v. Người phụ nữ mở rộng tiếp xúc xã hội qua cơ hội làm việc tại công ty, qua đó họ trở nên hoạt bát và tự tin hơn.



“Em lấy ví dụ những người đi công ty thôi, ở nhà thì họ rụt rè, đơn giản như chị gái của em, ở nhà thì rất rụt rè ít nói, nhưng mà chị ra ngoài chị hoạt bát, chị cũng năng động nhiều.” (Phụ nữ Tày đơn thân, 32 tuổi, thị trấn).

“...khoảng 3 năm trở lại đây, phụ nữ đi [đi làm thủ tục HC] nhiều hơn



bởi vì bây giờ các giới trẻ nó rất là năng động mà nó sử dụng các công nghệ thông tin điện thoại, facebook, zalo là họ đã tiếp cận rất là nhuần nhuyễn rồi” (Lãnh đạo chính quyền thị trấn, nam).

Đã có một số trường hợp người chồng chấp nhận làm việc ở nhà, chăm sóc con để vợ đi làm công ty, cho thấy sự phân công lao động truyền thống theo giới đã có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực và bình đẳng hơn trong gia đình.

#### 4.2.1.1. Đơn giản hóa thủ tục hành chính mở rộng cơ hội tiếp cận cho phụ nữ

Hiện tượng hối lộ khi đi làm thủ tục hành chính tại phòng một cửa không phổ biến (theo chia sẻ trong cả thảo luận nhóm lẫn phỏng vấn riêng với người dân, phỏng vấn với cán bộ địa phương không làm trong phòng một cửa, và quan sát của nhóm nghiên cứu tại phòng một cửa). Việc phải nhờ vả và trả phí cho người khác (không phải người thân) đi làm hộ thủ tục cũng rất ít, hầu như không có. Cán bộ hành chính nhiều khi là người quen trong thị trấn, hoặc đã quen qua nhiều lần đi làm thủ tục, khiến phụ nữ càng thấy thuận tiện, không e ngại khi đến làm thủ tục:



“Nói chung bọn em ở đây xã cũng gần, cũng quen, nên không cảm thấy sợ, cái gì không biết thì hỏi” (TLN phụ nữ Dao, 36-50 tuổi, nông thôn).

“Phụ nữ bây giờ đi làm thủ tục nhiều hơn vì cũng dễ hiểu, mình cứ mang giấy tờ lên đủ là họ làm cho mình.” (TLN phụ nữ Dao, 36-50 tuổi, nông thôn).

Phản hồi của người dân đối với cán bộ cung cấp dịch vụ HCC không đồng nhất, đa phần nhận xét là không bị cán bộ làm khó, được hướng dẫn tận tình.



“Ở đó (nhân viên) toàn người quen trong thị trấn, quen biết nhau rồi thì không ngại, không ai gắt gỏng gì mình.” (Phụ nữ Mường, 35-45 tuổi, thị trấn).

“Hiện tại, thì họ [người dân] cũng hiểu biết rất là nhiều, nếu họ đến mà nói khó khăn vài câu, thì họ nói luôn, họ chửi luôn ấy, không vừa đâu, dân tộc nào cũng thế, họ đến mà không tiếp dân chu đáo, là chết với họ luôn. Riêng đối với cán bộ công chức dưới một cửa là phải cẩn thận, riêng đối với dân thị trấn ấy.” (Cán bộ Hội phụ nữ thị trấn).

#### 4.2.1.2. Cơ chế dịch vụ một cửa tạo điều kiện tốt hơn cho phụ nữ và nam giới tiếp cận dịch vụ HCC và thực hiện các thủ tục HC

Cải cách HC với cơ chế dịch vụ một cửa đã nhận được phản hồi rất tích cực từ cả phụ nữ và nam giới, đặc biệt về sự đơn giản, nhanh chóng và thuận tiện của việc làm nhiều loại thủ tục và nhận kết quả tại cùng một nơi. Cả phụ nữ và nam giới tham gia nghiên cứu đều chia sẻ không gặp trở ngại khi hỏi thăm và làm thủ tục tại bộ phận một cửa ở cấp cơ sở.



“06 năm trước đi làm công ty xin xác nhận giấy tờ cũng bở ngỡ, phải đi hỏi nhiều chỗ. Bây giờ cứ vào 1 chỗ đấy [bộ phận dịch vụ một cửa], hỏi ở đấy



cũng tiện cho mình đỡ phải hỏi nhiều.” (Phụ nữ Mường, 33 tuổi, thị trấn).

“Bây giờ thì nó nhanh hơn ở cái là có ông cán bộ ở đây nó phê to nhanh thì dấu diếm là mình lấy được luôn. Bây giờ làm có nhanh hơn ngày trước. Máy móc bây giờ hiện đại chắc chắn sẽ nhanh hơn ngày xưa. Ngày xưa viết bằng tay nó lâu.” (Phụ nữ đơn thân, Dao, 42 tuổi, nông thôn).

“Bây giờ cứ vào 1 chỗ đấy, hỏi ở đấy cũng tiện cho mình đỡ phải hỏi nhiều.” (Phụ nữ Mường, 32 tuổi, thị trấn).

“Thuận lợi [dịch vụ 1 cửa] là mình đi lên chỗ mình xin giấy tờ gì đấy, mình không biết họ hướng dẫn cụ thể đến chỗ này chỗ nọ. Nhiều chỗ mình lên chỗ làm đấy, họ sẽ bảo mình đi phòng này phòng này, mình không biết họ sẽ hướng dẫn đi .. Ngày xưa cũng không bằng bây giờ. Bây giờ thủ tục nhanh gọn hơn... Ngày xưa viết lách lâu, bây giờ người ta có máy móc photo rất nhanh.” (Phụ nữ Thái, 54 tuổi, thị trấn).

Nhóm nam giới cũng đánh giá cao về dịch vụ một cửa:



“Thời gian mình đi rút ngắn đi và không phải đi lại nhiều phòng ban để xin dấu rồi đi xin chữ ký... Bây giờ làm nhanh. Không loằng ngoằng... Thủ tục lại đơn giản hơn.” (TLN nam, Mường, 20-55 tuổi, thị trấn).

## Thủ tục trả kết quả được rút gọn và linh hoạt hơn

Theo cán bộ địa phương, người dân được hướng dẫn tận tình và được tạo điều kiện làm các thủ tục HC nhanh chóng hơn, nhất là những người đến từ các xóm cách xa trung tâm xã/thị trấn, cán bộ sẽ cố gắng giải quyết, trả kết quả ngay, hoặc trong ngày để tiết kiệm thời gian đi lại cho họ. Với các thủ tục cơ bản có thể trả kết quả trong ngày, nhanh hơn làm thủ tục hành chính cấp độ 03 phải trả qua bưu điện.



“...đến là lấy kết quả luôn ví dụ như em đi họp cứ mỗi giải lao em lại chạy về em ký kiểu đấy để cho bà con, từ chiều đến giờ là ba lần về ký rồi. Không hẹn sang ngày hôm sau, Trừ những thủ tục phức tạp cần xác minh ví dụ như hòa giải tranh chấp đất đai theo quy định...chứ bây giờ bảo ra bưu điện làm các dịch vụ công còn mất 3 ngày cơ.” (Lãnh đạo chính quyền, nam, thị trấn).

## Mang thủ tục đến gần người dân, tạo điều kiện cho người dân thực hiện làm các thủ tục thuận tiện hơn.

Thí dụ, công an tổ chức làm lại thẻ căn cước tại thôn/xóm, thông báo tới từng hộ và người dân chỉ cần đến nhà văn hóa thôn để được làm thủ tục. Cán bộ tại phòng một cửa đều có trình độ đại học, có chuyên môn tốt để hướng dẫn cho bà con, thậm chí ưu tiên hướng dẫn tận tình hơn nếu là phụ nữ tới làm thủ tục.



“Phụ nữ đến thì mình ưu tiên hơn thôi ạ. Ví dụ như mình cho mẫu họ nhưng mà lúc sau thì mình lại bảo thế thôi chị ở đây em hướng dẫn luôn.” (Cán bộ địa chính, nông thôn).

Sự phối hợp giữa các cơ quan đoàn thể để tập huấn/truyền thông về dịch vụ HCC cho phụ nữ tại địa phương cũng góp phần thúc đẩy việc tiếp cận dịch vụ HCC của họ:



“Nhu chỗ em trước đây là chị em có những người hết hạn cái chứng minh thư rồi nhưng mà không dám đi làm vì tâm lý e ngại, thế nhưng mà gần đây [hội Phụ nữ] có thể mời cả tư pháp cả công an, phối hợp trung tâm cộng đồng giữa các ngành cùng đến lồng ghép với việc sinh hoạt đấy, sau đó là cho những ..đoàn thể đấy là người ta tuyên truyền thêm, ví dụ như là công an người ta sẽ nói về cái vấn đề làm cái chứng minh thư cần những cái gì bước nào, bước nào thì giúp chị em bằng những cái hình thức như thế. Vậy qua những cái việc như thế em thấy là một số chị em cũng hiểu, à nếu mình làm chứng minh thư thứ nhất là mình phải đến gặp công an hay gặp ai hay như nào nào đó rồi từng bước. Em thấy nó đã giúp chị em hiểu rõ hơn.” (Cán bộ hội phụ nữ, nông thôn).

Tuy nhiên, nhiều phụ nữ than phiền về sự phức tạp của một số thủ tục, khiến họ gặp khó khăn khi thực hiện, cụ thể là thủ tục về vay vốn và lý thuyết lấy bằng lái xe máy.

Đối với thủ tục vay vốn, do yêu cầu người đứng tên vay là chủ hộ, mà chủ hộ chủ yếu vẫn là nam giới, nên trong nhiều gia đình, người chồng vẫn là người đứng tên trong các khoản vay nên người khai đơn vay vốn chủ yếu là người chồng, tuy rằng vẫn cần chữ ký của cả vợ và chồng. Nếu như chồng là chủ hộ đi làm ở nơi xa, thì đó có thể sẽ là một trở ngại trong việc vay vốn của gia đình.





“Minh chỉ ký thôi nhưng mà bao giờ chồng cũng phải đứng tên để mình vay.” (TLN phụ nữ 25-35 tuổi, Dao, nông thôn).

“Thì cả vợ và cả chồng đều có quyền, nên là khi đi làm hợp đồng thì bắt buộc hai vợ chồng phải ký vào.” (Cán bộ địa chính, nông thôn).

Đối với việc thi lấy bằng lái xe máy, hiện nay thi lý thuyết sát hạch về lái xe mô tô đều thực hiện bằng phương pháp trắc nghiệm qua mạng Internet. Đối với nhiều phụ nữ ở độ tuổi trung niên trở lên, đó là một thách thức lớn. Vì lý do này mà nhiều phụ nữ không có bằng lái xe máy, mặc dù họ lái xe máy thành thạo.

Những qui trình thực hiện các thủ tục này có thể và cần được cải thiện nhằm hỗ trợ cho những phụ nữ DTTS tiếp cận và sử dụng hiệu quả dịch vụ HCC hiện nay, trong thời kỳ mà công nghệ và Internet là không thể thiếu trong cung cấp các dịch vụ HCC.

#### 4.2.1.3. Năng lực của phụ nữ dân tộc thiểu số ngày càng được tăng cường

**Có sự chuyển biến tích cực trong nhóm phụ nữ trẻ ở tất cả các dân tộc tham gia nghiên cứu.** Những phụ nữ trẻ trong độ tuổi 18-24 tuổi thường có học vấn cao hơn (hết cấp ba hoặc tối thiểu là cấp hai), tiếp cận thông tin qua công nghệ số tốt hơn (đều sử dụng thành thạo công cụ tìm kiếm của Google và điện thoại thông minh), nhiều người đi làm ở các công ty (vài năm gần đây các công ty về giới thiệu việc làm cũng nhiều hơn). Từ đó họ cũng hiểu biết, tự tin và mạnh dạn hơn trong giao tiếp xã hội, gồm việc đi làm các thủ tục hành chính, và thừa hưởng một môi trường bình đẳng hơn về việc ra quyết định giữa nam và nữ trong gia đình (theo phỏng vấn sâu

phụ nữ trên 50 tuổi đánh giá về con gái và con dâu, đánh giá của cán bộ tại phòng một cửa, hộ phụ nữ, và phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm phụ nữ trẻ 18-24 tuổi).



“Nhu em thì bây giờ em có điện thoại, em cảm thấy không biết viết cái đơn em sẽ lên Google gõ sẽ tìm. Có thể em sẽ biết làm không phải đi hỏi...Minh nắm bắt được thì mình tự tin hơn nhiều... mình cũng hiểu được, chồng cũng hiểu được thì làm cái gì cũng dễ dàng hơn, tốt cho bản thân mình chứ. mình nói được làm được...” (TLN phụ nữ Dao, 25-35 tuổi, hộ nghèo, nông thôn).

Những nỗ lực phổ cập và phát triển giáo dục, ưu tiên đồng bào DTTS và các nhóm đối tượng khó khăn của chính phủ đã mở ra nhiều cơ hội về tiếp cận giáo dục. Điều này góp phần tạo nên trình độ dân trí khá đồng đều ở phụ nữ dân tộc thiểu số tại huyện Đà Bắc (hầu hết đều đã học hết cấp hai trở lên đối với phụ nữ Mường ở thị trấn, và hết tiểu học với phụ nữ Dao ở xã, kể cả hộ nghèo). Cụ thể, “Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011-2020” của Bộ Giáo dục và Đào tạo đề cập đến tăng cường hỗ trợ và ưu tiên phát triển giáo dục đối với các vùng khó khăn và nhóm DTTS, thúc đẩy bình đẳng nam nữ trong việc tiếp cận giáo dục và thực hiện mục tiêu xóa mù chữ, nâng tỉ lệ biết chữ đạt 96% năm 2015 và 98% năm 2020 cho người trong độ tuổi từ 15-60 tuổi. “Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào DTTS gắn với Mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015” đề ra hai chỉ tiêu đối với đồng bào DTTS về phổ cập giáo dục tiểu học và tăng cường bình đẳng nam nữ trong giáo dục cho người DTTS – hướng đến nền giáo dục có chất lượng là một trọng tâm của các mục tiêu phát triển bền vững

(SDGs).<sup>39</sup> Bên cạnh đó là các Chương trình Quốc gia về giảm nghèo (Chương trình 134, 135, và 30a) và Mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, trong đó người DTTS, vùng khó khăn, hộ nghèo là các nhóm hưởng lợi chính được hỗ trợ để tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản về giáo dục, đảm bảo hạ tầng thiết yếu về giao thông, lưới điện, trường học... Đây là cơ sở giúp xóa bỏ rào cản ngôn ngữ (đặc biệt là việc biết chữ, thạo tiếng) và nâng cao năng lực nhìn chung cho phụ nữ DTTS, giúp họ tự tin tiếp cận dịch vụ HCC và chủ động trong việc thực hiện các thủ tục HC.

Khả năng tiếp cận thông tin chính sách, pháp luật nhiều hơn qua công nghệ số cũng giúp phụ nữ hiểu và thực hành quyền của mình, như trong lĩnh vực kế đất đai:

“*Bây giờ thì ở đây cũng áp dụng luật, như em vừa nói với chị ấy ở đây các chị em cũng không vừa đâu họ cũng biết hết luật rồi, họ cũng đòi quyền..., họ bảo con trai con gái như nhau thì cũng phải chia bằng, bây giờ họ khôn lắm, luật ở trên mạng sẵn rồi.*” (Cán bộ Hội phụ nữ thị trấn).

#### 4.2.1.4. Sự thay đổi quan niệm về vai trò giới truyền thống đã khuyến khích phụ nữ nắm bắt và bảo vệ quyền lợi của mình

Lý giải cho sự thay đổi của người phụ nữ, một phần là do mức độ di động xã hội của người phụ nữ DTTS ngày càng tăng, và sự tự chủ hơn trong hoạt động tạo thu nhập: người phụ nữ rời khỏi làng quê đi làm công nhân trong công ty, thu nhập ổn định hơn. Những phụ nữ ở nhà làm nông nghiệp lại chủ động bán sản phẩm nông

nh nghiệp để kiếm thêm thu nhập, họ được tự chủ hơn về mặt kinh tế, đồng thời, hiểu biết xã hội, giao tiếp xã hội rộng hơn khiến họ hiểu biết nhiều hơn, tự tin hơn.

“*...4-5 năm trở lại đây chị em bắt đầu là có xu hướng là biết đi chợ buôn bán các thứ. Ngày trước là cứ là ra bao nhiêu là ăn hết bấy nhiêu chứ không gì đến chuyện đi bán đâu. .. May mắn là ở xã em đây thì được cái là giáp với thành phố với lại giáp với cả thị trấn cũng thành ra chị em thay đổi hẳn, có điều kiện để đi ra ngoài nhiều hơn.*” (Cán bộ Hội Phụ nữ xã).

Trong các tập quán, phong tục, quan niệm của cả người dân tộc Mường và Dao đều không cản trở phụ nữ ra ngoài giao tiếp hay đi xa (dù nam giới vẫn có vị thế cao hơn trong gia đình). Việc trực tiếp đi làm thủ tục hành chính được gắn với hình ảnh tích cực của người phụ nữ tháo vát là người giỏi đối ngoại, quan hệ rộng, tự tin, chủ động trong cuộc sống, là hình ảnh tích cực mà nhiều phụ nữ đang hướng tới:

“*Em thấy là những cái chị em mà thường hay đi để mà mình lo những cái thủ tục này kia hoặc đi là đi chợ, đi búa nhiều thì tác động với lại có cái một cái rất là tích cực đó là chị em cảm thấy tự tin hơn. Thứ nhất là tự tin chị ạ đi đâu cũng rất tự tin và tự chủ hơn về cuộc sống gia đình và những cái chị em như thế thì thường có tiếng nói uy tín của mình trong gia đình cũng khác hơn so với*

39 ODV, 2020. “Chính sách và quyền của người dân tộc thiểu số và người bản địa”.



*những chị em mà hay rụt rè không hay đi đâu cả.” (Cán bộ hội phụ nữ, nông thôn).*

Tại địa bàn nghiên cứu, có chuyển biến tích cực khi ngày càng nhiều phụ nữ (biết) đi làm các thủ tục hành chính. Việc phụ nữ đi làm thủ tục HCC nhiều hơn được liên hệ với việc phụ nữ được nâng cao hiểu biết và tham gia nhiều hơn vào đời sống xã hội. Trong con mắt của nam giới, điều này minh chứng cho sự “tiến bộ”, “văn minh” của xã hội:



*“Bây giờ xã hội ngày càng văn minh, các chị được học nhiều hơn.” (TLN nam giới, Dao, 20-55 tuổi, nông thôn).*

*“Xã hội càng phát triển. Người ta tiếp xúc với bên ngoài nhiều hơn”(trong khi) Phụ nữ trước chỉ biết làm việc nương rẫy các thứ.” (TLN nam giới, Dao, 20-55 tuổi, nông thôn).*

Nam giới (cả người Mường và Dao) cũng cho rằng phụ nữ cần phải biết các thủ tục liên quan đến việc học của con cái và tự chủ các thủ tục nhân thân cơ bản (giấy phép lái xe, đổi giấy tờ tùy thân). Theo họ, phụ nữ càng biết nhiều sẽ càng chia sẻ được gánh nặng cho gia đình. Quan niệm về người phụ nữ tháo vát khá giống nhau ở cả nam giới và phụ nữ. Cả hai giới khi được hỏi đều cho rằng đàn ông thì “lười hơn”, để vợ quán xuyến công việc nhiều hơn. Mặc dù quan niệm này cổ vũ cho người phụ nữ cùng chồng tham gia vào không gian chung của xã hội và cùng ra quyết định trong các vấn đề quan trọng, nó vẫn gắn liền người phụ nữ vào vai trò chính trong việc chăm sóc con cái, gia đình. Điều này vừa giải phóng phụ nữ, trao cho họ nhiều quyền năng và vốn xã hội hơn, đồng

thời cũng đặt thêm áp lực, gia tăng gánh nặng “kép” cho người phụ nữ - họ phải vừa giỏi việc kiếm tiền, giỏi việc nhà, đồng thời vừa giỏi “việc xã hội”. Điều này thể hiện khá rõ trong các suy nghĩ của cả phụ nữ và nam giới Dao và Mường về một người phụ nữ tháo vát:



***[Ở đây một người phụ nữ như thế nào thì được cho tháo vát nhanh nhẹn?]***

*“Đầu tiên phải biết làm cùng với chồng, đi làm về phải biết cơm nước rồi lo giặt giũ rửa bát cho chồng cho con... ngoài ra phải biết “giao tiếp xã hội”, lao động giỏi. Nói chung là “Giỏi, cái gì cũng biết.” (TLN nam giới Mường, 20-55 tuổi, thị trấn).*

*“...biết làm hết công việc, có nghĩa là việc gì họ cũng làm ra được, họ sắc sảo hơn người khác” và “cái gì cũng đến tay.” (TLN phụ nữ Mường, 25-35 tuổi, thị trấn).*

*“Người phụ nữ nhanh nhẹn nói chung là quan hệ xã hội, quan hệ bạn bè, trong gia đình thì tháo vát đối nội đối ngoại tốt, kể cả trong gia đình, ngoài xã hội. Người phụ nữ đã giỏi việc nước đi làm cơ quan về lại giỏi việc đồng ruộng. Họ tham gia đầy đủ công việc của gia đình, ở cơ quan họ vẫn làm. Gia đình chăn nuôi thì họ vẫn làm đầu vào đấy.” (Phụ nữ Thái, 54 tuổi, khá giả, thị trấn).*

*“Một người phụ nữ tháo vát nhanh nhẹn là người giao cho họ việc gì họ cũng có thể hoàn thành tốt. Công việc nhà với công việc cơ quan thì*



*đung hòa được, không để làm việc này đình trệ việc kia, họ có thể hoàn thành hết được. Năng động.” (Phụ nữ Mường, 39 tuổi, thị trấn).*

*“Ví dụ như hiểu biết, vừa làm công tác xã hội vừa ở nhà làm chăn nuôi, rồi kinh tế giỏi, con cái đầy đủ, có nghề nghiệp.” (TLN phụ nữ Dao, 25-35 tuổi, hộ nghèo, nông thôn).*

## 4.2.2. Những yếu tố cản trở phụ nữ DTTS tiếp cận và sử dụng các dịch vụ hành chính công

### 4.2.2.1. Phụ nữ DTTS còn thiếu quyền ra quyết định

**Một số khuôn mẫu giới truyền thống về vai trò của nam giới và phụ nữ, cũng như mối quan hệ về quyền lực giữa hai giới vẫn còn khá phổ biến trong suy nghĩ và thực hành của cả phụ nữ và nam giới ở hai nhóm DTTS tham gia cuộc nghiên cứu này.** Trong quan niệm của phần lớn phụ nữ, người nam vẫn là trụ cột của gia đình, thường đi làm xa nhiều hơn, làm “việc lớn” ngoài xã hội, và ít làm việc nhà. Còn phụ nữ sẽ có vai trò kép: vừa lao động sản xuất (chủ yếu vẫn trong các lĩnh vực phi chính thức như nông nghiệp, kinh doanh hộ gia đình) vừa đảm đương chính các công việc nội trợ trong gia đình.

Thí dụ, nhóm nam giới ở thị trấn, là nhóm có khá nhiều suy nghĩ tích cực về việc nam giới sẵn sàng chia sẻ việc nhà với phụ nữ. Tuy nhiên, ở họ vẫn toát lên thiên kiến về vai trò

chăm sóc gia đình của người phụ nữ. Một nam giới tham gia thảo luận nhóm, tuy chia sẻ việc phụ nữ hiện nay đã tiến bộ, văn minh nhiều, điều đó không ảnh hưởng mà càng tốt đối với gia đình vì “đỡ nhiều cho mình nhiều cái đỡ phải lo, suy nghĩ. Giao tiếp nói chuyện hay hơn nhàn hoặc là nấu cơm làm nữ công gia chánh, nấu bếp tiến bộ hơn, ngon hơn. Nấu ngon, giao tiếp rồi tiếp khách các thứ, giúp đỡ mình nhiều chẳng hạn.”

Những phát hiện này cũng nhất quán với kết quả nghiên cứu mới đây về nam tính và nam giới ở Việt Nam do Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội thực hiện.<sup>40</sup>



*“Bình đẳng thì vẫn là cả hai người. Thỏa thuận vợ chồng, người chồng vẫn là người quyết định nhưng vẫn phải thỏa thuận gia đình. Cả vợ chồng, con cái, mình có bằng này tiền thì mình mua cái xe bằng này tiền, nhiều hơn hay ít hơn. Tuy nhiên người chồng vẫn là người quyết định”(TLN nam, Dao, 20-55 tuổi, nông thôn).*

*“Vi mình là chủ hộ. Mọi cái là mình phải quyết, mình mà không quyết định thì các bà chắc là cũng không quyết được đâu” (TLN nam, Dao, 20-55 tuổi, nông thôn).*

Một trong những hoạt động của cuộc nghiên cứu là để nhóm nam giới và phụ nữ đánh giá về quyền ra quyết định của mình trong gia đình theo một thang đo 5 bậc, trong đó bậc số 5 là cao nhất - người phụ nữ/hoặc nam giới ở bậc

40 ISDS, 2020. “Nam giới và Nam tính trong một Việt Nam hội nhập – Những phát hiện chính từ cuộc nghiên cứu và ý nghĩa đối với bình đẳng giới”. Báo cáo tóm tắt. NXB Phụ nữ Việt Nam.

này có quyền quyết định mọi việc trong gia đình và bậc số 1 – chỉ quyết định một vài việc.<sup>41</sup> Hình 1 cho thấy kết quả thang đo của phụ nữ ở thị trấn và xã nông thôn ở các độ tuổi khác nhau về quyền tự quyết của phụ nữ và nam giới trong gia đình. Có thể thấy, nhóm phụ nữ ở độ tuổi lớn từ 36-50 ở cả thị trấn và xã đều để mức độ ra quyết định của phụ nữ thấp hơn so với nam giới, trong khi nhóm phụ nữ ở độ tuổi trẻ nhất 18-24 lại đặt mức độ quyết định của nam giới và phụ nữ tương đương nhau, thậm chí nhóm phụ nữ trẻ ở xã còn cho rằng quyền ra quyết định của nam giới còn thấp hơn một chút so với phụ nữ. Điều này cho thấy những phụ nữ trẻ tuổi có cái

nhìn bình đẳng hơn về vai trò và quyền quyết định của cả hai giới, khác với những phụ nữ ở các nhóm tuổi lớn hơn – đều đặt quyền quyết định của nam giới cao hơn phụ nữ.

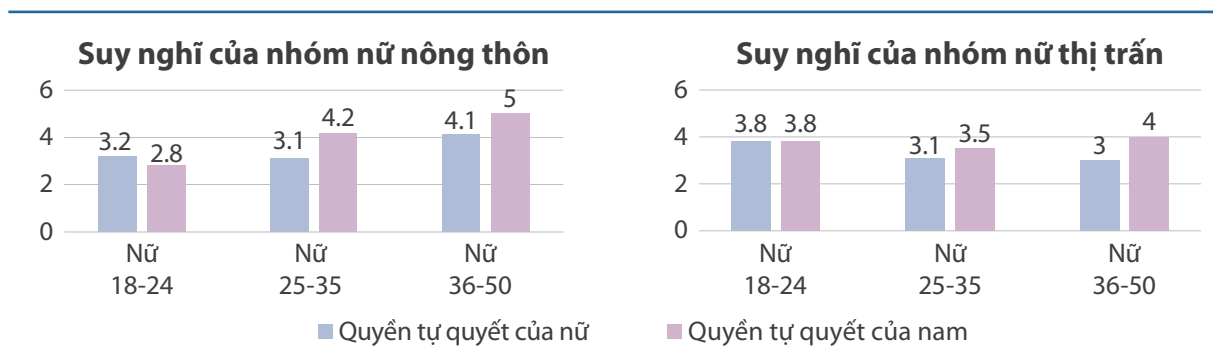


“Đàn ông có quyền cao hơn mình vì từ xưa vẫn thế, đàn ông là trụ cột trong nhà.” (TLN nữ, Dao, nông thôn).

“Mọi thứ anh ấy quyết định hơn. Em nói chỉ có nói anh nghe phần nào thôi còn anh toàn quyết định.” (Phụ nữ Mường, 39 tuổi, thị trấn).

### Hình 1. Đánh giá của phụ nữ về quyền tự quyết của nam giới và phụ nữ trong gia đình

(Thang đo từ 1-5, trong đó số 5 - quyết định mọi việc; 1 - quyết định một vài việc)



Nhóm nam cũng có đánh giá tương tự về quyền ra quyết định của nam giới và phụ nữ trong gia đình. Tuy nhiên, nhóm nam nông thôn đánh giá quyền ra quyết định của phụ nữ khá thấp (mức 2) so với quyền ra quyết định của nam giới (mức

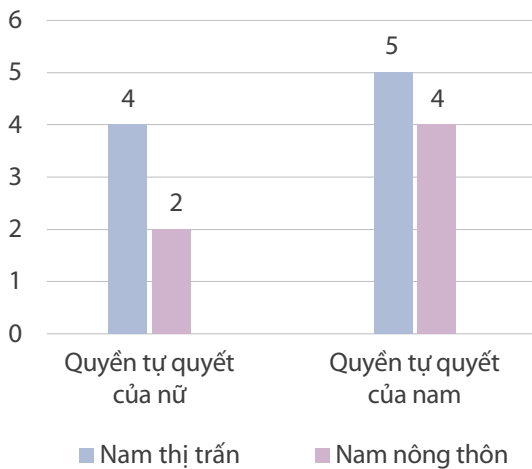
4); trong khi nam giới ở thị trấn đặt quyền ra quyết định của phụ nữ khá cao (mức 4) tuy vẫn thấp hơn so với quyền ra quyết định của nam giới (mức 5). (xem Hình 2 ở dưới).

41 Thang đo mức độ tự quyết: 5- quyết định mọi việc; 4 – quyết định phần lớn các việc; 3- quyết định một số việc; 2- quyết định vài việc; và 1- chỉ quyết định 1-2 việc.

## Hình 2. Đánh giá của nam giới về quyền tự quyết trong gia đình của nam giới và phụ nữ

(Thang đo từ 1-5, trong đó số 5- quyết định mọi việc; số 1- quyết định một vài việc)

### Suy nghĩ của nam giới về quyền tự quyết của nam và nữ trong gia đình



### Đa phần người chồng vẫn là chủ hộ, là người đứng tên trên giấy CNQSDĐ (sổ đỏ).

Dù đã có luật quy định về việc đứng tên cả hai vợ chồng trên sổ đỏ (tài sản chung sau hôn nhân), nhiều hộ vẫn chưa đi đổi lại sổ, do đó vẫn do người chồng đứng tên nhiều và phụ trách các thủ tục có liên quan. Do đó, trong các quyết định vay vốn kinh doanh, phụ nữ không thể tự quyết, không được đứng tên, phải nhờ chồng cùng đến làm thủ tục. Tiếp cận dịch vụ vay vốn kinh doanh, vay vốn lớn còn gặp khó khăn vì thủ tục đòi hỏi chữ ký của mọi thành viên gia đình đủ 18 tuổi, cần làm ủy quyền nếu con đi làm xa, đi nghĩa vụ quân sự không về được.



*“Sổ đỏ ở đây vẫn đứng tên chồng. Tiền bạc thì đa phần chị em nắm nhưng vẫn phải nghe chồng quyết định. Như em làm công tác xã hội*



*thì cũng được chồng nghe theo hơn” (Phụ nữ Thái, 54 tuổi, hộ khá, thị trấn).*

*“Nói chung là ví dụ như mình làm cái sổ hộ khẩu của gia đình mình, nó có trực trực gì đó hoặc nó bị mất hoặc nó bị mờ chữ thì gần như 100% mình phải đi.” (TLN nam giới Dao, 20-55 tuổi, nông thôn).*

*“Ví dụ thủ tục vay vốn. Vay vốn đứng tên người nào thì người đó phải đi. Ví dụ vay vốn đứng tên chồng mà hôm giải ngân đó vợ muốn đi nhận thì phải có giấy ủy quyền.” (TLN nam giới Dao, 20-55 tuổi, nông thôn).*

Thêm vào đó, theo tập tục của cả người Dao và người Mường trước đây, khi chia đất đai (thời ông bà) con trai được chia phần nhiều hơn vì con gái đi lấy chồng. Dù hiện nay các gia đình đã bắt đầu chia đều cho các con, tập tục này vẫn khiến nam giới sở hữu nhiều tài sản đất đai trong và sau hôn nhân hơn phụ nữ. Nhà ở cũng thường cho con trai thừa kế với mặc định con gái sẽ đi lấy chồng và ở bên nhà chồng.

### 4.2.2.2. Một số nhóm phụ nữ thiếu năng lực xã hội

Phụ nữ Dao đối mặt với nhiều khó khăn về điều kiện kinh tế, học vấn, và phong tục địa phương hơn so với các nhóm dân tộc khác.

Phụ nữ Dao (nhất là hộ nghèo) là nhóm ít tiếp cận với dịch vụ HCC nhất (chủ yếu do chồng đi làm). Họ gặp nhiều rào cản điển hình như học vấn thấp hơn (ảnh hưởng đến việc biết đọc, viết tiếng Kinh khi đi làm thủ tục trực tiếp), ít phụ nữ sử dụng điện thoại thông minh (ảnh hưởng đến việc tiếp cận nguồn thông tin trên

mạng, thủ tục hành chính trực tuyến), ít người có xe hoặc biết đi xe máy (tự đến ủy ban). Bên cạnh đó, phụ nữ Dao có hoàn cảnh khó khăn chủ yếu làm nông nghiệp ('lên đồi') và cảm thấy không có thời gian để quan tâm đến dịch vụ hành chính:



*"Chả có thời gian, cứ đi lên đồi thôi." (Phụ nữ Dao, 36-50 tuổi, nông thôn).*

Cộng đồng người Dao vẫn đặt nặng việc phải có con trai nối dõi, không chấp nhận ở rể nên các gia đình thường nhận con trai nuôi nếu không sinh được con trai. Trong gia đình, nam giới mới có quyền ra quyết định các việc lớn, nắm tài sản quan trọng, kể cả khi phụ nữ vẫn tham gia lao động, đóng góp kinh tế cho gia đình. Người chồng thường là người đi họp ở các cuộc họp thôn xóm và tiếp cận thông tin về các dịch vụ hành chính, nhưng ít khi phổ biến lại cho vợ. Chồng là người đứng tên sổ đỏ, sở hữu xe máy và kiêm nhiệm việc đi làm các thủ tục hành chính. Người vợ ngoài ngại đi làm vì chữ viết kém, không có phương tiện, không nắm thông tin, còn vì "bận" (hay bị gắn chặt với) công việc đồng áng, không có thời gian để ý đến hoặc đi làm thủ tục hành chính. Phụ nữ ít đi làm thủ tục hành chính thì đồng thời cũng ít nhận thấy vai trò, giá trị (trong việc bảo vệ quyền lợi của bản thân) của việc nắm vững các thủ tục hành chính. Theo họ, không quan trọng là vợ hay chồng, mà ai có nhiều thời gian hơn thì đi làm. Quan niệm của cả hai giới về vị thế của người đàn ông vẫn là đóng vai trò trụ cột, nắm quyền quyết định về vay vốn, tài sản lớn, dù phụ nữ không bị hạn chế đi ra bên ngoài.



*"Có cái vợ không đi làm được vì mình đứng trụ [trụ cột gia đình]. Những cái ví dụ như hồ sơ cho trẻ đến lớp thì vợ đi làm cũng được mà chồng đi làm cũng được. Cái đó thì nó không cơ bản. Có những cái cơ bản như là chủ hộ thì những cái đó mình khó có thể xoay chuyển được. Có nhiều cái thì chồng bận thì vợ đi." (TLN nam, Dao, 20-55 tuổi, nông thôn).*

*"...ngày xưa mình không được ăn học mấy, chính vì cái ấy nên lắm lúc mình phải làm này nọ, chứ mình học có hạn chế, nên mình rụt rè, đi ra ngoài em ngại... Bây giờ đa số phụ nữ hiện đại rồi, chỉ có trên miền núi mới có những người như chúng em thôi." (TLN nữ, Dao, 25-35 tuổi, nông thôn).*

Truyền thông về các thủ tục, chương trình cụ thể (như vay vốn cho hộ nghèo, hỗ trợ COVID-19, đổi CMND...) tại thôn, xã vẫn còn rời rạc, chưa thường xuyên. Chưa có chuyên đề riêng về dịch vụ hành chính công, hướng dẫn thực hiện các thủ tục hành chính và phổ biến thông tin về cải cách hành chính đến người dân nói chung, và dành cho phụ nữ nói riêng. Phương thức phổ biến thông tin về cải cách hành chính, hoặc hướng dẫn các về dịch vụ một cửa và các thủ tục hành chính chưa thân thiện với phụ nữ, nhất là phụ nữ DTTS. Các hướng dẫn chi tiết được niêm yết dưới dạng văn bản, khiến có rất ít phụ nữ tìm đọc.

Do vậy, vẫn còn lỗ hổng trong hiểu biết của phụ nữ dân tộc về khái niệm, các cải cách, và nhất là vai trò của dịch vụ HCC với phụ nữ DTTS. Việc

tiếp cận thông tin giữa các nhóm dân tộc cũng không đồng đều. Phụ nữ Dao ở xã thường ít tham gia họp tại địa phương, ít quan tâm đến dịch vụ hành chính so với phụ nữ Mường ở thị trấn, với lý do bận việc nương rẫy (lên đồi) hoặc chăm con nhỏ. Do đó, người chồng thường là người đi họp, nắm thông tin và đi làm các thủ tục hành chính.

#### 4.2.2.3. Rào cản trong triển khai, thực hiện các chính sách liên quan đến dịch vụ hành chính công

Dù đã có những chính sách hỗ trợ cho phụ nữ, ưu tiên đồng bào DTTS nhưng triển khai trên thực tế vẫn còn hạn chế vì thiếu khâu tuyên truyền, tư vấn hiệu quả để người dân, nhất là phụ nữ DTTS hiểu biết và nắm bắt tốt các chính sách, dịch vụ HCC liên quan đến quyền lợi của mình.

Với những phụ nữ muốn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh cần những khoản vay thường từ vài trăm triệu, sẽ cần chữ ký của tất cả các thành viên gia đình tuổi từ đủ 18. Điều này gây khó khăn cho những gia đình có người đi làm ăn hoặc đi học xa nhà, và phụ nữ tham gia phỏng vấn cũng không biết thông tin hay nhận được tư vấn về cách thực hiện thủ tục ủy quyền (như thông qua giấy ủy quyền, cho phép người ủy quyền đơn phương lập và chứng thực) để giải quyết khó khăn trên.

Với những khoản vay lớn, từ 100 triệu đồng trở lên đòi hỏi thế chấp tài sản, thường là sổ đỏ, nhiều trường hợp vẫn chỉ có người chồng đứng tên và nắm giữ. Dù chính quyền địa phương đã có tuyên truyền về việc sổ đỏ cần đứng tên cả hai vợ chồng (theo Luật hôn nhân và gia đình 2014, quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được

thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng), quy định này vẫn chưa được thực hiện triệt để. Nguyên nhân một phần vì sổ đỏ thường được mang đi thế chấp ngân hàng để vay vốn, người vay không chủ động cập nhật thông tin trên sổ đỏ trong hồ sơ vay vì nhiều phụ nữ vẫn chưa hình dung được tầm quan trọng của quy định này trong việc bảo vệ quyền lợi bản thân, nhất là khi chưa có các tranh chấp xảy ra trên thực tế. Luật Đất đai 2013 và Luật hôn nhân và gia đình 2014 cũng quy định việc ghi tên cả hai vợ chồng trong sổ đỏ khi cấp chứng nhận quyền sử dụng đất là không bắt buộc nếu như giữa vợ và chồng có thỏa thuận chỉ ghi tên một người trên sổ đỏ. Do đó, việc người phụ nữ hiểu biết về vai trò của chính sách về tài sản chung của hai vợ chồng, và ý thức được các rủi ro khi có tranh chấp để chủ động đòi quyền lợi của mình là rất quan trọng để các chính sách này có hiệu quả bảo vệ khi triển khai trong thực tế.

Tuy nhiên, vẫn chưa có các truyền thông chuyên đề, nội dung tuyên truyền sâu và đủ cho đồng bào DTTS và phụ nữ DTTS nói riêng về nội dung, ý nghĩa của các chính sách, dịch vụ hành chính về đất đai, và dịch vụ HCC nói chung. Cán bộ tại địa phương là đầu mối liên lạc của người dân (thường là trưởng thôn), cán bộ chuyên trách (cán bộ địa chính) và nhân viên tại các ngân hàng cũng cần có đủ kiến thức và sự chủ động trong tư vấn hỗ trợ người dân (nhất là phụ nữ DTTS), chú trọng vào các khó khăn cụ thể và phổ biến tại địa bàn, như ở trường hợp này là việc cập nhật thông tin sổ đỏ đã mang thế chấp ngân hàng, và rộng ra hơn là người phụ nữ hiểu sâu về quyền của mình trong việc đứng tên, sở hữu tài sản chung. Ngoài ra, vấn đề về bình đẳng giới đã được đề cập trong các quy định về giải quyết thủ tục hành chính nhưng vẫn còn khá chung



chung, nên khó để triển khai trên thực tế. Thí dụ, Nghị định 61 quy định dịch vụ HCC phải đảm bảo công bằng, bình đẳng giữa các đối tượng nộp hồ sơ (Điều 4), phải bổ sung các hỗ trợ cho các nhóm dễ bị tổn thương hơn như phụ nữ và DTTS khi tham gia đánh giá dịch vụ

HCC (Điều 29), và yêu cầu có cung cấp phiên dịch tiếng dân tộc khi cần thiết (Điều 8). Tuy vậy, vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể cho chính quyền địa phương về các hoạt động hỗ trợ này có thể là gì, cách thức để triển khai, và phân bổ nguồn lực, ngân sách như thế nào.



# KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

## Kết luận

Kết quả nghiên cứu ở hai địa phương tại huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình với phụ nữ dân tộc Mường và phụ nữ dân tộc Dao cho thấy phụ nữ DTTS ở đây hoàn toàn có khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ HCC, bao gồm cả dịch vụ HCC trực tuyến và trong thực tế ngày càng tiếp cận nhiều hơn và sử dụng hiệu quả hơn các dịch vụ HCC cơ bản. Mặt khác, việc tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ HCC giúp phụ nữ tiếp cận được các chương trình và các cơ hội sinh kế giúp xoá đói giảm nghèo và phát triển kinh tế nói riêng và giúp họ nâng cao quyền năng kinh tế và cải thiện mối quan hệ giới trong gia đình và xã hội qua hình ảnh người phụ nữ hiểu biết, thông thạo và tự tin, chủ động.

Những yếu tố giúp phụ nữ DTTS ở địa bàn nghiên cứu tiếp cận dịch vụ HCC một cách hiệu quả bao gồm:

- (i) Dịch vụ HCC cấp cơ sở thuận tiện với đội ngũ cán bộ thân thiện, sẵn sàng hỗ trợ;
- (ii) Hạ tầng cơ sở thuận lợi: giao thông dễ dàng, sự phổ biến của Internet và sử dụng điện thoại thông minh trong nhiều nhóm phụ nữ DTTS, đặc biệt là các nhóm phụ nữ trẻ tuổi cũng là một yếu tố tạo cơ hội cho phụ nữ DTTS tiếp cận tới dịch vụ HCC trực tuyến một cách thuận tiện, nếu dịch vụ này được triển khai tại địa phương.

- (iii) Trình độ học vấn cao và tiếp xúc xã hội nhiều giúp phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ trẻ, giúp họ tự tin hơn và nhanh chóng nắm bắt các thủ tục;
- (iv) Vai trò của chính quyền, các cơ quan chức năng và các đoàn thể xã hội trong việc tạo ra môi trường cởi mở, khuyến khích phụ nữ chủ động trong lao động sản xuất và cuộc sống nói chung;
- (v) Những thay đổi tích cực về văn hoá-xã hội và kinh tế nói chung thúc đẩy sự thay đổi trong nhận thức của cộng đồng theo hướng bình đẳng hơn, tạo điều kiện cho sự tiến bộ của phụ nữ. Tại địa bàn nghiên cứu đã thấy sự thay đổi tích cực hơn trong phân công lao động theo giới và vai trò giới truyền thống, cũng như mối quan hệ quyền lực giữa hai nam giới và phụ nữ, đặc biệt ở nhóm phụ nữ trẻ tuổi hơn. Điều này còn thể hiện qua sự gia tăng mức độ di động xã hội của phụ nữ DTTS: Phụ nữ đi xa hơn, tham gia vào thị trường lao động, việc làm rộng lớn hơn, qua đó mở rộng cơ hội việc làm, cũng như nâng cao quyền năng của họ.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng phụ nữ DTTS ở nhóm tuổi trẻ hơn, với trình độ văn hóa cao hơn, tiếp cận nhanh nhạy hơn với công nghệ và mạng xã hội và có những quan điểm giới tích cực hơn so với những phụ nữ DTTS ở độ tuổi lớn hơn. Họ

có thể là nhóm tiên phong trong tiếp cận và sử dụng dịch vụ HCC trực tuyến và có thể trợ giúp cho những phụ nữ DTTS lớn tuổi của thế hệ trước trong tiếp cận và sử dụng các dịch vụ HCC. Tuy phụ nữ có xu hướng trở nên tháo vát, tự chủ, và bình đẳng hơn trong việc ra quyết định, và nam giới cũng tỏ ra hoan nghênh việc phụ nữ hiểu biết, chia sẻ, gánh vác được nhiều công việc với chồng hơn, vẫn cần quan tâm đến tâm lý của nam giới trước những thay đổi này, tuyên truyền về giới không bỏ quên nam giới, phòng chống nguy cơ bạo lực gia đình.

Mặc dù vậy, vẫn còn những khác biệt mang tính định kiến giới về năng lực của phụ nữ thể hiện qua quan niệm về mức độ “quan trọng” của các thủ tục HCC. Ví dụ những dịch vụ có thủ tục phức tạp hơn, liên quan tới các quyền đất đai, là nguồn tư liệu sản xuất và tài sản lớn, chủ yếu vẫn là người nam giới đi thực hiện, và phụ nữ là người đi cùng và “ký tên”. Tương tự, với sự hỗ trợ hiệu quả của các tổ vay vốn ở cơ sở, người phụ nữ DTTS có thể tiếp cận dễ dàng tới nguồn vốn vay. Nhưng vấn đề là cách làm này có thể lại khiến họ lệ thuộc vào người trợ giúp (tổ trưởng tổ vay vốn) và như vậy, năng lực, sự chủ động của họ trong việc tiếp cận các dịch vụ HCC để được hưởng lợi từ các chương trình hỗ trợ quan trọng (như vay vốn) có thể vẫn chưa được cải thiện.

Nhiều phụ nữ DTTS còn khá mơ hồ với các khái niệm dịch vụ HCC, thủ tục hành chính, cải cách hành chính một cửa, trực tuyến, cũng như việc nắm bắt các thủ tục liên quan đến sở hữu đất đai (nhất là cùng đứng tên sổ đỏ) có ảnh hưởng đến quyền lợi của mình như thế nào. Tiếp cận vốn vay và bảo trợ xã hội, hồ sơ nhập học và bảo hiểm cho con là những lĩnh vực thiết thân mà qua đó phụ nữ cảm nhận rõ được quyền lợi của mình khi được tiếp cận dịch vụ HCC.

Các chương trình tập huấn, các cuộc họp, thông báo loa đài tại địa phương (với các xóm ở gần xã) là hình thức được nhiều phụ nữ đề xuất nhất để học

về dịch vụ hành chính và các cải cách trong thủ tục hành chính (hiện chưa được triển khai tại địa phương). Các chương trình này có thể nhấn mạnh thêm về vai trò của việc nắm bắt và chủ động thực hiện thủ tục hành chính, đặc biệt là về sở hữu đất đai và vay vốn, cũng như kỹ năng tìm thông tin để chị em tự tin hơn khi chuẩn bị hồ sơ làm thủ tục. Cần chú ý tìm cách vận động, tạo điều kiện cho sự tham gia của cả vợ và chồng trong cuộc họp (xen kẽ hoặc đồng thời), tránh việc đi họp chỉ do một bên đảm nhận, hoặc không đi họp vì bận công việc hay chăm con cái. Mời cán bộ tư pháp, công an, các ban ngành liên quan cùng tham gia các cuộc họp để tuyên truyền, tư vấn về dịch vụ hành chính, thậm chí làm thủ tục hành chính lưu động là một hình thức hiệu quả để tiếp thêm động lực cho người dân tiếp cận dịch vụ hành chính.

Những thay đổi tích cực trong cải cách hành chính, cơ chế một cửa, và dịch vụ công trực tuyến cùng những phát triển của cơ sở hạ tầng là những điều kiện cần, nhưng chưa đủ để nâng cao quyền năng và tính tự chủ của người phụ nữ DTTS. Cần có những tác động mạnh mẽ để thay đổi những khuôn mẫu giới truyền thống cản trở sự tiến bộ của phụ nữ và củng cố bất bình đẳng giới, đặc biệt là mối quan hệ quyền lực giữa hai giới trong việc ra các quyết định của gia đình.

Việc phụ nữ DTTS có hiểu biết, tiếp cận và sử dụng thành thạo dịch vụ HCC ở một khía cạnh nào đó có thể càng làm gia tăng thêm gánh nặng kép cho họ: họ vừa cần giỏi làm kinh tế, giỏi việc nhà và giỏi cả các việc “ngoài xã hội” nếu như không có sự chung tay chia sẻ của người chồng, người nam giới trong gia đình.

Tóm lại, kết quả nghiên cứu trên hai nhóm phụ nữ DTTS là phụ nữ Dao và phụ nữ Mường cho thấy hai nhóm phụ nữ DTTS này ở Đà Bắc đã và đang thay đổi để bắt kịp với những thay đổi kinh tế-xã hội và công nghệ đang diễn ra nhanh chóng trên quê hương mình. Đây có thể được coi như là hai trường hợp điển hình phản ánh sự thay đổi tích

cực của phụ nữ DTTS. Họ chứng tỏ cho chúng ta thấy rằng, phụ nữ DTTS có thể thay đổi, có thể trở nên tự chủ và tích cực tham gia vào quá trình xóa đói giảm nghèo, thay đổi cuộc sống của chính họ và gia đình. Các chương trình dành cho phụ nữ DTTS trong Chiến lược quốc gia xóa đói giảm nghèo bền vững hay Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2023 cần tiếp tục đầu tư cho phụ nữ và em gái DTTS các cơ hội giáo dục, học tập và việc làm, đặc biệt là các cơ hội giáo dục dạy nghề và thúc đẩy nâng cao tính di động xã hội cho phụ nữ. Ngoài ra, các chương trình đầu tư cải thiện cơ sở hạ tầng như điện, giao thông nông thôn, mạng viễn thông, và trường học cũng là những điều kiện không thể thiếu góp phần tạo điều kiện cho phụ nữ dễ dàng tiếp cận hơn tới các dịch vụ HCC.

## Dưới đây là một số khuyến nghị cụ thể

- 1) Tăng cường năng lực sử dụng công nghệ thông tin (Internet, Google, mạng xã hội, điện thoại thông minh, các dịch vụ công trực tuyến) trong cộng đồng các nhóm DTTS. Điều này có thể thực hiện thông qua:
  - a. Cải thiện hạ tầng cơ sở tạo điều kiện sử dụng Internet thuận tiện, hiệu quả (với các khu vực xóm bản ở vùng núi, vùng sâu xa trung tâm xã).
  - b. Thành lập nhóm tình nguyện viên cộng đồng gồm những phụ nữ trẻ, có học vấn cao, có kỹ năng sử dụng máy tính, điện thoại thông minh và sử dụng Internet thành thạo để hỗ trợ cho những phụ nữ nhiều tuổi, phụ nữ khuyết tật và những phụ nữ thiếu kỹ năng sử dụng các thiết bị thông minh để tìm kiếm thông tin và truy cập các trang dịch vụ HCC trực tuyến.
- 2) Phụ nữ khuyết tật nói riêng, và người khuyết tật của các nhóm DTTS vẫn là nhóm “vô hình” đối với các dịch vụ HCC và nhiều chương trình an sinh xã hội cũng như các hoạt động phát triển. Triển khai dịch vụ HCC trực tuyến (nhất là thủ tục ở cấp độ 3 và 4) hoặc/và các hoạt động hỗ trợ tìm việc làm/ đào tạo nghề trực tuyến sẽ có nhiều ý nghĩa đối với phụ nữ khuyết tật vận động và người khuyết tật nói chung. Cần có những hoạt động/chương trình cụ thể hỗ trợ cho người khuyết tật và phụ nữ khuyết tật của các nhóm DTTS tiếp cận tới các dịch vụ hỗ trợ trực tuyến về dạy nghề, đào tạo nghề và việc làm trực tuyến.
- 3) Tại cấp cơ sở, việc làm các thủ tục HC trực tiếp tại bộ phận một cửa hầu như không có trở ngại nào đáng kể, thậm chí tiết kiệm thời gian hơn (vì khối lượng giao dịch ở địa phương còn thấp, thời gian chờ đợi nộp hồ sơ ngắn và lấy kết quả thường trong ngày so với nhận kết quả qua bưu điện sẽ lâu hơn). Đi làm thủ tục HC trực tiếp còn giúp phụ nữ thấy tự tin, bản lĩnh hơn khi giao tiếp nhiều với cán bộ chính quyền, hay giao tiếp xã hội nhìn chung (gắn với hình ảnh người phụ nữ tháo vát, ra ngoài xã hội nhiều, tự tin ăn nói), đồng thời chủ động được công việc mà không phụ thuộc vào Internet hoặc điện thoại thông minh. Một giải pháp để tăng cường tiếp cận trực tiếp của phụ nữ DTTS đến các dịch vụ HCC tại cấp cơ sở là hướng dẫn phụ nữ đi xe máy và lấy bằng lái xe máy. Hiện nay, đa số phụ nữ đều biết đi xe máy, nhưng không phải tất cả đều có bằng lái xe. Nhóm phụ nữ trẻ thông qua hoạt động của Hội Phụ nữ hoặc Đoàn Thanh niên có thể

- trợ giúp những phụ nữ lớn tuổi trong việc tiếp cận và sử dụng phần mềm ôn tập sát hạch lý thuyết lái xe máy qua phần mềm ứng dụng trên điện thoại thông minh hoặc máy tính nhằm giúp họ tự tin và thi lấy bằng lái xe máy thành công.
- 4) Các thủ tục hành chính để vay vốn có thể được điều chỉnh linh hoạt hơn với công nghệ trực tuyến. Việc những thành viên gia đình đang học hoặc làm việc ở xa có thể tham gia và ủy quyền trực tiếp qua cuộc gặp trực tuyến với các cán bộ có thẩm quyền, sẽ giảm bớt những khó khăn cho phụ nữ khi thực hiện các thủ tục vay vốn trong điều kiện “chủ hộ” là người chồng hoặc thành viên khác của gia đình không thể có mặt vào thời điểm vay vốn.
  - 5) Đẩy mạnh các hoạt động “mang thủ tục đến cho người dân” theo cách làm của các chương trình cho vay vốn xóa đói giảm nghèo, hoặc làm thủ tục căn cước cho người dân tại thôn/xóm.
  - 6) Tăng cường hoạt động truyền thông nhằm thay đổi các khuôn mẫu giới và chuẩn mực giới truyền thống về vai trò trụ cột và quyền ra quyết định của nam giới hướng đến sự cân bằng và bình đẳng trong gia đình.
  - 7) Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nhằm tăng quyền năng kinh tế và vị thế xã hội của phụ nữ DTTS thông qua nâng cao nhận thức phụ nữ và nam giới về quyền pháp lý của phụ nữ đối với đất đai (quyền đứng tên trên sổ đỏ, tài sản trong hôn nhân, quyền thừa kế, ...) và tầm quan trọng của các thủ tục pháp lý đối với đất đai và tài sản.
  - 8) Việt Nam có 53 dân tộc cư trú ở nhiều vùng miền khác nhau của đất nước với những đặc điểm văn hóa, xã hội trình độ văn hóa và điều kiện phát triển rất khác biệt. Vì vậy, khi xây dựng các chương trình hỗ trợ cho các phụ nữ DTTS, cần thực hiện khảo sát về địa bàn can thiệp cũng như các nhóm phụ nữ DTTS một cách cụ thể để có thể có những hoạt động hỗ trợ kịp thời và phù hợp.





# TÀI LIỆU THAM KHẢO

Actionaid (2015). Đáp ứng giới trong dịch vụ công: Đây là câu trả lời cho Việt Nam? Hà Nội.

Alfaro, Jaro A. (2010). Cải cách hành chính công. Tạp chí Pháp luật Việt Nam. <http://vietnamlawmagazine.vn/reforming-public-administration-3651.html>;

Báo Hòa Bình (2020). Huyện Đà Bắc ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong cơ quan Nhà nước. <http://baohoabinh.com.vn/28/137253/Huyen-Da-Bac-ung-dung-hieu-qua-cong-nghe-thong-tin-tr111ng-co-quan-Nha-nuoc.html>

Báo Nhân Dân (2017). Việt Nam nỗ lực để cung cấp các dịch vụ công ngày càng tốt hơn. <https://en.nhandan.org.vn/society/item/5676702-vietnam-strives-to-provide-increasingly-better-public-services.html>

Blunt, M., và Davidsen, S. (n.d.). Cải cách một cửa tại Việt Nam: Thay đổi bộ mặt của dịch vụ hành chính công cho người dân và doanh nghiệp thông qua cơ chế một cửa. Ngân hàng Thế giới.

Bộ Tư Pháp (2018). Thực trạng thực hiện nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công trong quản lý trợ giúp pháp lý và khả năng chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân xã hội có đủ năng lực thực hiện. <http://trogiupphaply.gov.vn/nghien-cuu-trao-doi/thuc-trang-thuc-hien-nhiem-vu-dich-vu-hanh-chinh-cong-trong-quan-ly-tro-giup>

CECODES, VFF-CRT, RTA, UNDP. (2019). Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh của Việt Nam: Đo lường trải nghiệm của người dân. Hà Nội.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010). Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của về kiểm soát thủ tục hành chính.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010). Quyết định 2351/QĐ-TTg, Phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012). Quyết định 711/QĐ-TTg phê duyệt chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015). Quyết định 1557/QĐ-TTg phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số gắn với Mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015). Quyết Định số 09/2015/QĐ-TTg ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016). Quyết định 1722/QĐ-TTg phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017). Nghị định số 92/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018). Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018). Thông tư 01/2018/TT-VPCP hướng dẫn thi hành một số quy định của nghị định số 61/2018/nđ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020). Quyết định số 759/QĐ-TTg ban hành Chương trình công tác năm 2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

ISDS (2020). Nam giới và Nam tính trong một Việt Nam hội nhập – Những phát hiện chính từ cuộc nghiên cứu và ý nghĩa đối với bình đẳng giới. Báo cáo tóm tắt. NXB Phụ nữ Việt Nam.

Jones, N., và Thi Van Anh, T. (2012). Chính trị về giới và bảo trợ xã hội ở Việt Nam: cơ hội và thách thức. London: Viện Phát triển Hải ngoại.

Ngân hàng Thế giới (2009). Báo cáo tóm tắt: Phát triển của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Washington, DC.

Ngân hàng Thế giới (2019). Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế-xã hội của dân tộc thiểu số tại Việt Nam.

Ngô, T.C. (2013). Cải cách hành chính công tại Việt Nam: các thực trạng và giải pháp. <http://scholarly-journals.com/sjba/archive/2013/Nov/pdf/Can.pdf>;

ODV (2020). Chính sách và quyền của người dân tộc thiểu số và người bản địa.

Painter, M. (2005). Cải cách hành chính công tại Việt Nam: cấy ghép từ nước ngoài hay phức hợp của bản địa, Chủ nghĩa xã hội và thay đổi luật pháp ở Châu Á, Canberra.

Phạm, D. (2011). Nguyên tắc cơ bản trong quản trị hành chính quốc gia. Tạp chí Pháp luật Việt Nam. <http://vietnamlawmagazine.vn/basic-principles-of-state-administration-4429.html>;

Quốc hội Việt Nam, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

TS. Phùng Đức Tùng, TS. Nguyễn Việt Cường, TS. Nguyễn Cao Thịnh, Nguyễn Thị Nhung và Tạ Thị Khánh Vân (2017). Tổng quan thực trạng kinh tế xã hội – Dựa trên kết quả phân tích số liệu điều tra thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2015.

UBND huyện Đà Bắc (2020). Báo cáo của huyện Đà Bắc số 286/BC-UBND ngày 26/6/2020.

UBND huyện Đà Bắc (2020). Báo cáo số 351/BC-UBND ngày 17/8/2020 của UBND huyện Đà Bắc về Tổng kết Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 13/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2020; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2021-2025 của UBND huyện Đà Bắc.

UBND huyện Đà Bắc (2020). Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện kết luận số 01/KL- ĐCT ngày 20/8/2015 của UBMTTQ huyện Đà Bắc, ngày 5/6/2020.

UN Women (2019). Các khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

Ủy Ban Dân Tộc (2020). Thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số Việt Nam năm 2019. Số liệu thống kê.

Vasavakul, Th., (n.d.) (2009). Hành chính công và phát triển kinh tế tại Việt Nam: Tái xây dựng hành chính công Việt Nam trong Thế kỉ 21. UNDP, Hà Nội.





